

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-ĐHNL-HĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp cho hệ đào tạo vừa làm vừa học ở các Trường Đại học và Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ Quyết định số 4100/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo áp dụng cho bậc Đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản đề nghị xét tốt nghiệp của Phân hiệu Ninh Thuận, các Khoa liên quan;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp của Trường ngày 11 tháng 09 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 1677 sinh viên, trong đó bao gồm 1664 sinh viên hệ Đại học chính quy, 11 sinh viên hệ Cao đẳng chính quy, 2 sinh viên hệ Vừa làm vừa học các ngành.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Sinh viên có tên tại Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- PHNT, P.KHTC (phối hợp thực hiện)
- Website Trường;
- Lưu: VPT, QLĐT.



PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

'Ban hành theo Quyết định số 1149 /QĐ-ĐHNL ký ngày 11/19/2025 của Hiệu trưởng'

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Cơ khí công nghệ							
DH14CC							
1	14118149	Hà Văn Giao	22/12/1996	Nam	2.26	Trung bình	1241 /2025/DHCQ_NLU
DH14GT							
1	14154139	Lê Tấn Tài	01/01/1995	Nam	2.43	Trung bình	1242 /2025/DHCQ_NLU
DH15OT							
1	15154019	Võ Duy Hà	16/04/1997	Nam	2.20	Trung bình	1243 /2025/DHCQ_NLU
2	15154042	Nguyễn Thanh Sang	01/01/1997	Nam	2.69	Khá	1244 /2025/DHCQ_NLU
DH17NL							
1	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	10/11/1999	Nam	2.41	Trung bình	1245 /2025/DHCQ_NLU
2	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	20/10/1999	Nam	2.14	Trung bình	1246 /2025/DHCQ_NLU
DH18CD							
1	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	05/10/2000	Nam	2.51	Khá	1247 /2025/DHCQ_NLU
2	18153036	Trần Việt Khoa	22/01/1999	Nam	2.42	Trung bình	1248 /2025/DHCQ_NLU
DH18CKC							
1	18118192	Lê Tiến Đạt	10/01/2000	Nam	2.73	Khá	1249 /2025/DHCQ_NLU
2	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	27/08/2000	Nam	2.84	Khá	1250 /2025/DHCQ_NLU
DH18OT							
1	18154007	Trần Quyền Anh	12/04/2000	Nam	2.70	Khá	1251 /2025/DHCQ_NLU
DH18TD							
1	18138051	Đặng Hoàng Long	15/02/2000	Nam	2.79	Khá	1252 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19CC								
1	19118037	Phạm Thế	Đạt	20/01/2001	Nam	2.53	Khá	1253 /2025/DHCQ_NLU
2	19118059	Nguyễn Chí	Hào	22/10/2001	Nam	2.53	Khá	1254 /2025/DHCQ_NLU
3	19118087	Đỗ Quốc	Huy	22/09/2001	Nam	2.31	Trung bình	1255 /2025/DHCQ_NLU
4	19118215	Trần Ngọc	Thanh	15/05/2001	Nam	2.28	Trung bình	1256 /2025/DHCQ_NLU
5	19118233	Nguyễn Nam	Thuận	30/10/2001	Nam	2.25	Trung bình	1257 /2025/DHCQ_NLU
6	19118284	Lâm Tuấn	Vỹ	15/05/2001	Nam	2.80	Khá	1258 /2025/DHCQ_NLU
DH19CD								
1	19153083	Giáp Trung	Tín	03/04/2001	Nam	2.16	Trung bình	1259 /2025/DHCQ_NLU
DH19CK								
1	19118019	Lê Minh	Chiến	20/01/2001	Nam	2.14	Trung bình	1260 /2025/DHCQ_NLU
2	19118127	Nguyễn Bình	Lộc	31/01/2001	Nam	2.65	Khá	1261 /2025/DHCQ_NLU
3	19118232	Ngô Kế Minh	Thuận	10/10/2001	Nam	2.15	Trung bình	1262 /2025/DHCQ_NLU
DH19NL								
1	19137009	Huỳnh Tấn	Cường	04/04/2001	Nam	2.64	Khá	1263 /2025/DHCQ_NLU
2	19137043	Phạm Nhật	Nam	06/05/2001	Nam	2.65	Khá	1264 /2025/DHCQ_NLU
3	19137048	Hoàng Công	Nhật	02/09/2001	Nam	2.32	Trung bình	1265 /2025/DHCQ_NLU
DH19OT								
1	19154059	Nguyễn Ngô Nhật	Huy	15/03/2001	Nam	2.72	Khá	1266 /2025/DHCQ_NLU
2	19154192	Dương Thế	Vinh	02/11/2001	Nam	2.88	Khá	1267 /2025/DHCQ_NLU
DH19TD								
1	19138001	Võ Hoà	An	19/09/2000	Nam	2.47	Trung bình	1268 /2025/DHCQ_NLU
DH20CC								
1	20118115	Đinh Thế	Anh	06/10/2002	Nam	2.42	Trung bình	1269 /2025/DHCQ_NLU
2	20118268	Nguyễn Hoàng	Tiến	11/01/2002	Nam	2.45	Trung bình	1270 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20CD								
1	20153080	Đoàn Huy	Hoàng	28/09/2002	Nam	2.54	Khá	1271 /2025/DHCQ_NLU
2	20153104	Nguyễn Hoài	Nam	18/02/2002	Nam	2.30	Trung bình	1272 /2025/DHCQ_NLU
3	20153139	Lê Huỳnh Công	Việt	11/10/2002	Nam	2.39	Trung bình	1273 /2025/DHCQ_NLU
DH20CK								
1	20118166	Lâm Long	Hồ	10/05/2002	Nam	2.54	Khá	1274 /2025/DHCQ_NLU
2	20118172	Nguyễn Bá	Huy	30/05/2002	Nam	2.00	Trung bình	1275 /2025/DHCQ_NLU
3	20118181	Nguyễn Hoàng	Khang	11/08/2002	Nam	2.59	Khá	1276 /2025/DHCQ_NLU
4	20118212	Lê Thanh	Nhân	16/07/2002	Nam	2.23	Trung bình	1277 /2025/DHCQ_NLU
5	20118215	Phan Văn	Nhất	07/11/2002	Nam	2.03	Trung bình	1278 /2025/DHCQ_NLU
6	20118264	Nguyễn Đức	Thuần	29/06/2002	Nam	2.39	Trung bình	1279 /2025/DHCQ_NLU
DH20NL								
1	20137014	Nguyễn Nhựt	Hiệp	31/07/2002	Nam	2.57	Khá	1281 /2025/DHCQ_NLU
2	20137074	Lê Thanh	Hà	06/09/2002	Nam	2.45	Trung bình	1280 /2025/DHCQ_NLU
3	20137087	Cao Duy	Khánh	19/11/2002	Nam	2.23	Trung bình	1282 /2025/DHCQ_NLU
4	20137094	Huỳnh Hoài	Lâm	06/02/2002	Nam	2.23	Trung bình	1283 /2025/DHCQ_NLU
5	20137113	Nguyễn Trọng	Tâm	14/08/2002	Nam	2.20	Trung bình	1284 /2025/DHCQ_NLU
6	20137116	Nguyễn Dương	Thái	28/05/2002	Nam	2.13	Trung bình	1285 /2025/DHCQ_NLU
7	20152012	Hồ Vĩnh	Thế	28/01/2002	Nam	2.18	Trung bình	1286 /2025/DHCQ_NLU
DH20OT								
1	20120077	Đình Công Đại	Phát	10/05/2002	Nam	2.50	Khá	1297 /2025/DHCQ_NLU
2	20154062	Huỳnh Minh	Thông	19/07/2002	Nam	2.81	Khá	1302 /2025/DHCQ_NLU
3	20154101	Phạm Đình Thành	Đạt	22/02/2002	Nam	2.89	Khá	1289 /2025/DHCQ_NLU
4	20154114	Nguyễn Thành	Duy	16/10/2002	Nam	2.45	Trung bình	1288 /2025/DHCQ_NLU
5	20154115	Nguyễn Thành	Duy	20/04/2002	Nam	2.36	Trung bình	1287 /2025/DHCQ_NLU
6	20154123	Hoàng Hồng	Hậu	16/09/2002	Nam	2.50	Khá	1290 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
7	20154133	Nguyễn Văn	Hoàng	28/02/2002	Nam	2.66	Khá	1292 /2025/DHCQ_NLU
8	20154134	Nguyễn Võ Huy	Hoàng	14/10/2002	Nam	2.46	Trung bình	1291 /2025/DHCQ_NLU
9	20154150	Nguyễn Hoàng Bảo	Khánh	20/04/2002	Nam	2.58	Khá	1293 /2025/DHCQ_NLU
10	20154170	Trần Thanh	Nam	28/12/2002	Nam	2.54	Khá	1294 /2025/DHCQ_NLU
11	20154172	Trần Trung	Nghị	04/08/2002	Nam	2.52	Khá	1295 /2025/DHCQ_NLU
12	20154173	Bùi Tá	Nghĩa	11/11/1999	Nam	2.71	Khá	1296 /2025/DHCQ_NLU
13	20154189	Cao Thế	Phú	26/10/2002	Nam	2.43	Trung bình	1298 /2025/DHCQ_NLU
14	20154206	Huỳnh An	Quyền	11/03/2002	Nam	3.01	Khá	1299 /2025/DHCQ_NLU
15	20154207	Nguyễn Thế	Quyền	25/10/2002	Nam	2.31	Trung bình	1300 /2025/DHCQ_NLU
16	20154216	Huỳnh Duy	Tân	03/10/2002	Nam	2.90	Khá	1301 /2025/DHCQ_NLU
17	20154242	Cao Trọng	Văn	14/02/2002	Nam	2.65	Khá	1303 /2025/DHCQ_NLU
DH20TD								
1	20138083	Thái Gia	Hạnh	11/06/2002	Nữ	2.64	Khá	1304 /2025/DHCQ_NLU
2	20138090	Võ Tấn	Huy	16/04/2002	Nam	2.79	Khá	1305 /2025/DHCQ_NLU
3	20138101	Trần Quốc	Lâm	19/10/2002	Nam	2.33	Trung bình	1306 /2025/DHCQ_NLU
4	20138111	Đoàn Thiên	Phước	25/04/2002	Nam	2.26	Trung bình	1307 /2025/DHCQ_NLU
5	20138115	Lê Hữu Đông	Quân	08/04/2002	Nam	2.18	Trung bình	1308 /2025/DHCQ_NLU
6	20138122	Nguyễn Quốc	Tài	25/08/2002	Nam	2.48	Trung bình	1309 /2025/DHCQ_NLU
7	20138133	Trần Đức	Toàn	21/05/2002	Nam	3.04	Khá	1310 /2025/DHCQ_NLU
8	20138137	Huỳnh Lê Bảo	Trọng	07/02/2002	Nam	2.48	Trung bình	1312 /2025/DHCQ_NLU
9	20138140	Nguyễn Xuân	Tử	12/07/2002	Nam	2.54	Khá	1311 /2025/DHCQ_NLU
10	20138144	Nguyễn Đăng	Văn	27/07/2002	Nam	2.75	Khá	1313 /2025/DHCQ_NLU
11	20138146	Bùi Quốc	Việt	01/06/2002	Nam	3.34	Giỏi	1314 /2025/DHCQ_NLU
DH21CC								
1	21118173	Trần Lê	Bằng	31/07/2003	Nam	3.14	Khá	1315 /2025/DHCQ_NLU
2	21118219	Nguyễn Thanh	Duy	24/09/2003	Nam	3.09	Khá	1316 /2025/DHCQ_NLU
3	21118301	Nguyễn Thành	Luân	03/10/2003	Nam	3.23	Giỏi	1317 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
4	21118325	Trần Hoàng	Nhân	25/09/2003	Nam	3.04	Khá	1318 /2025/DHCQ_NLU
5	21118336	Lê Quang	Phú	09/09/2003	Nam	2.64	Khá	1319 /2025/DHCQ_NLU
6	21118348	Phạm Thanh	Quang	02/03/2003	Nam	2.52	Khá	1320 /2025/DHCQ_NLU
7	21118358	Nguyễn Thân Hữu	Quý	27/07/2003	Nam	2.47	Trung bình	1321 /2025/DHCQ_NLU
8	21118361	Trần Thái	Quyền	17/02/2003	Nam	2.63	Khá	1322 /2025/DHCQ_NLU
9	21118377	Bùi Tiến	Thành	24/06/2003	Nam	2.69	Khá	1326 /2025/DHCQ_NLU
10	21118391	Trần Ngọc	Tính	13/07/2003	Nam	2.78	Khá	1323 /2025/DHCQ_NLU
11	21118407	Nguyễn Anh	Tú	08/07/2003	Nam	3.14	Khá	1324 /2025/DHCQ_NLU
12	21118416	Huỳnh Nguyễn Duy	Tường	25/06/2003	Nam	2.52	Khá	1325 /2025/DHCQ_NLU
13	21118433	Đỗ Tiến	Vỹ	13/06/2003	Nam	2.69	Khá	1327 /2025/DHCQ_NLU
DH21CD								
1	21153026	Lê Hoàng	Huy	18/03/2003	Nam	3.07	Khá	1329 /2025/DHCQ_NLU
2	21153073	Huỳnh Thái	Thuận	08/06/2003	Nam	2.91	Khá	1340 /2025/DHCQ_NLU
3	21153100	Cai Thành	Vũ	20/09/2003	Nam	2.93	Khá	1341 /2025/DHCQ_NLU
4	21153113	Trần Khải	Đăng	18/07/2003	Nam	2.90	Khá	1328 /2025/DHCQ_NLU
5	21153144	Nguyễn Anh	Khoa	31/03/2003	Nam	3.61	Xuất sắc	1330 /2025/DHCQ_NLU
6	21153151	Trần Đức	Mạnh	21/04/2003	Nam	2.90	Khá	1331 /2025/DHCQ_NLU
7	21153155	Đỗ Duy	Nam	25/09/2003	Nam	3.42	Giỏi	1332 /2025/DHCQ_NLU
8	21153158	Phạm Trọng	Nghĩa	30/08/2003	Nam	2.96	Khá	1333 /2025/DHCQ_NLU
9	21153164	Bùi Đình	Nhân	01/03/2003	Nam	2.54	Khá	1334 /2025/DHCQ_NLU
10	21153181	Võ Văn	Quý	03/12/2003	Nam	3.06	Khá	1335 /2025/DHCQ_NLU
11	21153182	Nguyễn Minh	Quốc	14/02/2003	Nam	2.76	Khá	1336 /2025/DHCQ_NLU
12	21153188	Phạm Ngọc	Thắng	29/09/2003	Nam	3.47	Giỏi	1337 /2025/DHCQ_NLU
13	21153194	Trần Duy	Thịnh	03/12/2003	Nam	2.66	Khá	1338 /2025/DHCQ_NLU
14	21153197	Biện Phước	Thuận	26/04/2003	Nam	2.51	Khá	1339 /2025/DHCQ_NLU
DH21CK								
1	21118084	Lê Hoàng	Lâm	18/11/2003	Nam	3.03	Khá	1346 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	21118163	Dương Hàn	Vũ	17/11/2003	Nam	2.97	Khá	1350 /2025/DHCQ_NLU
3	21118253	Trần Tiến	Hưng	14/03/2003	Nam	2.50	Khá	1343 /2025/DHCQ_NLU
4	21118257	Nguyễn Chánh	Huy	13/02/2003	Nam	2.68	Khá	1342 /2025/DHCQ_NLU
5	21118280	Bùi Tuấn	Kiệt	25/01/2003	Nam	2.60	Khá	1344 /2025/DHCQ_NLU
6	21118282	Nguyễn Tuấn	Kiệt	30/08/2003	Nam	2.86	Khá	1345 /2025/DHCQ_NLU
7	21118309	Nguyễn Văn	Minh	02/05/2003	Nam	2.48	Trung bình	1347 /2025/DHCQ_NLU
8	21118351	Đào Duy	Quốc	10/08/2003	Nam	2.32	Trung bình	1348 /2025/DHCQ_NLU
9	21118400	Lê Văn	Trung	20/01/2003	Nam	3.01	Khá	1349 /2025/DHCQ_NLU
10	21118424	Cao Văn	Vũ	07/01/2003	Nam	3.04	Khá	1351 /2025/DHCQ_NLU
DH21NL								
1	21137071	Nguyễn Văn	Hào	20/08/2003	Nam	3.10	Khá	1352 /2025/DHCQ_NLU
2	21137081	Trần Vũ	Hưng	20/08/2003	Nam	2.55	Khá	1353 /2025/DHCQ_NLU
3	21137109	Nguyễn Thái	Nguyên	18/01/2002	Nam	2.56	Khá	1354 /2025/DHCQ_NLU
4	21137126	Tô Văn	Quang	24/03/2003	Nam	2.88	Khá	1355 /2025/DHCQ_NLU
DH21OT								
1	21118304	Nguyễn Ngọc	Mẫn	13/10/2003	Nam	2.92	Khá	1374 /2025/DHCQ_NLU
2	21154011	Diệp Mạnh	Đình	15/06/2003	Nam	2.78	Khá	1361 /2025/DHCQ_NLU
3	21154071	Dương Thị Hồng	Nhung	20/02/2003	Nữ	3.26	Giỏi	1379 /2025/DHCQ_NLU
4	21154114	Hồ Phạm Tường	Vy	02/06/2003	Nữ	3.56	Giỏi	1393 /2025/DHCQ_NLU
5	21154140	Võ Thành	Công	27/06/2003	Nam	2.86	Khá	1356 /2025/DHCQ_NLU
6	21154145	Nguyễn Hải	Đăng	23/12/2003	Nam	3.30	Giỏi	1360 /2025/DHCQ_NLU
7	21154146	Đặng Trần	Danh	20/07/2003	Nam	2.93	Khá	1357 /2025/DHCQ_NLU
8	21154152	Chế Minh Anh	Dũng	23/04/2003	Nam	2.57	Khá	1358 /2025/DHCQ_NLU
9	21154154	Trương Tấn	Dũng	30/01/2003	Nam	2.72	Khá	1359 /2025/DHCQ_NLU
10	21154160	Nguyễn Đặng Hoàng	Gia	08/11/2003	Nam	3.01	Khá	1362 /2025/DHCQ_NLU
11	21154163	Vũ Trường	Hải	05/03/2003	Nam	3.29	Giỏi	1363 /2025/DHCQ_NLU
12	21154168	Lê Gia	Hiệp	24/03/2003	Nam	2.68	Khá	1364 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
13	21154176	Lê Hoàng An	Hòa	12/11/2003	Nam	2.81	Khá	1365 /2025/DHCQ_NLU
14	21154183	Nguyễn Minh	Hoàng	10/01/2003	Nam	2.92	Khá	1366 /2025/DHCQ_NLU
15	21154201	Bùi Thanh	Khuyên	04/06/2003	Nam	3.18	Khá	1370 /2025/DHCQ_NLU
16	21154202	Nguyễn Trung	Kiên	02/08/2003	Nam	2.75	Khá	1367 /2025/DHCQ_NLU
17	21154204	Nguyễn Anh	Kiệt	12/10/2003	Nam	3.20	Giỏi	1368 /2025/DHCQ_NLU
18	21154208	Nguyễn Cao	Kỳ	13/02/2003	Nam	3.43	Giỏi	1369 /2025/DHCQ_NLU
19	21154209	Nguyễn Văn	Lâm	15/05/2003	Nam	3.44	Giỏi	1371 /2025/DHCQ_NLU
20	21154221	Hoàng Phi	Lôt	06/11/2003	Nam	3.07	Khá	1372 /2025/DHCQ_NLU
21	21154228	Văn Trọng	Lực	26/04/2003	Nam	2.70	Khá	1373 /2025/DHCQ_NLU
22	21154231	Trần Đức	Mến	14/06/2003	Nam	3.30	Giỏi	1375 /2025/DHCQ_NLU
23	21154234	Phạm Ngô Nhật	Minh	24/08/2003	Nam	2.61	Khá	1376 /2025/DHCQ_NLU
24	21154238	Trần Hoài	Nam	13/07/2003	Nam	2.58	Khá	1377 /2025/DHCQ_NLU
25	21154246	Mã Vinh	Nguyễn	26/01/2003	Nam	2.69	Khá	1378 /2025/DHCQ_NLU
26	21154260	Võ Thiên	Phát	16/10/2003	Nam	2.94	Khá	1380 /2025/DHCQ_NLU
27	21154279	Đỗ Nhật	Quang	22/12/2003	Nam	2.89	Khá	1382 /2025/DHCQ_NLU
28	21154280	Nguyễn Tuấn	Quang	20/02/2003	Nam	2.74	Khá	1381 /2025/DHCQ_NLU
29	21154281	Đào Phú	Quý	07/04/2003	Nam	3.42	Giỏi	1383 /2025/DHCQ_NLU
30	21154285	Trần Tiến	Sang	24/10/2003	Nam	2.98	Khá	1384 /2025/DHCQ_NLU
31	21154295	Nguyễn Chí	Tài	22/06/2003	Nam	3.21	Giỏi	1385 /2025/DHCQ_NLU
32	21154305	Hồ Hồng	Thạch	09/04/2003	Nam	2.96	Khá	1387 /2025/DHCQ_NLU
33	21154307	Lê Viết	Thắng	14/07/2003	Nam	2.97	Khá	1388 /2025/DHCQ_NLU
34	21154321	Nguyễn Phước	Thiện	05/04/2003	Nam	2.90	Khá	1389 /2025/DHCQ_NLU
35	21154325	Nguyễn Minh	Thông	30/10/2003	Nam	2.90	Khá	1390 /2025/DHCQ_NLU
36	21154340	Trương Công	Trí	18/08/2003	Nam	3.56	Giỏi	1391 /2025/DHCQ_NLU
37	21154348	Nguyễn Thanh	Tú	16/04/2003	Nam	2.74	Khá	1386 /2025/DHCQ_NLU
38	21154357	Lê Hoàng	Viễn	04/02/2003	Nam	2.94	Khá	1392 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21TD								
1	21138062	Võ Tấn	Tài	05/06/2003	Nam	3.38	Giỏi	1407 /2025/DHCQ_NLU
2	21138072	Nguyễn Nguyên	Trí	17/11/2003	Nam	2.96	Khá	1414 /2025/DHCQ_NLU
3	21138074	Đặng Thành	Trực	02/04/2003	Nam	2.50	Khá	1415 /2025/DHCQ_NLU
4	21138085	Nguyễn Thị Mỹ	Yên	07/03/2003	Nữ	3.23	Giỏi	1416 /2025/DHCQ_NLU
5	21138099	Đào Duy	Cường	18/09/2003	Nam	3.47	Giỏi	1394 /2025/DHCQ_NLU
6	21138104	Hồ Minh	Đệ	07/09/2003	Nam	3.60	Xuất sắc	1395 /2025/DHCQ_NLU
7	21138105	Hồ Chi	Đô	13/04/2003	Nam	2.74	Khá	1396 /2025/DHCQ_NLU
8	21138112	Chu Văn	Hải	03/10/2003	Nam	3.55	Giỏi	1397 /2025/DHCQ_NLU
9	21138117	Võ Văn	Hiếu	25/01/2003	Nam	3.52	Giỏi	1398 /2025/DHCQ_NLU
10	21138131	Trần Tấn	Huy	22/01/2003	Nam	2.89	Khá	1399 /2025/DHCQ_NLU
11	21138132	Võ Trần Phước	Huy	30/01/2003	Nam	3.20	Giỏi	1400 /2025/DHCQ_NLU
12	21138136	Huỳnh Đăng	Khoa	22/08/2003	Nam	3.37	Giỏi	1401 /2025/DHCQ_NLU
13	21138139	Nguyễn Tấn	Lên	16/06/2003	Nam	3.76	Xuất sắc	1402 /2025/DHCQ_NLU
14	21138142	Nguyễn Thành	Long	25/03/2003	Nam	3.23	Giỏi	1403 /2025/DHCQ_NLU
15	21138147	Lê Hữu	Nga	13/02/2003	Nam	3.31	Giỏi	1404 /2025/DHCQ_NLU
16	21138151	Trương Văn	Nguyên	07/08/2003	Nam	3.22	Giỏi	1405 /2025/DHCQ_NLU
17	21138160	Nguyễn Hoàng	Phúc	10/12/2003	Nam	3.60	Xuất sắc	1406 /2025/DHCQ_NLU
18	21138174	Nguyễn Ngọc	Tân	23/08/2003	Nam	2.99	Khá	1408 /2025/DHCQ_NLU
19	21138184	Bùi Quang	Tiến	23/02/2003	Nam	2.90	Khá	1410 /2025/DHCQ_NLU
20	21138185	Lê Minh	Tiến	03/12/2003	Nam	3.23	Giỏi	1409 /2025/DHCQ_NLU
21	21138191	Nguyễn Bảo	Toàn	04/10/2003	Nam	3.58	Giỏi	1412 /2025/DHCQ_NLU
22	21138192	Nguyễn Khánh	Toàn	02/07/2003	Nam	2.96	Khá	1411 /2025/DHCQ_NLU
23	21138202	Lê Anh	Tùng	23/11/2003	Nam	2.93	Khá	1413 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Chăn nuôi Thú Y								
DH14TT								
1	14112648	Phạm Lê Nhật	Hiếu	07/09/1996	Nam	2.58	Khá	1417 /2025/DHCQ_NLU
DH15DY								
1	15112185	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	26/03/1997	Nữ	2.37	Trung bình	1418 /2025/DHCQ_NLU
DH15TY								
1	15112123	Trần Minh	Phương	31/03/1997	Nam	2.70	Khá	1419 /2025/DHCQ_NLU
DH16CN								
1	16111083	Lê Võ Khánh	Linh	20/11/1997	Nữ	2.07	Trung bình	1420 /2025/DHCQ_NLU
DH16TA								
1	16111196	Đoàn Phước	Thành	13/09/1998	Nam	2.53	Khá	1421 /2025/DHCQ_NLU
DH16TT								
1	16112704	Thống Tú	Thanh	28/08/1998	Nam	2.20	Trung bình	1422 /2025/DHCQ_NLU
DH16TYGLA								
1	16112319	Nguyễn Thị	Ngọc	07/10/1998	Nữ	2.12	Trung bình	1423 /2025/DHCQ_NLU
DH16TYGLB								
1	16112301	Đoàn Bảo	Lộc	10/10/1998	Nữ	2.40	Trung bình	1424 /2025/DHCQ_NLU
DH17TA								
1	17111048	Hồ Văn	Hưng	23/01/1997	Nam	2.41	Trung bình	1425 /2025/DHCQ_NLU
DH17TY								
1	17112152	Phạm Thành	Phát	06/09/1998	Nam	3.30	Giỏi	1428 /2025/DHCQ_NLU
2	17164017	Liêu Thị	Cúc	02/09/1998	Nữ	2.23	Trung bình	1426 /2025/DHCQ_NLU
3	17164027	Sa Xi	Pha	26/12/1998	Nam	2.15	Trung bình	1427 /2025/DHCQ_NLU
DH17TYGL								
1	17112330	Nguyễn Thị Đình	Hường	05/06/1999	Nữ	2.00	Trung bình	1429 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH18CN								
1	18111122	Huỳnh Ngọc	Thịnh	26/06/2000	Nam	2.27	Trung bình	1430 /2025/DHCQ_NLU
DH18DY								
1	18112158	Bạch Ngọc	Phú	12/03/2000	Nam	2.93	Khá	1431 /2025/DHCQ_NLU
2	18112261	Lê Thị Hải	Yến	10/12/2000	Nữ	2.88	Khá	1432 /2025/DHCQ_NLU
DH18TT								
1	18112021	Nguyễn Hoàng Tuyết	Châu	22/12/2000	Nữ	2.53	Khá	1433 /2025/DHCQ_NLU
2	18112162	Lý Nguyễn Hoài	Phụng	11/12/2000	Nữ	2.85	Khá	1435 /2025/DHCQ_NLU
3	18112289	Võ Trung	Nhân	21/02/2000	Nam	2.56	Khá	1434 /2025/DHCQ_NLU
4	18112295	Đặng Quý Hoài	Sơn	24/03/2000	Nam	2.57	Khá	1436 /2025/DHCQ_NLU
DH18TY								
1	18112067	Đỗ Ngọc	Hoàng	25/03/2000	Nam	2.43	Trung bình	1437 /2025/DHCQ_NLU
2	18112110	Trần Ngọc	Mai	13/08/2000	Nữ	2.90	Khá	1438 /2025/DHCQ_NLU
3	18112168	Nguyễn Hữu Minh	Quân	10/02/2000	Nam	2.32	Trung bình	1439 /2025/DHCQ_NLU
4	18112188	Lê Thị Thiện	Thanh	21/03/2000	Nữ	2.83	Khá	1440 /2025/DHCQ_NLU
5	18112204	Nguyễn Trương Gia	Thịnh	02/10/2000	Nữ	2.83	Khá	1441 /2025/DHCQ_NLU
6	18112211	Đặng Minh	Thuận	26/08/1999	Nam	2.61	Khá	1442 /2025/DHCQ_NLU
7	18112245	Đỗ Thái	Vân	16/05/2000	Nữ	2.59	Khá	1444 /2025/DHCQ_NLU
8	18112256	Hồ Yến	Vy	06/07/2000	Nữ	2.37	Trung bình	1445 /2025/DHCQ_NLU
9	18112299	Đinh Phương	Thuận	10/01/2000	Nam	2.50	Khá	1443 /2025/DHCQ_NLU
DH18TYGL								
1	18112321	Lê Thị Cẩm	Tiên	24/09/2000	Nữ	2.91	Khá	1446 /2025/DHCQ_NLU
2	18124193	Huỳnh Anh	Vũ	02/04/2000	Nam	2.42	Trung bình	1447 /2025/DHCQ_NLU
DH18TYNT								
1	18112378	Trần Thị Bích	Trâm	17/03/2000	Nữ	2.57	Khá	1448 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19CN								
1	19111003	Lê Nguyễn Quế	Anh	17/07/2001	Nữ	2.66	Khá	1449 /2025/DHCQ_NLU
2	19111010	Nguyễn Quốc	Cường	01/03/2001	Nam	2.53	Khá	1450 /2025/DHCQ_NLU
3	19111093	Lê Thị Thu	Phương	18/05/2001	Nữ	2.40	Trung bình	1452 /2025/DHCQ_NLU
4	19118125	Nguyễn Văn	Linh	10/01/2001	Nam	2.90	Khá	1451 /2025/DHCQ_NLU
DH19DY								
1	19112028	Phan Thị Thanh	Diễm	02/08/2001	Nữ	2.31	Trung bình	1453 /2025/DHCQ_NLU
2	19112063	Huỳnh Ngọc	Hiếu	11/04/2001	Nam	2.54	Khá	1454 /2025/DHCQ_NLU
3	19112172	Lâm Lê Đức	Thiện	03/02/2000	Nam	2.29	Trung bình	1455 /2025/DHCQ_NLU
4	19112208	Trần Phạm Nhi	Trúc	28/06/2001	Nữ	2.47	Trung bình	1456 /2025/DHCQ_NLU
DH19TT								
1	19112187	Nguyễn Mai Thủy	Tiên	18/04/2001	Nữ	3.09	Khá	1459 /2025/DHCQ_NLU
2	19112259	Phan Công Vũ	Linh	01/03/2001	Nam	3.01	Khá	1457 /2025/DHCQ_NLU
3	19112272	Nguyễn Thị Thu	Phương	10/09/2001	Nữ	3.20	Giỏi	1458 /2025/DHCQ_NLU
4	19112277	Nguyễn Ngọc Thanh	Thi	23/10/2001	Nữ	2.74	Khá	1461 /2025/DHCQ_NLU
5	19112279	Trương Thị Anh	Thư	04/12/2001	Nữ	2.92	Khá	1462 /2025/DHCQ_NLU
6	19112281	Nguyễn Minh	Tiến	29/04/2001	Nam	2.66	Khá	1460 /2025/DHCQ_NLU
7	19112282	Phan Ngọc Bảo	Trân	16/03/2001	Nữ	2.92	Khá	1463 /2025/DHCQ_NLU
8	19112283	Lưu Cao Vĩnh	Trình	12/08/2001	Nữ	2.85	Khá	1464 /2025/DHCQ_NLU
DH19TY								
1	19112001	Nguyễn Thị Kim	Âm	26/08/2001	Nữ	2.64	Khá	1466 /2025/DHCQ_NLU
2	19112007	Nguyễn Phạm Hồng	Anh	24/08/2001	Nữ	2.53	Khá	1465 /2025/DHCQ_NLU
3	19112026	Ngô Quốc	Đạt	07/03/2001	Nam	2.67	Khá	1467 /2025/DHCQ_NLU
4	19112033	Lê Hoàng	Đức	30/05/2001	Nam	2.67	Khá	1468 /2025/DHCQ_NLU
5	19112050	Trần Ngọc Trà	Giang	22/12/2001	Nữ	2.54	Khá	1469 /2025/DHCQ_NLU
6	19112054	Trịnh Ngọc	Hân	15/05/2001	Nữ	2.38	Trung bình	1470 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
7	19112077	Trần Đức	Huyền	25/06/2001	Nam	2.62	Khá	1471 /2025/DHCQ_NLU
8	19112137	Nguyễn Thị Ngọc	Như	28/05/2001	Nữ	3.08	Khá	1473 /2025/DHCQ_NLU
9	19112138	Bùi Thị Phương	Nhung	25/11/2001	Nữ	2.60	Khá	1472 /2025/DHCQ_NLU
10	19112163	Đỗ Vĩnh	Thái	10/03/2001	Nam	2.34	Trung bình	1476 /2025/DHCQ_NLU
11	19112167	Phạm Nguyễn Tấn	Thành	04/06/2001	Nam	2.51	Khá	1477 /2025/DHCQ_NLU
12	19112178	Nguyễn Thị Minh	Thư	09/01/2001	Nữ	2.51	Khá	1478 /2025/DHCQ_NLU
13	19112189	Đặng Công	Toại	01/09/2001	Nam	2.62	Khá	1475 /2025/DHCQ_NLU
14	19112199	Nguyễn Thùy	Trang	24/11/2001	Nữ	2.92	Khá	1479 /2025/DHCQ_NLU
15	19112204	Nguyễn Ngọc	Trình	10/04/2001	Nữ	2.80	Khá	1480 /2025/DHCQ_NLU
16	19112233	Nguyễn Thị Trúc	Vy	28/01/2001	Nữ	3.05	Khá	1481 /2025/DHCQ_NLU
17	19112935	Đào Văn	Tân	19/12/1999	Nam	2.85	Khá	1474 /2025/DHCQ_NLU
DH19TYGL								
1	19112342	Phạm Ngọc Minh	Khuê	23/02/2001	Nữ	2.59	Khá	1482 /2025/DHCQ_NLU
2	19112351	Nguyễn Xuân	Phú	02/01/2001	Nam	2.22	Trung bình	1483 /2025/DHCQ_NLU
3	19112363	Võ Thị Tường	Vi	12/10/2001	Nữ	3.52	Giỏi	1484 /2025/DHCQ_NLU
DH20CN								
1	20111012	Nguyễn Thành	Danh	23/08/2002	Nam	2.57	Khá	1486 /2025/DHCQ_NLU
2	20111035	Nguyễn Anh	Huy	06/01/2002	Nam	2.89	Khá	1489 /2025/DHCQ_NLU
3	20111167	Trương Nguyễn Phương	Anh	05/11/2002	Nữ	2.44	Trung bình	1485 /2025/DHCQ_NLU
4	20111199	Đào Thị Thanh	Hoàng	13/12/2002	Nữ	2.54	Khá	1488 /2025/DHCQ_NLU
5	20111211	Trần Gia	Huy	24/03/2002	Nam	2.30	Trung bình	1490 /2025/DHCQ_NLU
6	20111212	Vũ Duy	Khang	28/05/2002	Nam	2.21	Trung bình	1491 /2025/DHCQ_NLU
7	20111227	Ngô Thị Thuý	Liều	12/01/2002	Nữ	2.60	Khá	1492 /2025/DHCQ_NLU
8	20111231	Nguyễn Thị Kim	Loan	08/05/2002	Nữ	2.70	Khá	1493 /2025/DHCQ_NLU
9	20111243	Nông Văn	Nghị	02/05/2002	Nam	2.36	Trung bình	1494 /2025/DHCQ_NLU
10	20111249	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	10/03/2002	Nữ	2.73	Khá	1495 /2025/DHCQ_NLU
11	20111259	Nguyễn Thị Bích	Như	18/05/2002	Nữ	2.93	Khá	1496 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
12	20111261	Nguyễn Đại	Phát	23/07/2002	Nam	2.08	Trung bình	1497 /2025/DHCQ_NLU
13	20111262	Nguyễn Minh	Phi	20/10/2002	Nam	2.74	Khá	1498 /2025/DHCQ_NLU
14	20111283	Trần Hoàng Minh	Tâm	15/09/2002	Nữ	2.40	Trung bình	1499 /2025/DHCQ_NLU
15	20111289	Nguyễn Phạm Phương	Thảo	28/09/2002	Nữ	2.54	Khá	1500 /2025/DHCQ_NLU
16	20111313	Trần Bảo	Trân	26/07/2002	Nữ	2.45	Trung bình	1501 /2025/DHCQ_NLU
17	20111329	Nguyễn Thành	Văn	27/04/2002	Nam	2.21	Trung bình	1502 /2025/DHCQ_NLU
18	20111332	Trương Quốc	Việt	26/08/2002	Nam	2.89	Khá	1503 /2025/DHCQ_NLU
19	20112428	Võ Viết	Hiếu	09/07/2002	Nam	2.68	Khá	1487 /2025/DHCQ_NLU
DH20TA								
1	20111024	Võ Ngọc	Hải	27/04/2002	Nam	2.67	Khá	1505 /2025/DHCQ_NLU
2	20111101	Bùi Thông	Thiện	31/03/2002	Nam	2.49	Trung bình	1509 /2025/DHCQ_NLU
3	20111180	Nguyễn Thành	Đô	01/06/2002	Nam	2.65	Khá	1504 /2025/DHCQ_NLU
4	20111193	Nguyễn Tấn	Hào	11/02/2002	Nam	2.94	Khá	1506 /2025/DHCQ_NLU
5	20111264	Trần Ngọc Long	Phú	09/02/2002	Nam	2.46	Trung bình	1507 /2025/DHCQ_NLU
6	20111279	Hứa Quốc	Sang	24/01/2002	Nam	2.91	Khá	1508 /2025/DHCQ_NLU
DH20TY								
1	20112016	Đinh Công	Danh	16/08/2002	Nam	3.16	Khá	1515 /2025/DHCQ_NLU
2	20112045	Chương Mỹ	Linh	20/10/2001	Nữ	2.84	Khá	1518 /2025/DHCQ_NLU
3	20112052	Bùi Trúc	Mỹ	09/10/2002	Nữ	3.06	Khá	1523 /2025/DHCQ_NLU
4	20112061	Vũ Hồng	Ngọc	18/03/2002	Nữ	3.21	Giỏi	1524 /2025/DHCQ_NLU
5	20112075	Trần Bạch Tấn	Tài	07/03/2002	Nam	2.39	Trung bình	1530 /2025/DHCQ_NLU
6	20112180	Hồ Lan	Anh	10/01/2002	Nữ	2.73	Khá	1512 /2025/DHCQ_NLU
7	20112183	Nguyễn Thị Kim	Anh	29/06/2002	Nữ	2.76	Khá	1511 /2025/DHCQ_NLU
8	20112197	Nguyễn Thanh	Chúc	11/11/2002	Nữ	2.87	Khá	1514 /2025/DHCQ_NLU
9	20112221	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/02/2002	Nữ	2.74	Khá	1516 /2025/DHCQ_NLU
10	20112251	Trần Kiều	Khanh	02/05/2002	Nữ	2.96	Khá	1517 /2025/DHCQ_NLU
11	20112269	Trương Thị Mỹ	Linh	29/01/2002	Nữ	3.47	Giỏi	1520 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
12	20112270	Võ Thị Yến	Linh	10/04/2002	Nữ	3.09	Khá	1519 /2025/DHCQ_NLU
13	20112274	Mai Vân	Ly	01/01/2002	Nữ	3.08	Khá	1521 /2025/DHCQ_NLU
14	20112280	Nguyễn Hoàng	My	06/08/2002	Nữ	3.54	Giỏi	1522 /2025/DHCQ_NLU
15	20112312	Nguyễn Thị Ý	Nhi	27/09/2002	Nữ	3.47	Giỏi	1525 /2025/DHCQ_NLU
16	20112326	Nguyễn Âu Ngọc	Phụng	27/11/1999	Nữ	3.20	Giỏi	1526 /2025/DHCQ_NLU
17	20112332	Vòng Quận	Phương	03/06/2002	Nữ	2.74	Khá	1527 /2025/DHCQ_NLU
18	20112341	Nguyễn Thị Thúy	Quyên	03/11/2002	Nữ	2.70	Khá	1528 /2025/DHCQ_NLU
19	20112344	Lê Thanh	Sang	25/02/2002	Nam	3.31	Giỏi	1529 /2025/DHCQ_NLU
20	20112352	Trần Quốc	Thắng	14/09/2002	Nam	3.40	Giỏi	1531 /2025/DHCQ_NLU
21	20112364	Nguyễn Chí	Thiện	28/01/2002	Nam	3.02	Khá	1532 /2025/DHCQ_NLU
22	20112365	Nguyễn Đình Anh	Thư	28/02/2002	Nữ	2.58	Khá	1535 /2025/DHCQ_NLU
23	20112367	Nguyễn Thị Anh	Thư	14/11/2002	Nữ	3.17	Khá	1534 /2025/DHCQ_NLU
24	20112371	Trần Phạm Như	Thuần	21/09/2002	Nam	2.57	Khá	1533 /2025/DHCQ_NLU
25	20112382	Phạm Nguyễn Quỳnh	Trâm	04/01/2002	Nữ	3.11	Khá	1537 /2025/DHCQ_NLU
26	20112385	Lê Hoàng Bảo	Trân	29/07/2002	Nữ	2.68	Khá	1539 /2025/DHCQ_NLU
27	20112387	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	26/07/2002	Nữ	3.07	Khá	1538 /2025/DHCQ_NLU
28	20112393	Phạm Thùy	Trang	29/11/2002	Nữ	3.19	Khá	1536 /2025/DHCQ_NLU
29	20112395	Trần Minh	Triều	13/11/2002	Nam	2.70	Khá	1540 /2025/DHCQ_NLU
30	20112399	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	16/09/2002	Nữ	2.78	Khá	1541 /2025/DHCQ_NLU
31	20112411	Lý Thế	Vinh	22/01/2002	Nam	2.51	Khá	1542 /2025/DHCQ_NLU
32	20112412	A Lê Hoài	Vũ	15/01/2002	Nam	2.49	Trung bình	1543 /2025/DHCQ_NLU
33	20112415	Nguyễn Hồng Trúc	Vy	04/04/2002	Nữ	2.68	Khá	1544 /2025/DHCQ_NLU
34	20112900	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/11/1999	Nữ	2.81	Khá	1510 /2025/DHCQ_NLU
35	20112916	Bạch Đức	Chiến	12/10/2001	Nam	3.14	Khá	1513 /2025/DHCQ_NLU
DH20TYGL								
1	20112176	Vi Quốc	Việt	20/08/2001	Nam	2.92	Khá	1548 /2025/DHCQ_NLU
2	20112442	Đoàn Thị Ánh	Hiệp	16/10/2002	Nữ	2.68	Khá	1545 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	20112443	Bùi Thị Tuyết	Hoan	25/05/2002	Nữ	2.73	Khá	1546 /2025/DHCQ_NLU
4	20112450	Trần Thị Kim	Nguyệt	17/08/2002	Nữ	3.01	Khá	1547 /2025/DHCQ_NLU
DH21CN								
1	21111021	Trần Thanh	Đầy	19/03/2003	Nam	2.41	Trung bình	1549 /2025/DHCQ_NLU
2	21111031	Nguyễn An	Giang	12/08/2003	Nam	2.56	Khá	1550 /2025/DHCQ_NLU
3	21111179	Neáng Sóc	Phép	13/07/2002	Nữ	2.55	Khá	1554 /2025/DHCQ_NLU
4	21111241	Huỳnh Minh	Hiền	17/10/2003	Nam	2.36	Trung bình	1551 /2025/DHCQ_NLU
5	21111244	Nguyễn Minh	Hiếu	02/05/2003	Nam	2.53	Khá	1552 /2025/DHCQ_NLU
6	21111298	Nguyễn Thị Kim	Ngân	14/07/2003	Nữ	3.12	Khá	1553 /2025/DHCQ_NLU
7	21111337	Võ Tấn	Sang	19/01/2003	Nam	3.06	Khá	1555 /2025/DHCQ_NLU
8	21111391	Nguyễn Thành	Trung	20/06/2003	Nam	2.61	Khá	1556 /2025/DHCQ_NLU
9	21111392	Nguyễn Tấn	Trường	28/04/2003	Nam	2.55	Khá	1557 /2025/DHCQ_NLU
DH21TYB								
1	21112609	Cao Mỹ	Quyên	04/05/2002	Nữ	3.48	Giỏi	1558 /2025/DHCQ_NLU
TC14TY								
1	14212112	Trương Huỳnh Tấn	Phương	14/04/1992	Nam	6.47	Trung bình khá	1559 /2025/DHVLVH_NLU
TC16TY								
1	14112375	Nguyễn Đỗ Huy	Vinh	01/05/1996	Nam	6.38	Trung bình khá	1560 /2025/DHVLVH_NLU
Kinh tế								
DH14KEGL								
1	14123212	Nguyễn Thị Thu	Hà	10/06/1995	Nữ	2.33	Trung bình	1561 /2025/DHCQ_NLU
DH14TM								
1	14122242	Lê Thụy Tuyết	Hạnh	24/12/1995	Nữ	2.70	Khá	1562 /2025/DHCQ_NLU
DH15KT								
1	15120084	Dương Đình Trúc	Linh	30/04/1997	Nữ	2.91	Khá	1563 /2025/DHCQ_NLU
2	15120087	Nguyễn Thị Hồng	Loan	24/07/1997	Nữ	2.98	Khá	1564 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH15TM								
1	15122062	Hoàng Thị Tuyết	Hoa	26/10/1997	Nữ	2.73	Khá	1565 /2025/DHCQ_NLU
DH17KM								
1	17120110	Nguyễn Minh	Nhật	24/09/1999	Nam	2.87	Khá	1566 /2025/DHCQ_NLU
DH17KN								
1	17522045	Lương Thị Phương	Uyên	21/09/1999	Nữ	3.24	Giỏi	1568 /2025/DHCQ_NLU
2	17555006	Nguyễn Thị Thảo	Ly	19/04/1999	Nữ	3.22	Giỏi	1567 /2025/DHCQ_NLU
DH17TM								
1	17122193	Đỗ Phi	Trường	14/05/1999	Nam	2.84	Khá	1569 /2025/DHCQ_NLU
DH18KE								
1	18123178	Tô Thị Thảo	Vy	28/08/2000	Nữ	2.81	Khá	1570 /2025/DHCQ_NLU
DH18KM								
1	18120063	Trần Minh	Hiếu	29/06/2000	Nam	2.85	Khá	1571 /2025/DHCQ_NLU
2	18120180	Nguyễn Trần Ngọc	Phụng	18/12/2000	Nữ	2.66	Khá	1572 /2025/DHCQ_NLU
3	18120212	Đào Thu	Thảo	31/08/2000	Nữ	3.23	Giỏi	1574 /2025/DHCQ_NLU
4	18120270	Trương Minh	Tuấn	17/01/2000	Nam	2.56	Khá	1573 /2025/DHCQ_NLU
DH18KN								
1	18155030	Trần Thị Tiểu	Hòa	02/05/2000	Nữ	2.52	Khá	1575 /2025/DHCQ_NLU
2	18155052	Phan Thị	Lý	03/07/2000	Nữ	2.72	Khá	1576 /2025/DHCQ_NLU
3	18155057	Nguyễn Thị Diễm	My	27/08/2000	Nữ	2.75	Khá	1577 /2025/DHCQ_NLU
DH18QT								
1	18122332	Trần Thanh	Tú	12/05/2000	Nam	2.79	Khá	1578 /2025/DHCQ_NLU
DH18QTC								
1	18122377	Phạm Tiến	Anh	20/11/2000	Nam	3.30	Giỏi	1579 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH18TM								
1	18122212	Trần Ngọc	Quân	27/03/2000	Nam	2.79	Khá	1580 /2025/DHCQ_NLU
DH19KE								
1	19123007	Nguyễn Thị Kim	Anh	21/07/2001	Nữ	2.36	Trung bình	1581 /2025/DHCQ_NLU
2	19123116	Phạm Minh	Quân	17/10/2001	Nam	2.58	Khá	1582 /2025/DHCQ_NLU
3	19123125	Huỳnh Trần Ngọc	Tâm	22/09/2001	Nữ	2.95	Khá	1583 /2025/DHCQ_NLU
4	19123136	Vũ Thị	Thảo	10/08/2001	Nữ	2.69	Khá	1584 /2025/DHCQ_NLU
DH19KEGL								
1	19123272	Hoàng Thị	Linh	29/10/2001	Nữ	2.42	Trung bình	1585 /2025/DHCQ_NLU
DH19KM								
1	19120010	Trần Thị Tú	Anh	17/11/2001	Nữ	2.96	Khá	1586 /2025/DHCQ_NLU
2	19120087	Bùi Vạn	Khoa	10/10/2001	Nam	2.77	Khá	1587 /2025/DHCQ_NLU
3	19120113	Phan Thị	Lý	10/12/2001	Nữ	3.11	Khá	1588 /2025/DHCQ_NLU
DH19KN								
1	18155045	Lại Thị Mỹ	Linh	28/07/2000	Nữ	3.19	Khá	1591 /2025/DHCQ_NLU
2	19155009	Lâm Phi	Bảo	09/09/2001	Nam	2.68	Khá	1589 /2025/DHCQ_NLU
3	19155033	Phan Thị Thanh	Huyền	02/01/2001	Nữ	2.84	Khá	1590 /2025/DHCQ_NLU
DH19KT								
1	19120073	Nguyễn Hà Thu	Hương	02/06/2001	Nữ	2.95	Khá	1592 /2025/DHCQ_NLU
DH19QT								
1	19122151	Trần Thị Kim	Ngân	20/01/2001	Nữ	3.07	Khá	1593 /2025/DHCQ_NLU
DH19QTC								
1	19122342	Vương Gia	Linh	28/11/2001	Nữ	3.04	Khá	1594 /2025/DHCQ_NLU
DH19QTNT								
1	19122423	Nguyễn Thị Mỹ	Hậu	16/02/2000	Nữ	2.89	Khá	1595 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19TM								
1	19122310	Nguyễn Thị	Uyên	09/01/2001	Nữ	3.07	Khá	1596 /2025/DHCQ_NLU
DH20KE								
1	20112161	Lê Nguyễn Nhựt	Nam	23/12/2002	Nam	3.48	Giỏi	1599 /2025/DHCQ_NLU
2	20123131	Lê Thị Thúy	Hằng	01/11/2002	Nữ	2.58	Khá	1598 /2025/DHCQ_NLU
3	20123132	Nguyễn Thị Thu	Hằng	10/06/2002	Nữ	2.40	Trung bình	1597 /2025/DHCQ_NLU
4	20123192	Nguyễn Vũ Ngọc	Thắm	21/07/2002	Nữ	2.39	Trung bình	1601 /2025/DHCQ_NLU
5	20123200	Phạm Thị Thu	Thảo	28/10/2002	Nữ	2.90	Khá	1600 /2025/DHCQ_NLU
6	20123208	Mộc Thị Kim	Thương	01/01/2002	Nữ	2.96	Khá	1602 /2025/DHCQ_NLU
7	20123228	Nguyễn Nhật	Trường	16/02/2002	Nam	2.89	Khá	1603 /2025/DHCQ_NLU
8	20123239	Nguyễn Thị Tường	Vy	10/12/2002	Nữ	3.03	Khá	1604 /2025/DHCQ_NLU
DH20KENT								
1	20123254	Nguyễn Văn	Đài	11/11/2002	Nam	2.76	Khá	1605 /2025/DHCQ_NLU
2	20123279	Nguyễn Nhật	Vi	25/05/2001	Nữ	2.51	Khá	1606 /2025/DHCQ_NLU
DH20KM								
1	20120042	Bùi Thị Trúc	Lợi	11/06/2002	Nữ	3.32	Giỏi	1608 /2025/DHCQ_NLU
2	20120184	Nguyễn Văn	Hải	18/12/2002	Nam	2.47	Trung bình	1607 /2025/DHCQ_NLU
3	20120251	Vũ Thị Thu	Phương	15/03/2002	Nữ	2.58	Khá	1609 /2025/DHCQ_NLU
4	20120260	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	15/01/2002	Nữ	2.67	Khá	1610 /2025/DHCQ_NLU
DH20KN								
1	20155085	Phạm Thanh	Chúc	28/04/2002	Nữ	2.71	Khá	1611 /2025/DHCQ_NLU
2	20155096	Nguyễn Ngọc Hào	Hào	02/11/2002	Nữ	2.95	Khá	1612 /2025/DHCQ_NLU
3	20155119	Trương Thúy	Nga	11/10/2002	Nữ	2.69	Khá	1613 /2025/DHCQ_NLU
4	20155171	Lê Thành	Vinh	18/01/2002	Nam	3.18	Khá	1614 /2025/DHCQ_NLU
DH20KT								
1	20120162	Triệu Hoàng	Anh	23/03/2002	Nam	2.97	Khá	1615 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	20120172	Trần Thị Thuý	Diễm	14/04/2002	Nữ	3.10	Khá	1616 /2025/DHCQ_NLU
3	20120176	Trần Thị Thùy	Dương	17/09/2002	Nữ	2.40	Trung bình	1617 /2025/DHCQ_NLU
4	20120192	Phạm Thị Thu	Hoà	20/06/2002	Nữ	2.86	Khá	1618 /2025/DHCQ_NLU
5	20120216	Nguyễn Thị Trà	My	26/02/2002	Nữ	3.14	Khá	1619 /2025/DHCQ_NLU
6	20120221	Nguyễn Thị Hằng	Nga	24/05/2002	Nữ	3.11	Khá	1620 /2025/DHCQ_NLU
7	20120242	Trần Thị Thảo	Oanh	19/10/2002	Nữ	3.09	Khá	1621 /2025/DHCQ_NLU
8	20120244	Nguyễn Nhất	Phi	26/05/2002	Nam	3.43	Giỏi	1622 /2025/DHCQ_NLU
9	20120331	Huỳnh Nguyệt	Tường	13/02/2002	Nữ	2.59	Khá	1623 /2025/DHCQ_NLU
DH20QT								
1	20122275	Nguyễn Xuân	Dự	15/09/2002	Nam	3.03	Khá	1624 /2025/DHCQ_NLU
2	20122453	Nguyễn Thị Kim	Oanh	01/07/2002	Nữ	2.99	Khá	1625 /2025/DHCQ_NLU
3	20122536	Nguyễn Tấn	Tiến	15/12/2001	Nam	2.60	Khá	1626 /2025/DHCQ_NLU
4	20122547	Hà Thị Thu	Trang	01/10/2002	Nữ	3.11	Khá	1627 /2025/DHCQ_NLU
5	20122566	Phạm Thanh	Trúc	21/06/2002	Nữ	3.45	Giỏi	1628 /2025/DHCQ_NLU
DH20QTC								
1	20122270	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	08/02/2002	Nữ	2.95	Khá	1629 /2025/DHCQ_NLU
2	20122302	Nguyễn Vũ Thu	Hà	14/10/2002	Nữ	2.71	Khá	1630 /2025/DHCQ_NLU
3	20122402	Lê Hoàng Thanh	Ngân	16/01/2002	Nữ	3.13	Khá	1631 /2025/DHCQ_NLU
4	20122466	Đặng Trần Yến	Phương	30/09/2002	Nữ	2.80	Khá	1632 /2025/DHCQ_NLU
5	20122530	Nguyễn Trang Minh	Thy	29/12/2002	Nữ	2.93	Khá	1633 /2025/DHCQ_NLU
6	20122595	Nguyễn Quốc	Việt	19/09/2002	Nam	3.03	Khá	1634 /2025/DHCQ_NLU
7	20122597	Hà Anh	Vũ	17/03/2002	Nam	3.45	Giỏi	1635 /2025/DHCQ_NLU
DH20QTNT								
1	20122638	Ngô Quốc	Tiến	16/07/2001	Nam	2.77	Khá	1636 /2025/DHCQ_NLU
DH20TC								
1	20122345	Hồ Nguyễn Đăng	Khoa	07/10/2002	Nam	2.82	Khá	1637 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20TM								
1	20122202	Chế Trần Thanh	Huyền	11/03/2002	Nữ	3.23	Giỏi	1638 /2025/DHCQ_NLU
2	20122353	Trần Đình	Lập	07/04/2002	Nam	2.78	Khá	1639 /2025/DHCQ_NLU
3	20122383	Nguyễn Quang	Mẫn	19/11/2002	Nam	3.00	Khá	1640 /2025/DHCQ_NLU
4	20122439	Nông Thị Quỳnh	Như	18/04/2002	Nữ	3.13	Khá	1641 /2025/DHCQ_NLU
5	20122545	Đỗ Trần Quỳnh	Trang	17/10/2002	Nữ	3.18	Khá	1642 /2025/DHCQ_NLU
DH21KE								
1	21123002	Trần Ngọc Khánh	An	22/11/2003	Nữ	3.64	Xuất sắc	1643 /2025/DHCQ_NLU
2	21123009	Nguyễn Thị	Ánh	27/11/2002	Nữ	3.01	Khá	1648 /2025/DHCQ_NLU
3	21123038	Trương Thị Mỹ	Hạnh	15/06/2003	Nữ	3.34	Giỏi	1657 /2025/DHCQ_NLU
4	21123039	Nguyễn Kim	Hậu	11/01/2003	Nữ	3.54	Giỏi	1658 /2025/DHCQ_NLU
5	21123043	Nguyễn Thị Mai	Hồng	15/04/2003	Nữ	3.42	Giỏi	1659 /2025/DHCQ_NLU
6	21123050	Nguyễn Thị	Kệ	02/02/2002	Nữ	3.21	Giỏi	1663 /2025/DHCQ_NLU
7	21123052	Nguyễn Ngọc Kiều	Khanh	22/12/2003	Nữ	3.07	Khá	1665 /2025/DHCQ_NLU
8	21123055	Nguyễn Thị	Lan	09/01/2003	Nữ	3.50	Giỏi	1668 /2025/DHCQ_NLU
9	21123060	Phạm Thị Thùy	Linh	07/12/2003	Nữ	3.48	Giỏi	1669 /2025/DHCQ_NLU
10	21123061	Phan Ngọc Yến	Linh	07/12/2003	Nữ	2.97	Khá	1671 /2025/DHCQ_NLU
11	21123072	Lê Thị Diễm	Ngân	07/05/2003	Nữ	3.36	Giỏi	1677 /2025/DHCQ_NLU
12	21123073	Lê Thị Mỹ	Ngân	15/07/2003	Nữ	2.61	Khá	1678 /2025/DHCQ_NLU
13	21123078	Phùng Thị Cẩm	Ngân	12/07/2003	Nữ	3.11	Khá	1676 /2025/DHCQ_NLU
14	21123079	Võ Thị Kim	Ngân	08/10/2003	Nữ	2.84	Khá	1675 /2025/DHCQ_NLU
15	21123104	Từ Hà Kim	Phụng	19/10/2003	Nữ	2.87	Khá	1683 /2025/DHCQ_NLU
16	21123113	Nguyễn Quang	Thái	01/04/2003	Nam	2.75	Khá	1688 /2025/DHCQ_NLU
17	21123120	Trịnh Thị Mai	Thi	09/03/2003	Nữ	3.01	Khá	1690 /2025/DHCQ_NLU
18	21123128	Nguyễn Mai	Thy	20/09/2003	Nữ	3.46	Giỏi	1695 /2025/DHCQ_NLU
19	21123132	Trần Thị Mỹ	Tiên	03/04/2003	Nữ	2.90	Khá	1686 /2025/DHCQ_NLU
20	21123133	Trần Nguyễn Thị Mỹ	Trà	28/01/2003	Nữ	2.98	Khá	1696 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
21	21123154	Lê Anh	Tuấn	21/08/2003	Nam	3.25	Giỏi	1687 /2025/DHCQ_NLU
22	21123166	Lưu Nhật	Vy	17/11/2003	Nữ	2.30	Trung bình	1709 /2025/DHCQ_NLU
23	21123169	Phạm Ngọc Thúy	Vy	19/01/2003	Nữ	3.54	Giỏi	1708 /2025/DHCQ_NLU
24	21123173	Võ Thị Tường	Vy	04/12/2003	Nữ	3.71	Xuất sắc	1706 /2025/DHCQ_NLU
25	21123177	Nguyễn Thị Như	Ý	17/09/2003	Nữ	3.29	Giỏi	1711 /2025/DHCQ_NLU
26	21123204	Lê Ngọc Hà	Anh	05/10/2003	Nữ	2.94	Khá	1644 /2025/DHCQ_NLU
27	21123206	Nguyễn Thị Lan	Anh	06/04/2003	Nữ	3.78	Xuất sắc	1645 /2025/DHCQ_NLU
28	21123212	Nguyễn Thị	Ánh	26/03/2003	Nữ	3.72	Xuất sắc	1647 /2025/DHCQ_NLU
29	21123214	Trần Thị Ngọc	Ánh	27/10/2003	Nữ	3.39	Giỏi	1646 /2025/DHCQ_NLU
30	21123217	Nguyễn Thị Kim	Chi	28/02/2003	Nữ	3.34	Giỏi	1649 /2025/DHCQ_NLU
31	21123218	Hồ Thị Minh	Chính	02/09/2003	Nữ	3.07	Khá	1650 /2025/DHCQ_NLU
32	21123219	Võ Anh	Đại	17/07/2003	Nam	3.20	Giỏi	1655 /2025/DHCQ_NLU
33	21123220	Phan Thế	Diễn	23/09/2003	Nam	3.19	Khá	1656 /2025/DHCQ_NLU
34	21123221	Nguyễn Thị Kiều	Diệu	10/10/2003	Nữ	3.58	Giỏi	1651 /2025/DHCQ_NLU
35	21123223	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	03/05/2003	Nữ	3.61	Xuất sắc	1652 /2025/DHCQ_NLU
36	21123225	Đoàn Bình	Dương	13/06/2003	Nam	3.46	Giỏi	1654 /2025/DHCQ_NLU
37	21123226	Lê Thị	Duyên	05/07/2003	Nữ	3.15	Khá	1653 /2025/DHCQ_NLU
38	21123233	Phan Thị Thu	Hường	01/06/2003	Nữ	3.25	Giỏi	1662 /2025/DHCQ_NLU
39	21123235	Nguyễn Thanh	Huyền	01/05/2003	Nữ	2.74	Khá	1660 /2025/DHCQ_NLU
40	21123236	Nguyễn Thị	Huyền	08/06/2003	Nữ	3.24	Giỏi	1661 /2025/DHCQ_NLU
41	21123238	Trần Thị Mai	Kha	26/09/2003	Nữ	3.07	Khá	1664 /2025/DHCQ_NLU
42	21123240	Trần Lan	Khanh	25/01/2003	Nữ	3.32	Giỏi	1666 /2025/DHCQ_NLU
43	21123243	Trương Thị Thanh	Lan	24/04/2003	Nữ	3.45	Giỏi	1667 /2025/DHCQ_NLU
44	21123245	Lê Thị Thùy	Linh	28/03/2003	Nữ	2.56	Khá	1670 /2025/DHCQ_NLU
45	21123247	Nguyễn Thị Trà	Mi	22/09/2003	Nữ	3.42	Giỏi	1672 /2025/DHCQ_NLU
46	21123248	Lê Ngọc	Minh	28/09/2003	Nữ	3.47	Giỏi	1673 /2025/DHCQ_NLU
47	21123249	Nguyễn Ri	Na	05/04/2003	Nữ	3.24	Giỏi	1674 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
48	21123250	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	03/05/2003	Nữ	3.72	Xuất sắc	1679 /2025/DHCQ_NLU
49	21123253	Cao Lê Thu	Ngọc	09/10/2003	Nữ	3.68	Xuất sắc	1680 /2025/DHCQ_NLU
50	21123255	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	09/08/2003	Nữ	2.92	Khá	1681 /2025/DHCQ_NLU
51	21123265	Phạm Thanh	Phong	15/08/2003	Nam	3.35	Giỏi	1682 /2025/DHCQ_NLU
52	21123271	Hồ Thị Như	Quỳnh	10/10/2003	Nữ	2.98	Khá	1684 /2025/DHCQ_NLU
53	21123273	Huỳnh Văn	Tài	09/07/2003	Nam	2.71	Khá	1685 /2025/DHCQ_NLU
54	21123274	Dương Thị Huỳnh	Thi	19/10/2003	Nữ	3.58	Giỏi	1689 /2025/DHCQ_NLU
55	21123279	Nguyễn Thị Minh	Thư	19/09/2003	Nữ	3.25	Giỏi	1692 /2025/DHCQ_NLU
56	21123280	Lê Thị Hoài	Thương	07/08/2003	Nữ	3.40	Giỏi	1693 /2025/DHCQ_NLU
57	21123281	Nguyễn Thị Hoài	Thương	05/09/2003	Nữ	3.56	Giỏi	1694 /2025/DHCQ_NLU
58	21123282	Trần Thanh	Thúy	05/08/2003	Nữ	3.38	Giỏi	1691 /2025/DHCQ_NLU
59	21123284	Lê Thị Ngọc	Trâm	28/07/2003	Nữ	3.34	Giỏi	1702 /2025/DHCQ_NLU
60	21123288	Hồ Thị Huyền	Trang	08/12/2003	Nữ	3.41	Giỏi	1699 /2025/DHCQ_NLU
61	21123289	Lê Nguyễn Thùy	Trang	07/02/2003	Nữ	3.44	Giỏi	1697 /2025/DHCQ_NLU
62	21123291	Nguyễn Thị Thùy	Trang	06/03/2003	Nữ	3.52	Giỏi	1700 /2025/DHCQ_NLU
63	21123292	Trần Quỳnh	Trang	28/11/2003	Nữ	3.03	Khá	1698 /2025/DHCQ_NLU
64	21123293	Võ Nguyễn Xuân	Trang	21/02/2003	Nữ	3.31	Giỏi	1701 /2025/DHCQ_NLU
65	21123295	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	19/02/2003	Nữ	3.65	Xuất sắc	1703 /2025/DHCQ_NLU
66	21123297	Trần Thị Thu	Trình	24/01/2003	Nữ	2.76	Khá	1704 /2025/DHCQ_NLU
67	21123301	Phạm Thị Thảo	Vi	24/09/2003	Nữ	2.92	Khá	1705 /2025/DHCQ_NLU
68	21123306	Nguyễn Thị Thúy	Vy	22/02/2003	Nữ	3.13	Khá	1707 /2025/DHCQ_NLU
69	21123307	Nguyễn Thị Ngọc	Xuân	31/01/2003	Nữ	3.56	Giỏi	1710 /2025/DHCQ_NLU
70	21123309	Nguyễn Thị	Ý	26/01/2003	Nữ	3.53	Giỏi	1712 /2025/DHCQ_NLU
71	21123311	Nguyễn Thị Hải	Yến	29/03/2003	Nữ	2.89	Khá	1713 /2025/DHCQ_NLU
DH21KEGL								
1	21123345	Nguyễn Thị Thanh	Truyền	15/02/2003	Nữ	3.42	Giỏi	1716 /2025/DHCQ_NLU
2	21123352	Phạm Thị Thùy	Trang	26/09/2003	Nữ	2.79	Khá	1715 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	21123368	Huỳnh Ngọc Thanh	Ngân	02/10/2003	Nữ	3.32	Giỏi	1714 /2025/DHCQ_NLU
DH21KENT								
1	21123188	Dương Thị	Tho	25/10/2003	Nữ	2.95	Khá	1722 /2025/DHCQ_NLU
2	21123320	Bá Thị Mỹ	Mộng	14/10/2003	Nữ	2.90	Khá	1720 /2025/DHCQ_NLU
3	21123331	Lê Diễm Kim	Khuyên	13/02/2003	Nữ	3.12	Khá	1718 /2025/DHCQ_NLU
4	21123348	Nguyễn Vĩ	Khiêm	27/12/2003	Nam	2.94	Khá	1717 /2025/DHCQ_NLU
5	21123356	Trần Thị Bích	Ly	21/08/2003	Nữ	3.04	Khá	1719 /2025/DHCQ_NLU
6	21123364	Lê Thị Kim	Sương	29/09/2003	Nữ	3.53	Giỏi	1721 /2025/DHCQ_NLU
DH21KM								
1	21120028	Nguyễn Thị Kim	Chi	30/09/2003	Nữ	3.17	Khá	1723 /2025/DHCQ_NLU
2	21120058	Nguyễn Trần Ngọc	Hân	04/10/2003	Nữ	2.85	Khá	1727 /2025/DHCQ_NLU
3	21120304	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	03/03/2003	Nữ	3.24	Giỏi	1737 /2025/DHCQ_NLU
4	21120352	Mông Thị	Diễm	06/01/2003	Nữ	3.39	Giỏi	1724 /2025/DHCQ_NLU
5	21120372	Hà Thị Hương	Giang	24/06/2003	Nữ	3.10	Khá	1725 /2025/DHCQ_NLU
6	21120378	Nguyễn Thị Ngân	Hà	24/10/2003	Nữ	2.90	Khá	1726 /2025/DHCQ_NLU
7	21120406	Phan Thiện Anh	Khôi	13/06/2003	Nam	2.54	Khá	1729 /2025/DHCQ_NLU
8	21120407	Nguyễn Anh	Kiên	17/01/2003	Nam	3.00	Khá	1728 /2025/DHCQ_NLU
9	21120436	Trần Nguyễn Hoài	Nam	27/02/2003	Nam	2.79	Khá	1730 /2025/DHCQ_NLU
10	21120466	Hứa Nguyễn Huỳnh	Như	01/08/2003	Nữ	2.70	Khá	1731 /2025/DHCQ_NLU
11	21120511	Trịnh Thị Minh	Tâm	07/08/2003	Nữ	3.28	Giỏi	1732 /2025/DHCQ_NLU
12	21120525	Trần Quốc	Thịnh	17/10/2003	Nam	3.11	Khá	1734 /2025/DHCQ_NLU
13	21120581	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	18/05/2003	Nữ	3.35	Giỏi	1733 /2025/DHCQ_NLU
14	21120593	Nguyễn Thị Nhã	Vi	20/01/2003	Nữ	3.53	Giỏi	1735 /2025/DHCQ_NLU
15	21120594	Phan Lê Hoàng	Vi	16/07/2003	Nữ	3.02	Khá	1736 /2025/DHCQ_NLU
DH21KN								
1	21155020	Phạm Thị Kim	Ngân	01/05/2003	Nữ	2.59	Khá	1753 /2025/DHCQ_NLU
2	21155031	Nguyễn Thị Xuân	Phương	10/06/2003	Nữ	3.01	Khá	1759 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	21155045	Huỳnh Thị Thùy	Triều	07/02/2003	Nữ	3.31	Giỏi	1767 /2025/DHCQ_NLU
4	21155048	Phan Thị Diệu	Tuyền	07/01/2003	Nữ	2.85	Khá	1761 /2025/DHCQ_NLU
5	21155055	Cao Thị Lệ	An	04/11/2003	Nữ	3.43	Giỏi	1738 /2025/DHCQ_NLU
6	21155058	Đỗ Thị Phương	Anh	06/01/2003	Nữ	2.93	Khá	1739 /2025/DHCQ_NLU
7	21155067	Lường Thị Kim	Cúc	08/05/2002	Nữ	3.01	Khá	1740 /2025/DHCQ_NLU
8	21155073	Lê Hiền	Dịu	26/02/2003	Nữ	3.02	Khá	1741 /2025/DHCQ_NLU
9	21155074	Đinh Thị Minh	Đoan	25/02/2003	Nữ	3.28	Giỏi	1744 /2025/DHCQ_NLU
10	21155077	Nguyễn Lê Hoàng	Dung	04/06/2003	Nữ	2.76	Khá	1742 /2025/DHCQ_NLU
11	21155080	Lê Thị Ngọc	Duyên	12/11/2003	Nữ	2.80	Khá	1743 /2025/DHCQ_NLU
12	21155083	Nguyễn Hương	Giang	04/04/2003	Nữ	2.90	Khá	1745 /2025/DHCQ_NLU
13	21155084	Nguyễn Thị Hậu	Giang	28/04/2003	Nữ	3.50	Giỏi	1746 /2025/DHCQ_NLU
14	21155086	Nguyễn Hồng Diễm	Hà	16/01/2003	Nữ	3.08	Khá	1747 /2025/DHCQ_NLU
15	21155088	Đặng Ngọc Mai	Hân	13/09/2003	Nữ	2.87	Khá	1748 /2025/DHCQ_NLU
16	21155100	Lưu Quốc	Huy	10/10/2003	Nam	3.11	Khá	1749 /2025/DHCQ_NLU
17	21155113	Trần Ngọc	Mai	02/01/2003	Nữ	3.29	Giỏi	1750 /2025/DHCQ_NLU
18	21155115	Lê Nguyễn Thảo	My	01/06/2002	Nữ	2.96	Khá	1751 /2025/DHCQ_NLU
19	21155119	Nguyễn Thị Ngọc	Năng	02/01/2003	Nữ	3.37	Giỏi	1752 /2025/DHCQ_NLU
20	21155122	Hoàng Văn	Nghị	02/10/2003	Nam	3.08	Khá	1754 /2025/DHCQ_NLU
21	21155123	Nguyễn Tấn	Nghĩa	28/09/2003	Nam	3.44	Giỏi	1755 /2025/DHCQ_NLU
22	21155127	Nguyễn Văn	Nguyên	13/08/2003	Nam	2.86	Khá	1756 /2025/DHCQ_NLU
23	21155130	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Nhi	22/06/2003	Nữ	2.90	Khá	1757 /2025/DHCQ_NLU
24	21155133	Nguyễn Thị Phương	Oanh	07/01/2003	Nữ	2.78	Khá	1758 /2025/DHCQ_NLU
25	21155140	Võ Ngọc	Quyên	12/09/2003	Nữ	3.35	Giỏi	1760 /2025/DHCQ_NLU
26	21155150	Lê Thị Ánh	Thảo	10/11/2003	Nữ	3.29	Giỏi	1762 /2025/DHCQ_NLU
27	21155159	Phạm Thị Thanh	Trà	21/11/2003	Nữ	3.18	Khá	1763 /2025/DHCQ_NLU
28	21155163	Nguyễn Đỗ Thùy	Trang	08/02/2003	Nữ	2.65	Khá	1764 /2025/DHCQ_NLU
29	21155165	Tạ Thị Thùy	Trang	19/07/2003	Nữ	3.44	Giỏi	1765 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
30	21155167	Đặng Minh	Trí	20/12/2003	Nam	3.08	Khá	1766 /2025/DHCQ_NLU
31	21155182	Vũ Ngọc Thảo	Vi	11/12/2003	Nữ	2.83	Khá	1768 /2025/DHCQ_NLU
32	21155186	Đặng Ngọc Tường	Vy	09/07/2003	Nữ	3.29	Khá	1769 /2025/DHCQ_NLU
DH21KT								
1	21120012	Lương Thị Phương	Anh	23/02/2003	Nữ	3.01	Khá	1771 /2025/DHCQ_NLU
2	21120018	La Ngọc	Ánh	02/01/2003	Nữ	2.95	Khá	1773 /2025/DHCQ_NLU
3	21120057	Nguyễn Thị Thủy	Hân	30/10/2003	Nữ	3.75	Xuất sắc	1785 /2025/DHCQ_NLU
4	21120062	Lê Thị Thanh	Hào	09/01/2003	Nữ	3.22	Giỏi	1783 /2025/DHCQ_NLU
5	21120102	Hồ Thị Mỹ	Kỳ	02/01/2003	Nữ	3.16	Khá	1793 /2025/DHCQ_NLU
6	21120170	Nguyễn Ngọc	Nhi	04/06/2003	Nữ	2.94	Khá	1804 /2025/DHCQ_NLU
7	21120204	Phạm Lan	Phương	23/02/2003	Nữ	3.03	Khá	1810 /2025/DHCQ_NLU
8	21120240	Phạm Nguyễn Lam	Thảo	24/05/2003	Nữ	3.07	Khá	1822 /2025/DHCQ_NLU
9	21120251	Nguyễn Minh	Thư	30/08/2003	Nữ	3.21	Giỏi	1825 /2025/DHCQ_NLU
10	21120289	Thái Anh	Tuấn	17/12/2003	Nam	2.84	Khá	1819 /2025/DHCQ_NLU
11	21120292	Hồ Nguyễn Thanh	Tuyền	19/03/2003	Nữ	2.61	Khá	1820 /2025/DHCQ_NLU
12	21120326	Nguyễn Thị Thúy	An	23/03/2003	Nữ	3.43	Giỏi	1770 /2025/DHCQ_NLU
13	21120329	Nguyễn Hoài Phương	Anh	24/07/2003	Nữ	2.73	Khá	1772 /2025/DHCQ_NLU
14	21120334	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	16/07/2003	Nữ	2.91	Khá	1774 /2025/DHCQ_NLU
15	21120336	Trần Gia	Bảo	09/09/2003	Nam	3.21	Giỏi	1775 /2025/DHCQ_NLU
16	21120341	Trần Võ Kim	Chi	20/12/2003	Nữ	3.46	Giỏi	1776 /2025/DHCQ_NLU
17	21120353	Lương Thị Thanh	Diệu	12/04/2003	Nữ	3.39	Giỏi	1777 /2025/DHCQ_NLU
18	21120359	Vũ Tiến	Dũng	25/02/2003	Nam	3.08	Khá	1778 /2025/DHCQ_NLU
19	21120369	Phan Thị Mỹ	Duyên	16/03/2003	Nữ	3.33	Giỏi	1779 /2025/DHCQ_NLU
20	21120371	Đinh Thị Quỳnh	Giang	27/07/2003	Nữ	3.19	Khá	1780 /2025/DHCQ_NLU
21	21120373	Hoàng Thị Thu	Giang	02/10/2003	Nữ	3.63	Xuất sắc	1781 /2025/DHCQ_NLU
22	21120377	Hồ Thị Ngọc	Hà	08/10/2003	Nữ	3.67	Xuất sắc	1782 /2025/DHCQ_NLU
23	21120381	Nguyễn Bảo Thanh	Hằng	16/01/2003	Nữ	3.26	Giỏi	1784 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
24	21120383	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/04/2003	Nữ	3.04	Khá	1787 /2025/DHCQ_NLU
25	21120385	Trương Thị Thu	Hiền	04/10/2003	Nữ	3.11	Khá	1786 /2025/DHCQ_NLU
26	21120387	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	17/09/2003	Nữ	3.58	Giỏi	1788 /2025/DHCQ_NLU
27	21120389	Cao Nhật	Hoàng	20/12/2002	Nam	2.79	Khá	1789 /2025/DHCQ_NLU
28	21120392	Nguyễn Thị Thu	Hồng	08/05/2003	Nữ	3.47	Giỏi	1790 /2025/DHCQ_NLU
29	21120398	Nguyễn Thị	Huyền	31/01/2003	Nữ	3.18	Khá	1791 /2025/DHCQ_NLU
30	21120410	Mai Thị	Kim	30/05/2003	Nữ	3.33	Khá	1792 /2025/DHCQ_NLU
31	21120414	Đặng Thị Hồng	Linh	29/11/2003	Nữ	3.40	Giỏi	1794 /2025/DHCQ_NLU
32	21120423	Nguyễn Hà Nhật	Ly	04/01/2003	Nữ	3.24	Giỏi	1795 /2025/DHCQ_NLU
33	21120427	Nguyễn Lê Bảo	Minh	21/08/2003	Nam	3.04	Khá	1796 /2025/DHCQ_NLU
34	21120433	Đinh Phương	Nam	01/01/2003	Nam	3.22	Giỏi	1797 /2025/DHCQ_NLU
35	21120438	Trương Thị Quỳnh	Nga	21/01/2003	Nữ	2.84	Khá	1799 /2025/DHCQ_NLU
36	21120446	Nguyễn Hồ Như	Ngọc	15/09/2003	Nữ	3.27	Giỏi	1800 /2025/DHCQ_NLU
37	21120451	Trần Ngọc Thu	Nguyệt	27/08/2003	Nữ	3.06	Khá	1801 /2025/DHCQ_NLU
38	21120461	Trần Đình Vân	Nhi	21/08/2003	Nữ	3.04	Khá	1802 /2025/DHCQ_NLU
39	21120463	Trần Thị Diệu	Nhi	21/01/2003	Nữ	3.45	Giỏi	1803 /2025/DHCQ_NLU
40	21120472	Đỗ Thị Mỹ	Nường	01/05/2003	Nữ	3.11	Khá	1798 /2025/DHCQ_NLU
41	21120473	Lương Vũ Kiều	Oanh	03/11/2003	Nữ	2.87	Khá	1805 /2025/DHCQ_NLU
42	21120474	Trần Thị Kim	Oanh	19/05/2003	Nữ	3.45	Giỏi	1806 /2025/DHCQ_NLU
43	21120475	Nguyễn Thị Vương	Phát	10/09/2003	Nữ	3.19	Khá	1807 /2025/DHCQ_NLU
44	21120479	Lê Ngọc Bảo	Phúc	17/03/2003	Nam	3.09	Khá	1808 /2025/DHCQ_NLU
45	21120482	Đinh Hoàng Thanh	Phương	23/06/2003	Nữ	2.96	Khá	1809 /2025/DHCQ_NLU
46	21120491	Nguyễn Thị Bích	Quỳnh	30/10/2003	Nữ	3.18	Khá	1811 /2025/DHCQ_NLU
47	21120493	Lê Hoàng Như	Quỳnh	27/02/2003	Nữ	2.95	Khá	1816 /2025/DHCQ_NLU
48	21120494	Lê Thị	Quỳnh	26/09/2003	Nữ	3.32	Giỏi	1815 /2025/DHCQ_NLU
49	21120495	Nguyễn Như	Quỳnh	09/04/2003	Nữ	3.55	Giỏi	1813 /2025/DHCQ_NLU
50	21120496	Nguyễn Thị	Quỳnh	10/01/2003	Nữ	3.30	Giỏi	1814 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
51	21120497	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	22/03/2003	Nữ	3.38	Giỏi	1812 /2025/DHCQ_NLU
52	21120508	Nguyễn Đình	Tâm	23/11/2003	Nam	3.25	Giỏi	1817 /2025/DHCQ_NLU
53	21120522	Nguyễn Hữu	Thế	10/11/2001	Nam	3.10	Khá	1823 /2025/DHCQ_NLU
54	21120524	Nguyễn Thanh	Thiện	26/02/2003	Nam	3.68	Xuất sắc	1824 /2025/DHCQ_NLU
55	21120542	Dương Lục Thu	Tiên	19/11/2003	Nữ	3.11	Khá	1818 /2025/DHCQ_NLU
56	21120554	Hồ Thị Kiều	Trang	01/11/2003	Nữ	3.48	Giỏi	1826 /2025/DHCQ_NLU
57	21120566	Nguyễn Thị Mỹ	Trình	22/02/2003	Nữ	3.37	Giỏi	1827 /2025/DHCQ_NLU
58	21120585	Lưu Thị Ánh	Tuyết	07/08/2003	Nữ	2.73	Khá	1821 /2025/DHCQ_NLU
59	21120592	Huỳnh Thị Thúy	Vân	10/12/2002	Nữ	3.44	Giỏi	1828 /2025/DHCQ_NLU
60	21120597	Ngô Thanh	Vũ	24/06/2003	Nam	3.56	Giỏi	1829 /2025/DHCQ_NLU
61	21120603	Trần Thị Trà	Vy	03/02/2003	Nữ	3.28	Giỏi	1830 /2025/DHCQ_NLU
62	21120608	Trần Thị Như	Ý	01/04/2003	Nữ	3.16	Khá	1831 /2025/DHCQ_NLU
63	21120611	Nguyễn Thị	Yến	16/01/2003	Nữ	3.66	Xuất sắc	1832 /2025/DHCQ_NLU
DH21PT								
1	21121003	Nguyễn Bình	Nguyên	09/09/2003	Nam	3.12	Khá	1834 /2025/DHCQ_NLU
2	21121017	Nguyễn Tiến	Lập	04/12/2003	Nam	2.87	Khá	1833 /2025/DHCQ_NLU
3	21121025	Nguyễn Hoài	Tâm	24/03/2003	Nam	3.00	Khá	1835 /2025/DHCQ_NLU
4	21121028	Cái Thị Thu	Thúy	04/03/2003	Nữ	3.16	Khá	1836 /2025/DHCQ_NLU
DH21QT								
1	21122067	Hồ Thị Hồng	Duyên	13/02/2003	Nữ	3.31	Giỏi	1841 /2025/DHCQ_NLU
2	21122189	Nguyễn Vũ Thảo	Ngân	11/06/2003	Nữ	3.32	Giỏi	1846 /2025/DHCQ_NLU
3	21122201	Nguyễn Quang	Ngọc	30/08/2003	Nam	2.80	Khá	1847 /2025/DHCQ_NLU
4	21122317	Lương Anh	Thư	16/08/2003	Nữ	2.89	Khá	1854 /2025/DHCQ_NLU
5	21122325	Trần Thị Minh	Thư	15/03/2003	Nữ	3.35	Giỏi	1855 /2025/DHCQ_NLU
6	21122331	Nguyễn Cẩm	Thúy	12/07/2003	Nữ	2.77	Khá	1852 /2025/DHCQ_NLU
7	21122488	Đinh Thiên Kỳ	Bảo	27/11/2003	Nam	2.86	Khá	1837 /2025/DHCQ_NLU
8	21122499	Tiêu Viết	Danh	10/12/2003	Nam	3.42	Giỏi	1838 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
9	21122502	Nguyễn Thành	Đạt	25/05/2003	Nam	3.37	Giỏi	1842 /2025/DHCQ_NLU
10	21122512	Nguyễn Bích	Du	02/04/2003	Nữ	3.55	Giỏi	1839 /2025/DHCQ_NLU
11	21122517	Đỗ Quang	Dũng	07/06/2003	Nam	3.43	Giỏi	1840 /2025/DHCQ_NLU
12	21122528	Đậu Thị Minh	Giang	10/04/2003	Nữ	3.51	Giỏi	1843 /2025/DHCQ_NLU
13	21122543	Võ Thị Mỹ	Hàng	25/11/2003	Nữ	3.70	Xuất sắc	1844 /2025/DHCQ_NLU
14	21122587	Trần Bảo	Lâm	20/10/2003	Nữ	3.31	Giỏi	1845 /2025/DHCQ_NLU
15	21122648	Phạm Thảo	Nguyên	23/01/2003	Nữ	3.07	Khá	1848 /2025/DHCQ_NLU
16	21122682	Nguyễn Lê Minh	Quý	05/11/2003	Nam	3.25	Giỏi	1849 /2025/DHCQ_NLU
17	21122715	Nguyễn Lê Nhã	Thi	23/07/2003	Nữ	3.52	Giỏi	1850 /2025/DHCQ_NLU
18	21122721	Đỗ Phước	Thọ	26/12/2003	Nam	3.47	Giỏi	1851 /2025/DHCQ_NLU
19	21122731	Lê Hữu	Thức	31/10/2003	Nam	2.92	Khá	1856 /2025/DHCQ_NLU
20	21122736	Vũ Mai	Thương	27/09/2003	Nữ	3.60	Xuất sắc	1857 /2025/DHCQ_NLU
21	21122738	Hà Thị Bích	Thúy	03/04/2003	Nữ	2.85	Khá	1853 /2025/DHCQ_NLU
22	21122759	Huỳnh Thị Mai	Trâm	04/04/2003	Nữ	3.32	Giỏi	1860 /2025/DHCQ_NLU
23	21122770	Đinh Thị	Trang	10/09/2003	Nữ	3.03	Khá	1858 /2025/DHCQ_NLU
24	21122782	Trịnh Thị Hà	Trang	02/12/2003	Nữ	3.67	Xuất sắc	1859 /2025/DHCQ_NLU
25	21122789	Nguyễn Thị Huệ	Trúc	24/12/2003	Nữ	3.74	Xuất sắc	1862 /2025/DHCQ_NLU
26	21122791	Trần Thị Thanh	Trúc	06/11/2003	Nữ	3.08	Khá	1861 /2025/DHCQ_NLU
27	21122815	Lê Đào Thảo	Vy	27/02/2003	Nữ	3.30	Giỏi	1863 /2025/DHCQ_NLU
28	21122821	Đỗ Thị Bảo	Xuyên	03/10/2002	Nữ	3.28	Giỏi	1864 /2025/DHCQ_NLU
29	21122829	Nguyễn Hoàng	Yến	13/03/2002	Nữ	3.23	Giỏi	1865 /2025/DHCQ_NLU
DH21QTCA								
1	21122472	Nguyễn Trọng	An	25/02/2003	Nam	2.89	Khá	1866 /2025/DHCQ_NLU
2	21122489	Hồ Sỹ	Bảo	23/06/2003	Nam	2.78	Khá	1867 /2025/DHCQ_NLU
3	21122493	Hồ Thị Ngọc	Châu	08/04/2003	Nữ	2.96	Khá	1868 /2025/DHCQ_NLU
4	21122515	Lê Thị Thùy	Dung	16/11/2003	Nữ	3.06	Khá	1869 /2025/DHCQ_NLU
5	21122530	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	15/02/2003	Nữ	2.97	Khá	1870 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
6	21122544	Bùi Thị Mai	Hạnh	12/06/2003	Nữ	3.64	Xuất sắc	1871 /2025/DHCQ_NLU
7	21122630	Nguyễn	Nam	30/09/2003	Nam	3.26	Giỏi	1872 /2025/DHCQ_NLU
8	21122653	Cao Thị Ái	Nhi	27/06/2003	Nữ	3.07	Khá	1873 /2025/DHCQ_NLU
9	21122707	Mai Diệp Phương	Thảo	16/09/2003	Nữ	3.32	Giỏi	1875 /2025/DHCQ_NLU
10	21122799	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	21/04/2003	Nữ	3.01	Khá	1874 /2025/DHCQ_NLU
DH21QTCB								
1	21122051	Võ Phan Quỳnh	Đoan	28/07/2003	Nữ	2.80	Khá	1879 /2025/DHCQ_NLU
2	21122480	Nguyễn Thị Kim	Anh	11/03/2003	Nữ	3.33	Giỏi	1876 /2025/DHCQ_NLU
3	21122494	Đặng Thị Kim	Chi	10/10/2003	Nữ	3.00	Khá	1877 /2025/DHCQ_NLU
4	21122521	Vũ Thuỳ	Dương	28/01/2003	Nữ	3.40	Giỏi	1878 /2025/DHCQ_NLU
5	21122545	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	20/12/2003	Nữ	3.37	Giỏi	1880 /2025/DHCQ_NLU
6	21122639	Trương Huỳnh Phương	Nghi	25/11/2003	Nữ	3.67	Xuất sắc	1881 /2025/DHCQ_NLU
7	21122650	Hà Thị Thu	Nguyệt	06/01/2003	Nữ	3.08	Khá	1882 /2025/DHCQ_NLU
8	21122671	Nguyễn Tấn	Phát	08/08/2003	Nam	3.36	Giỏi	1883 /2025/DHCQ_NLU
9	21122677	Phan Thị Thu	Phương	07/11/2003	Nữ	3.29	Giỏi	1884 /2025/DHCQ_NLU
10	21122761	Trần Mai Ngọc	Trâm	09/09/2003	Nữ	3.10	Khá	1885 /2025/DHCQ_NLU
11	21122804	Nguyễn Lê Tú	Uyên	06/06/2003	Nữ	3.39	Giỏi	1887 /2025/DHCQ_NLU
12	21126540	Nguyễn Bích	Trâm	31/03/2002	Nữ	3.49	Giỏi	1886 /2025/DHCQ_NLU
DH21QTNĐ								
1	21122430	Dương Nguyễn Bảo	Hân	28/03/2002	Nữ	2.97	Khá	1888 /2025/DHCQ_NLU
2	21122432	Từ Thị Thanh	Hoa	01/02/2003	Nữ	2.92	Khá	1890 /2025/DHCQ_NLU
3	21122435	Nguyễn Dương Mỹ	Tiên	22/11/2003	Nữ	3.06	Khá	1892 /2025/DHCQ_NLU
4	21122848	Hồ Thúy	Vy	30/06/2002	Nữ	3.01	Khá	1893 /2025/DHCQ_NLU
5	21122886	Trần Thị Ngọc	Hân	13/04/2003	Nữ	2.92	Khá	1889 /2025/DHCQ_NLU
6	21122891	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	29/07/2003	Nữ	3.41	Giỏi	1891 /2025/DHCQ_NLU
DH21TC								
1	21122137	Ngô Nhật	Lâm	14/10/2003	Nam	2.93	Khá	1895 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	21122286	Nguyễn Nhật	Tân	31/07/2003	Nam	3.18	Khá	1897 /2025/DHCQ_NLU
3	21122571	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	14/10/2003	Nữ	3.64	Xuất sắc	1894 /2025/DHCQ_NLU
4	21122663	Nguyễn Quỳnh	Như	06/06/2003	Nữ	3.06	Khá	1896 /2025/DHCQ_NLU
5	21122801	Phạm Thị Hồng	Tuyết	12/09/2003	Nữ	3.51	Giỏi	1898 /2025/DHCQ_NLU
DH21TM								
1	21122019	Nguyễn Hoài Quốc	Bảo	24/05/2003	Nam	3.29	Giỏi	1899 /2025/DHCQ_NLU
2	21122087	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12/09/2003	Nữ	2.99	Khá	1902 /2025/DHCQ_NLU
3	21122104	Trịnh Hữu	Hùng	27/06/2003	Nam	3.67	Xuất sắc	1904 /2025/DHCQ_NLU
4	21122136	Lê Nguyễn Y	Lam	22/06/2003	Nữ	3.72	Xuất sắc	1908 /2025/DHCQ_NLU
5	21122151	Nguyễn Phạm Thương	Luyến	30/01/2003	Nữ	3.63	Xuất sắc	1911 /2025/DHCQ_NLU
6	21122157	Nguyễn Minh	Mẫn	08/12/2003	Nam	3.18	Khá	1913 /2025/DHCQ_NLU
7	21122264	Nguyễn Thị	Phượng	15/10/2003	Nữ	2.74	Khá	1919 /2025/DHCQ_NLU
8	21122320	Nguyễn Thị Anh	Thư	24/03/2003	Nữ	3.61	Xuất sắc	1929 /2025/DHCQ_NLU
9	21122491	Trương Nguyễn Gia	Bảo	07/02/2003	Nam	3.27	Giỏi	1900 /2025/DHCQ_NLU
10	21122511	Trần Rạng	Đông	26/01/2003	Nam	3.25	Giỏi	1901 /2025/DHCQ_NLU
11	21122555	Phan Thái	Hòa	14/04/2003	Nữ	3.34	Giỏi	1903 /2025/DHCQ_NLU
12	21122570	Ngô Gia	Huy	30/06/2003	Nam	3.58	Giỏi	1905 /2025/DHCQ_NLU
13	21122580	Bùi Minh	Kiên	01/06/2003	Nam	3.08	Khá	1906 /2025/DHCQ_NLU
14	21122583	Châu Thúy	Kiều	05/08/2003	Nữ	3.16	Khá	1907 /2025/DHCQ_NLU
15	21122591	Đặng Thị Mỹ	Linh	15/06/2003	Nữ	3.70	Xuất sắc	1909 /2025/DHCQ_NLU
16	21122601	Nguyễn Thị Mỹ	Loan	02/07/2003	Nữ	3.49	Giỏi	1910 /2025/DHCQ_NLU
17	21122614	Nguyễn Thị Khánh	Ly	20/07/2003	Nữ	3.61	Xuất sắc	1912 /2025/DHCQ_NLU
18	21122618	Đinh Huệ	Mẫn	21/08/2003	Nữ	3.00	Khá	1914 /2025/DHCQ_NLU
19	21122619	Nguyễn Thị Xuân	Mến	16/10/2003	Nữ	3.40	Giỏi	1915 /2025/DHCQ_NLU
20	21122627	Phạm Thị Hạ	My	14/09/2003	Nữ	3.30	Giỏi	1916 /2025/DHCQ_NLU
21	21122633	Đặng Thị	Nga	11/04/2003	Nữ	3.13	Khá	1917 /2025/DHCQ_NLU
22	21122655	Nguyễn Minh	Nhi	13/03/2003	Nam	3.23	Giỏi	1918 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
23	21122694	Nguyễn Thị	Tâm	04/08/2003	Nữ	3.38	Giỏi	1920 /2025/DHCQ_NLU
24	21122696	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	31/05/2003	Nữ	3.78	Xuất sắc	1921 /2025/DHCQ_NLU
25	21122702	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	12/08/2003	Nữ	3.30	Giỏi	1926 /2025/DHCQ_NLU
26	21122710	Phạm Thanh	Thảo	17/09/2003	Nữ	3.18	Khá	1925 /2025/DHCQ_NLU
27	21122712	Vũ Ngọc Phương	Thảo	24/03/2003	Nữ	3.50	Giỏi	1924 /2025/DHCQ_NLU
28	21122735	Phùng Thị Hoài	Thương	01/05/2003	Nữ	3.04	Khá	1930 /2025/DHCQ_NLU
29	21122740	Lương Thị Thanh	Thúy	06/11/2003	Nữ	3.15	Khá	1928 /2025/DHCQ_NLU
30	21122743	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	01/05/2003	Nữ	2.84	Khá	1927 /2025/DHCQ_NLU
31	21122750	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	04/11/2003	Nữ	3.55	Giỏi	1922 /2025/DHCQ_NLU
32	21122757	Hoàng Bích	Trà	23/12/2003	Nữ	3.53	Giỏi	1931 /2025/DHCQ_NLU
33	21122775	Nguyễn Thị Minh	Trang	18/03/2003	Nữ	3.30	Giỏi	1932 /2025/DHCQ_NLU
34	21122788	Lữ Trương Anh	Trúc	16/09/2003	Nữ	3.38	Giỏi	1934 /2025/DHCQ_NLU
35	21122790	Trần Thị Thanh	Trúc	04/07/2003	Nữ	3.16	Khá	1933 /2025/DHCQ_NLU
36	21122796	Lê Thái	Tuấn	25/12/2003	Nam	3.41	Giỏi	1923 /2025/DHCQ_NLU
37	21122803	Lê Hồ Thúy	Uyên	10/09/2002	Nữ	3.64	Xuất sắc	1935 /2025/DHCQ_NLU
38	21122819	Trịnh Trúc	Vy	26/12/2003	Nữ	3.53	Giỏi	1936 /2025/DHCQ_NLU
DH22QT								
1	22122079	Nguyễn Lê Bảo	Hân	17/11/2004	Nữ	3.62	Xuất sắc	1937 /2025/DHCQ_NLU
2	22122250	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	02/10/2004	Nữ	3.89	Xuất sắc	1938 /2025/DHCQ_NLU
3	22122352	Trương Thị Uyên	Thảo	10/12/2004	Nữ	3.38	Giỏi	1939 /2025/DHCQ_NLU
4	22122368	Lê Thị Minh	Thư	29/07/2004	Nữ	3.50	Giỏi	1940 /2025/DHCQ_NLU
5	22122387	Bùi Thị Anh	Thy	02/11/2004	Nữ	3.08	Khá	1941 /2025/DHCQ_NLU
DH22TC								
1	22122253	Nguyễn Uyên	Nhi	23/04/2004	Nữ	3.81	Xuất sắc	1942 /2025/DHCQ_NLU
2	22122396	Huỳnh Minh	Toàn	07/09/2004	Nam	3.76	Xuất sắc	1943 /2025/DHCQ_NLU
3	22122425	Trần Đức	Trung	02/01/2004	Nam	3.85	Xuất sắc	1944 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH22TM								
1	22122029	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	01/01/2004	Nữ	3.69	Xuất sắc	1945 /2025/DHCQ_NLU
2	22122278	Vương Quang	Phi	15/06/2004	Nam	3.77	Xuất sắc	1946 /2025/DHCQ_NLU
Lâm nghiệp								
DH15CB								
1	15115188	Nguyễn Thanh	Tú	12/01/1997	Nam	2.61	Khá	1947 /2025/DHCQ_NLU
DH18LN								
1	18114015	Hoàng Trung	Phong	17/05/1998	Nam	2.81	Khá	1948 /2025/DHCQ_NLU
DH18QR								
1	18164006	Nguyễn Thanh	Hải	16/04/2000	Nam	2.93	Khá	1949 /2025/DHCQ_NLU
DH19GN								
1	19115041	Dương Đình	Hùng	27/01/2001	Nam	2.74	Khá	1950 /2025/DHCQ_NLU
DH19LN								
1	19114003	Ngô Thị Kim	Cúc	28/08/2001	Nữ	2.92	Khá	1951 /2025/DHCQ_NLU
DH20CB								
1	20115007	Võ Thị Hoàng	Anh	16/06/2002	Nữ	3.33	Giỏi	1952 /2025/DHCQ_NLU
2	20115273	Đường Tiểu	Tiền	01/01/2002	Nữ	3.21	Giỏi	1953 /2025/DHCQ_NLU
DH20GN								
1	20115003	Trần Thị Mỹ	An	29/04/2002	Nữ	3.38	Giỏi	1954 /2025/DHCQ_NLU
2	20115179	Lê Thị Kim	Anh	20/02/2002	Nữ	3.10	Khá	1955 /2025/DHCQ_NLU
3	20115185	Phan Gia Duy	Cát	21/05/2002	Nam	3.17	Khá	1956 /2025/DHCQ_NLU
4	20115199	Lê Anh	Hậu	24/03/2002	Nam	3.03	Khá	1957 /2025/DHCQ_NLU
5	20115204	Nguyễn Duy	Hiếu	24/08/2002	Nam	2.76	Khá	1958 /2025/DHCQ_NLU
6	20115212	Liêu Thị Mỹ	Huyền	21/04/2002	Nữ	3.28	Giỏi	1959 /2025/DHCQ_NLU
7	20115229	Đỗ Thị Kim	Ngân	26/07/2002	Nữ	2.77	Khá	1961 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
8	20115299	Nguyễn Thị Kim	Liên	02/03/2002	Nữ	2.95	Khá	1960 /2025/DHCQ_NLU
DH21CB								
1	21114060	Võ Thị Ngọc	Quý	10/04/2003	Nữ	3.34	Giỏi	1967 /2025/DHCQ_NLU
2	21115098	Lê Bích	Tự	13/02/2003	Nữ	3.45	Giỏi	1970 /2025/DHCQ_NLU
3	21115101	Nguyễn Đỗ Phương	Uyên	20/10/2003	Nữ	3.30	Giỏi	1972 /2025/DHCQ_NLU
4	21115125	Nguyễn Thanh	Cúc	16/01/2003	Nữ	2.93	Khá	1962 /2025/DHCQ_NLU
5	21115140	Võ Thị	Hằng	01/02/2003	Nữ	2.95	Khá	1963 /2025/DHCQ_NLU
6	21115168	Châu Hoàng	Long	24/02/2003	Nam	2.97	Khá	1964 /2025/DHCQ_NLU
7	21115171	Võ Thị Quý	Mùi	10/04/2003	Nữ	3.24	Giỏi	1965 /2025/DHCQ_NLU
8	21115206	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	04/09/2003	Nữ	3.30	Giỏi	1968 /2025/DHCQ_NLU
9	21115235	Nguyễn Cao	Trường	29/09/2003	Nam	2.96	Khá	1971 /2025/DHCQ_NLU
10	21115255	Trần Thị Mỹ	Nhiên	17/10/2003	Nữ	3.66	Xuất sắc	1966 /2025/DHCQ_NLU
11	21115256	Nguyễn Tấn	Tài	14/02/2003	Nam	2.73	Khá	1969 /2025/DHCQ_NLU
DH21GB								
1	21115037	Hà Thị Khánh	Linh	02/09/2003	Nữ	3.35	Giỏi	1974 /2025/DHCQ_NLU
2	21115156	Trần Thị Lệ	Huyền	19/01/2003	Nữ	3.00	Khá	1973 /2025/DHCQ_NLU
3	21115183	Nguyễn Thị Ý	Nhi	07/09/2003	Nữ	3.19	Khá	1975 /2025/DHCQ_NLU
DH21GN								
1	21115001	Đinh Huỳnh Lan	Anh	21/11/2003	Nữ	3.14	Khá	1976 /2025/DHCQ_NLU
2	21115087	Nguyễn Thị	Tinh	20/12/2003	Nữ	3.31	Giỏi	1979 /2025/DHCQ_NLU
3	21115142	Lê Thị	Hào	22/02/2003	Nữ	3.13	Khá	1977 /2025/DHCQ_NLU
4	21115182	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	01/04/2003	Nữ	3.47	Giỏi	1978 /2025/DHCQ_NLU
5	21115220	Huỳnh Thị Trang	Thúy	10/01/2003	Nữ	3.25	Giỏi	1981 /2025/DHCQ_NLU
6	21115222	Lê Thị Phương	Thùy	12/08/2003	Nữ	3.45	Giỏi	1980 /2025/DHCQ_NLU
7	21115250	Nguyễn Ngọc Hải	Yến	18/07/2003	Nữ	3.18	Khá	1982 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21LD								
1	21165021	Lê Thị Tuyết	Nhi	27/03/2003	Nữ	3.28	Giỏi	1984 /2025/DHCQ_NLU
2	21165033	Phạm Thị Thúy	Hiền	19/07/2003	Nữ	3.20	Giỏi	1983 /2025/DHCQ_NLU
3	21165035	Bùi Thanh	Phong	23/06/2003	Nam	2.61	Khá	1985 /2025/DHCQ_NLU
DH21QR								
1	21164065	Công Trường	Vũ	30/12/2003	Nam	3.11	Khá	1986 /2025/DHCQ_NLU
Môi trường và Tài nguyên								
DH15GI								
1	15162040	Đỗ Đức	Tài	19/11/1997	Nam	2.62	Khá	1987 /2025/DHCQ_NLU
DH15QM								
1	15149174	Trịnh Thị	Yến	14/12/1997	Nữ	2.52	Khá	1988 /2025/DHCQ_NLU
DH17CH								
1	17131113	Nguyễn Văn	Tân	01/02/1999	Nam	2.92	Khá	1989 /2025/DHCQ_NLU
2	17131150	Lê Ngọc	Tuyền	02/12/1999	Nữ	2.82	Khá	1990 /2025/DHCQ_NLU
DH17ES								
1	17163005	Đỗ Vĩ	Cầm	25/12/1999	Nam	2.68	Khá	1991 /2025/DHCQ_NLU
DH17QM								
1	17149136	Lê phước	Tài	30/03/1999	Nam	2.42	Trung bình	1992 /2025/DHCQ_NLU
DH18CH								
1	18131066	Nguyễn Xuân	Trường	01/01/2000	Nam	3.01	Khá	1993 /2025/DHCQ_NLU
DH18ES								
1	18163005	Dư Anh	Đào	02/12/2000	Nữ	2.89	Khá	1994 /2025/DHCQ_NLU
2	18163015	Trần Quang	Huy	22/12/2000	Nam	2.45	Trung bình	1995 /2025/DHCQ_NLU
3	18163031	Dương Trần	Thắng	11/02/1999	Nam	2.68	Khá	1996 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH18MT								
1	18127040	Cao Hoàng	Phát	23/01/2000	Nam	2.73	Khá	1997 /2025/DHCQ_NLU
DH18QM								
1	18149061	Lương Hữu	Phước	08/10/2000	Nam	2.38	Trung bình	1998 /2025/DHCQ_NLU
DH19CH								
1	19131049	Nguyễn Ngọc	Thịnh	11/01/2001	Nam	2.82	Khá	1999 /2025/DHCQ_NLU
DH19QM								
1	19149074	Cao Thanh	Phương	20/12/1996	Nam	2.36	Trung bình	2000 /2025/DHCQ_NLU
2	19149084	Trần Thị Thu	Thảo	27/12/2001	Nữ	2.49	Trung bình	2001 /2025/DHCQ_NLU
DH19TK								
1	19131008	Lê Văn	Hào	10/05/2001	Nam	2.94	Khá	2002 /2025/DHCQ_NLU
DH20DL								
1	20157015	Trần Thị Kim	Ngọc	26/12/2002	Nữ	2.88	Khá	2003 /2025/DHCQ_NLU
DH20ES								
1	20163125	Trần Đỗ Thu	Ngân	30/10/2002	Nữ	2.83	Khá	2004 /2025/DHCQ_NLU
2	20163129	Võ Thị Như	Phượng	02/06/2002	Nữ	2.78	Khá	2005 /2025/DHCQ_NLU
DH20HM								
1	20166018	Nguyễn Dương Gia	Bảo	04/08/2002	Nữ	3.22	Giỏi	2006 /2025/DHCQ_NLU
2	20166025	Đỗ Ngọc	Danh	15/08/2002	Nữ	2.98	Khá	2007 /2025/DHCQ_NLU
3	20166050	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	03/01/2002	Nữ	3.29	Giỏi	2008 /2025/DHCQ_NLU
4	20166058	Nguyễn Hữu	Quốc	19/06/2002	Nam	2.88	Khá	2009 /2025/DHCQ_NLU
5	20166061	Đinh Thị Linh	Thảo	12/03/2002	Nữ	3.17	Khá	2010 /2025/DHCQ_NLU
6	20166063	Hồ Quang	Thiện	04/02/2002	Nam	2.98	Khá	2011 /2025/DHCQ_NLU
DH20LA								
1	20131067	Nguyễn Thị Anh	Tuyết	16/11/2002	Nữ	3.18	Khá	2013 /2025/DHCQ_NLU
2	20133008	Đặng Trường	Sơn	16/09/2002	Nam	3.18	Khá	2012 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20LH								
1	20131065	Nguyễn Văn	Trọng	17/05/2002	Nam	3.19	Khá	2017 /2025/DHCQ_NLU
2	20131085	Võ Trung	Hiếu	18/04/2002	Nam	3.18	Khá	2014 /2025/DHCQ_NLU
3	20131097	Ngô Thị Kiều	Oanh	16/05/2002	Nữ	3.22	Giỏi	2015 /2025/DHCQ_NLU
4	20131104	Dương Quốc	Thanh	25/10/2002	Nam	3.01	Khá	2016 /2025/DHCQ_NLU
DH20MT								
1	20127084	Hồ Hải Khôi	Nguyên	07/11/2002	Nam	2.32	Trung bình	2018 /2025/DHCQ_NLU
2	20127133	An Văn	Phúc	01/02/2002	Nam	2.68	Khá	2019 /2025/DHCQ_NLU
3	20127136	Nguyễn Thành	Tài	24/07/2002	Nam	2.52	Khá	2020 /2025/DHCQ_NLU
4	20127147	Nguyễn Thị Thương	Thương	12/09/2002	Nữ	2.56	Khá	2021 /2025/DHCQ_NLU
5	20127150	Trần Quang	Trí	21/07/2002	Nam	2.62	Khá	2022 /2025/DHCQ_NLU
DH20QM								
1	20149004	Hà Trần Quốc	Bảo	21/10/2002	Nam	2.97	Khá	2023 /2025/DHCQ_NLU
2	20149042	Huỳnh	Long	29/01/2002	Nam	2.69	Khá	2025 /2025/DHCQ_NLU
3	20149156	Hồ Phạm Công	Hạnh	07/03/2002	Nam	2.56	Khá	2024 /2025/DHCQ_NLU
4	20149207	Nguyễn Minh	Quý	08/06/2002	Nam	2.79	Khá	2026 /2025/DHCQ_NLU
5	20149223	Trần Công	Thành	23/08/2002	Nam	2.73	Khá	2027 /2025/DHCQ_NLU
6	20149239	Phạm Thị Bảo	Trâm	16/09/2002	Nữ	2.66	Khá	2028 /2025/DHCQ_NLU
DH21ES								
1	21163094	Phan Dương Như	Nguyễn	19/02/2003	Nữ	2.77	Khá	2029 /2025/DHCQ_NLU
DH21HM								
1	21166013	Hồ Thị Mỹ	Hạnh	17/07/2003	Nữ	2.66	Khá	2035 /2025/DHCQ_NLU
2	21166019	Đinh Văn	Hưng	23/11/2003	Nam	2.62	Khá	2040 /2025/DHCQ_NLU
3	21166041	Nguyễn Minh	Nhi	29/10/2003	Nam	3.04	Khá	2048 /2025/DHCQ_NLU
4	21166107	Nguyễn Thiên	Bảo	18/04/2003	Nam	2.83	Khá	2030 /2025/DHCQ_NLU
5	21166113	Trần Đại	Dương	27/08/2003	Nam	3.34	Giỏi	2032 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
6	21166115	Trần Phạm Mỹ	Duyên	12/12/2003	Nữ	3.80	Xuất sắc	2031 /2025/DHCQ_NLU
7	21166116	Đoàn Minh	Giang	25/02/2003	Nam	3.14	Khá	2033 /2025/DHCQ_NLU
8	21166117	Nguyễn Quỳnh	Giang	31/05/2003	Nữ	2.92	Khá	2034 /2025/DHCQ_NLU
9	21166121	Nguyễn Bá	Hiếu	10/08/2003	Nam	2.77	Khá	2036 /2025/DHCQ_NLU
10	21166125	Bùi Phú Gia	Huy	21/09/2003	Nam	2.86	Khá	2037 /2025/DHCQ_NLU
11	21166126	Hoàng Thị Mỹ	Huyền	05/08/2003	Nữ	3.17	Khá	2039 /2025/DHCQ_NLU
12	21166127	Phạm Thị Tuyết	Huyền	30/12/2003	Nữ	3.70	Xuất sắc	2038 /2025/DHCQ_NLU
13	21166131	Nguyễn Duy	Khanh	15/09/2002	Nam	3.11	Khá	2042 /2025/DHCQ_NLU
14	21166132	Nguyễn Bá	Khôi	28/08/2003	Nam	3.54	Giỏi	2043 /2025/DHCQ_NLU
15	21166135	Võ Thị Kim	Kiểu	21/03/2003	Nữ	3.79	Xuất sắc	2041 /2025/DHCQ_NLU
16	21166137	Lương Ngọc Diễm	Lệ	02/05/2003	Nữ	3.63	Xuất sắc	2044 /2025/DHCQ_NLU
17	21166139	Nguyễn Võ Yến	Linh	29/05/2003	Nữ	3.59	Giỏi	2045 /2025/DHCQ_NLU
18	21166143	Hà Ngọc Bích	Minh	15/05/2003	Nữ	3.78	Xuất sắc	2046 /2025/DHCQ_NLU
19	21166149	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	15/03/2003	Nữ	3.56	Giỏi	2047 /2025/DHCQ_NLU
20	21166155	Vũ Hồng	Quân	23/03/2003	Nam	2.78	Khá	2049 /2025/DHCQ_NLU
21	21166156	Nguyễn Nhựt	Quý	16/03/2003	Nam	3.37	Giỏi	2050 /2025/DHCQ_NLU
22	21166159	Nguyễn Hoàng	Sơn	14/06/2003	Nam	2.78	Khá	2051 /2025/DHCQ_NLU
23	21166161	Hà Thị Xuân	Thảo	07/10/2003	Nữ	3.46	Giỏi	2054 /2025/DHCQ_NLU
24	21166167	Lê Trọng	Tín	09/11/2003	Nam	2.83	Khá	2052 /2025/DHCQ_NLU
25	21166174	Lê Trung	Tuyền	18/05/2003	Nam	2.74	Khá	2053 /2025/DHCQ_NLU
26	21166175	Võ Thị Phương	Uyên	07/08/2003	Nữ	3.13	Khá	2055 /2025/DHCQ_NLU
27	21166179	Đỗ Thị Thảo	Vy	26/04/2003	Nữ	3.13	Khá	2056 /2025/DHCQ_NLU
DH21LH								
1	21133030	Phạm Thị Kim	Long	28/10/2003	Nữ	3.37	Giỏi	2057 /2025/DHCQ_NLU
DH21MT								
1	21127114	Nguyễn Thành	Lợi	03/12/2003	Nam	3.00	Khá	2058 /2025/DHCQ_NLU
2	21127158	Võ Kim	Thư	28/02/2003	Nữ	2.91	Khá	2059 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21QM								
1	21149020	Trương Thị	Hòa	06/06/2003	Nữ	3.16	Khá	2068 /2025/DHCQ_NLU
2	21149028	Trần Đỗ Thu	Huyền	23/03/2003	Nữ	3.13	Khá	2069 /2025/DHCQ_NLU
3	21149034	Nguyễn Lê Phương	Lam	01/11/2003	Nữ	2.85	Khá	2072 /2025/DHCQ_NLU
4	21149035	Huỳnh Thị Bảo	Linh	12/10/2003	Nữ	3.08	Khá	2073 /2025/DHCQ_NLU
5	21149092	Nguyễn Thị Bảo	Trần	21/07/2003	Nữ	2.98	Khá	2092 /2025/DHCQ_NLU
6	21149108	Nguyễn Mộng Tường	Vy	21/09/2003	Nữ	3.14	Khá	2095 /2025/DHCQ_NLU
7	21149111	Trần Thị Yến	Vy	30/03/2003	Nữ	3.04	Khá	2094 /2025/DHCQ_NLU
8	21149114	Lê Thị Thúy	Ái	01/04/2003	Nữ	3.39	Giỏi	2060 /2025/DHCQ_NLU
9	21149122	Nguyễn Quốc	Bảo	17/03/2003	Nam	2.77	Khá	2061 /2025/DHCQ_NLU
10	21149124	Trần Nguyễn Thúy	Bình	29/12/2003	Nữ	3.10	Khá	2062 /2025/DHCQ_NLU
11	21149129	Nguyễn Tiến	Đạt	07/09/2003	Nam	2.69	Khá	2063 /2025/DHCQ_NLU
12	21149139	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	22/05/2003	Nữ	2.60	Khá	2064 /2025/DHCQ_NLU
13	21149142	Phạm Đức Châu	Giang	05/01/2003	Nam	2.47	Trung bình	2065 /2025/DHCQ_NLU
14	21149145	Trần Thị Ngọc	Hà	07/04/2003	Nữ	2.74	Khá	2066 /2025/DHCQ_NLU
15	21149153	Nguyễn Thị	Hoa	07/07/2003	Nữ	2.60	Khá	2067 /2025/DHCQ_NLU
16	21149174	Nguyễn Huỳnh Anh	Khôi	30/12/2003	Nam	2.89	Khá	2071 /2025/DHCQ_NLU
17	21149178	Tô Tuấn	Kiệt	30/05/2003	Nam	3.17	Khá	2070 /2025/DHCQ_NLU
18	21149185	Nguyễn Hoàn Nhã	Linh	20/08/2003	Nữ	2.53	Khá	2074 /2025/DHCQ_NLU
19	21149190	Nguyễn Thị Xuân	Mai	01/01/2003	Nữ	2.71	Khá	2075 /2025/DHCQ_NLU
20	21149197	Trần Thị Tuyết	Nga	23/05/2003	Nữ	2.81	Khá	2076 /2025/DHCQ_NLU
21	21149205	Nguyễn Thu	Ngọc	25/02/2003	Nữ	2.95	Khá	2077 /2025/DHCQ_NLU
22	21149210	Trần Thị Minh	Nguyệt	16/04/2003	Nữ	2.98	Khá	2078 /2025/DHCQ_NLU
23	21149215	Châu Thị Yến	Nhi	15/08/2003	Nữ	3.06	Khá	2079 /2025/DHCQ_NLU
24	21149218	Trần Huỳnh Yến	Nhi	06/09/2003	Nữ	2.82	Khá	2080 /2025/DHCQ_NLU
25	21149223	Dương Nguyễn Cẩm	Nhung	20/11/2003	Nữ	2.95	Khá	2081 /2025/DHCQ_NLU
26	21149224	Kim Thị Tuyết	Nhung	29/07/2003	Nữ	2.76	Khá	2082 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
27	21149227	Hoàng Thị Kiều	Oanh	27/05/2003	Nữ	2.83	Khá	2084 /2025/DHCQ_NLU
28	21149228	Nguyễn Thị Diễm	Oanh	07/10/2003	Nữ	2.84	Khá	2083 /2025/DHCQ_NLU
29	21149231	Nguyễn Thanh	Phát	28/09/2003	Nam	2.76	Khá	2085 /2025/DHCQ_NLU
30	21149233	Nguyễn Thế	Phong	28/09/2003	Nam	3.06	Khá	2086 /2025/DHCQ_NLU
31	21149240	Mai Ngọc	Quý	24/09/2003	Nữ	2.77	Khá	2087 /2025/DHCQ_NLU
32	21149267	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22/11/2003	Nữ	2.75	Khá	2089 /2025/DHCQ_NLU
33	21149272	Lê Thị Cẩm	Thu	18/08/2003	Nữ	3.02	Khá	2090 /2025/DHCQ_NLU
34	21149285	Nguyễn Thị Tiên	Tiên	14/02/2003	Nữ	2.77	Khá	2088 /2025/DHCQ_NLU
35	21149293	Trần Nguyễn Thanh	Trang	16/02/2003	Nữ	2.84	Khá	2091 /2025/DHCQ_NLU
36	21149309	Trần Phú	Vinh	16/04/2003	Nam	2.59	Khá	2093 /2025/DHCQ_NLU
Nông học								
DH17NHA								
1	17113006	Đặng Văn	Bằng	05/07/1999	Nam	2.37	Trung bình	2165 /2025/DHCQ_NLU
DH17NHB								
1	17113130	Nguyễn Trung	Nghĩa	25/01/1999	Nam	2.66	Khá	2166 /2025/DHCQ_NLU
DH18NHA								
1	18113025	Võ Thành Trường	Giang	12/05/2000	Nam	2.79	Khá	2167 /2025/DHCQ_NLU
2	18113102	Nguyễn Thành	Ngữ	26/02/2000	Nam	2.66	Khá	2168 /2025/DHCQ_NLU
DH19NHA								
1	19113072	Nguyễn Trọng Anh	Khoa	22/12/2001	Nam	2.62	Khá	2169 /2025/DHCQ_NLU
2	19113120	Phan Thị	Nữ	18/10/2001	Nữ	3.08	Khá	2170 /2025/DHCQ_NLU
3	19113138	Nguyễn Nhật	Tân	17/06/2001	Nam	3.05	Khá	2171 /2025/DHCQ_NLU
DH19NHB								
1	19113047	Đàm Thị Thu	Hiền	20/07/2001	Nữ	3.37	Giỏi	2172 /2025/DHCQ_NLU
2	19113167	Phùng Minh	Trí	17/02/2000	Nam	2.87	Khá	2173 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19NHGL								
1	19125541	Nguyễn Thị	Hà	20/09/2001	Nữ	2.75	Khá	2174 /2025/DHCQ_NLU
DH20BV								
1	20145076	Trần Minh	Trí	07/03/2002	Nam	3.08	Khá	2181 /2025/DHCQ_NLU
2	20145090	Nguyễn Tấn	An	12/08/2002	Nam	3.27	Giỏi	2175 /2025/DHCQ_NLU
3	20145098	Lâm Quốc	Đạt	25/10/2002	Nam	2.66	Khá	2177 /2025/DHCQ_NLU
4	20145106	Nguyễn Thế	Duy	02/01/2002	Nam	2.69	Khá	2176 /2025/DHCQ_NLU
5	20145112	Lê Gia	Huân	21/08/2002	Nam	2.51	Khá	2178 /2025/DHCQ_NLU
6	20145148	Nguyễn Ngọc	Phú	19/01/2002	Nam	2.83	Khá	2179 /2025/DHCQ_NLU
7	20145159	Thái Tự	Thành	17/01/2002	Nam	2.74	Khá	2180 /2025/DHCQ_NLU
8	20145186	Trần Ngọc	Vương	09/10/2002	Nam	3.04	Khá	2182 /2025/DHCQ_NLU
DH20NHA								
1	20113211	Nguyễn Thị Kim	Chi	21/02/2002	Nữ	2.46	Trung bình	2183 /2025/DHCQ_NLU
2	20113252	Nguyễn Thị Thu	Hương	29/12/2001	Nữ	3.11	Khá	2184 /2025/DHCQ_NLU
3	20113263	Ngô Tường	Lâm	13/06/2002	Nữ	3.38	Giỏi	2185 /2025/DHCQ_NLU
4	20113273	Nguyễn Thị	Lợi	31/03/2002	Nữ	2.70	Khá	2186 /2025/DHCQ_NLU
DH20NHB								
1	20113102	Hồ Thị Xuân	Nhi	01/01/2002	Nữ	2.91	Khá	2188 /2025/DHCQ_NLU
2	20113180	Trần Thị Ánh	Tuyết	21/12/2002	Nữ	3.04	Khá	2192 /2025/DHCQ_NLU
3	20113299	Nguyễn Thanh	Nhân	24/01/2002	Nam	2.55	Khá	2187 /2025/DHCQ_NLU
4	20113310	Châu Huỳnh Trọng	Phúc	11/10/2002	Nam	2.84	Khá	2189 /2025/DHCQ_NLU
5	20113327	Trịnh Tấn	Tài	29/08/2002	Nam	2.93	Khá	2190 /2025/DHCQ_NLU
6	20113346	Nguyễn Chiêu	Thư	13/03/2002	Nữ	3.08	Khá	2193 /2025/DHCQ_NLU
7	20113378	Trương Thị Minh	Tú	18/03/2002	Nữ	2.81	Khá	2191 /2025/DHCQ_NLU
8	20113388	Nguyễn Ngọc Huyền	Vi	01/11/2002	Nữ	2.78	Khá	2194 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21BVA								
1	21145023	Hà Thị Phước	Hoa	24/02/2003	Nữ	3.71	Xuất sắc	2197 /2025/DHCQ_NLU
2	21145060	Bạch Đoàn Quang	Sang	12/12/2003	Nam	3.66	Xuất sắc	2201 /2025/DHCQ_NLU
3	21145108	Nguyễn Quốc	Anh	24/05/2003	Nam	3.06	Khá	2195 /2025/DHCQ_NLU
4	21145124	Đoàn Trọng	Đạt	19/05/2003	Nam	3.58	Giỏi	2196 /2025/DHCQ_NLU
5	21145151	Huỳnh Quang	Huy	25/07/2003	Nam	2.94	Khá	2198 /2025/DHCQ_NLU
6	21145158	Huỳnh Quốc	Khánh	09/11/2003	Nam	3.56	Giỏi	2199 /2025/DHCQ_NLU
7	21145174	Lê Huỳnh	Nguyễn	09/09/2003	Nam	2.89	Khá	2200 /2025/DHCQ_NLU
DH21BVB								
1	21145002	Võ Việt	An	23/09/2003	Nam	3.06	Khá	2202 /2025/DHCQ_NLU
2	21145005	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	24/01/2003	Nữ	3.22	Giỏi	2203 /2025/DHCQ_NLU
3	21145088	Đinh Văn	Tú	09/10/2003	Nam	3.39	Giỏi	2204 /2025/DHCQ_NLU
DH21NHA								
1	21113001	Huỳnh Hoài	An	22/04/2003	Nam	3.66	Xuất sắc	2205 /2025/DHCQ_NLU
2	21113050	Hồ Thanh	Nghi	15/08/2003	Nữ	3.23	Giỏi	2213 /2025/DHCQ_NLU
3	21113059	Nguyễn Tấn	Phong	26/10/2003	Nam	3.36	Giỏi	2214 /2025/DHCQ_NLU
4	21113069	Cao Hải	Quân	09/08/2003	Nam	3.25	Giỏi	2215 /2025/DHCQ_NLU
5	21113085	Dương Thị Thanh	Thảo	05/07/2003	Nữ	2.57	Khá	2217 /2025/DHCQ_NLU
6	21113103	Lê Nhật Bảo	Trâm	07/12/2003	Nữ	3.35	Giỏi	2218 /2025/DHCQ_NLU
7	21113111	Nguyễn Thành	Tuân	27/09/2003	Nam	2.88	Khá	2216 /2025/DHCQ_NLU
8	21113148	Trần Hoàng Quốc	Bảo	30/11/2003	Nam	2.72	Khá	2206 /2025/DHCQ_NLU
9	21113161	Lê Phước	Đạt	12/06/2003	Nam	3.10	Khá	2208 /2025/DHCQ_NLU
10	21113174	Nguyễn Hoài Mỹ	Duyên	07/01/2003	Nữ	3.52	Giỏi	2207 /2025/DHCQ_NLU
11	21113191	Đậu Liên	Hương	08/11/2003	Nữ	3.37	Giỏi	2210 /2025/DHCQ_NLU
12	21113201	Trần Văn	Huỳnh	10/12/2003	Nam	3.09	Khá	2209 /2025/DHCQ_NLU
13	21113203	Dương Bảo	Khang	19/11/2003	Nam	3.05	Khá	2211 /2025/DHCQ_NLU
14	21113215	Nguyễn Chí	Linh	23/10/2003	Nam	3.02	Khá	2212 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21NHB								
1	21113002	Nguyễn Thảo	An	23/05/2003	Nữ	3.63	Xuất sắc	2219 /2025/DHCQ_NLU
2	21113006	Võ Thị Quế	Anh	24/09/2003	Nữ	3.06	Khá	2220 /2025/DHCQ_NLU
3	21113021	Võ Ngọc Quý	Hiếu	04/08/2003	Nữ	3.15	Khá	2221 /2025/DHCQ_NLU
4	21113025	Trần Phú	Hữu	22/03/2003	Nam	2.48	Trung bình	2223 /2025/DHCQ_NLU
5	21113035	Nguyễn Thị Oanh	Kiều	24/03/2003	Nữ	3.56	Giỏi	2224 /2025/DHCQ_NLU
6	21113042	Phạm Thị	Mai	25/09/2003	Nữ	3.68	Xuất sắc	2226 /2025/DHCQ_NLU
7	21113055	Phan Thị Quỳnh	Như	18/10/2003	Nữ	3.18	Khá	2229 /2025/DHCQ_NLU
8	21113077	Nguyễn Văn	Sang	15/03/2003	Nam	3.34	Giỏi	2230 /2025/DHCQ_NLU
9	21113079	Lê Thành	Tài	10/03/2003	Nam	3.25	Giỏi	2232 /2025/DHCQ_NLU
10	21113080	Nguyễn Huỳnh Anh	Tài	06/01/2003	Nam	3.61	Xuất sắc	2231 /2025/DHCQ_NLU
11	21113092	Hồ Chí	Thiện	29/10/2003	Nam	2.83	Khá	2235 /2025/DHCQ_NLU
12	21113125	Vũ Khánh	Vy	02/10/2003	Nữ	3.59	Giỏi	2238 /2025/DHCQ_NLU
13	21113185	Hồ Thúy	Hòa	09/06/2003	Nữ	2.89	Khá	2222 /2025/DHCQ_NLU
14	21113219	Phan Ngọc Diệu	Linh	06/01/2003	Nữ	3.33	Giỏi	2225 /2025/DHCQ_NLU
15	21113230	Phan Ngọc	Minh	26/12/2003	Nam	2.82	Khá	2227 /2025/DHCQ_NLU
16	21113234	Nguyễn Thị Tú	Ngân	20/08/2003	Nữ	3.25	Giỏi	2228 /2025/DHCQ_NLU
17	21113296	Hồ Hồng	Thảo	07/04/2003	Nữ	3.14	Khá	2234 /2025/DHCQ_NLU
18	21113308	Tạ Ngọc Anh	Thư	08/02/2003	Nữ	2.95	Khá	2236 /2025/DHCQ_NLU
19	21113332	Tiêu Lam	Trường	06/12/2003	Nam	3.09	Khá	2237 /2025/DHCQ_NLU
20	21113333	Trần Thị Cẩm	Tú	11/02/2003	Nữ	2.89	Khá	2233 /2025/DHCQ_NLU
DH21NHC								
1	21113245	Phạm Minh	Nhật	05/12/2003	Nam	3.35	Giỏi	2239 /2025/DHCQ_NLU
2	21113261	Trương Hồng	Phong	11/01/2003	Nam	3.23	Giỏi	2240 /2025/DHCQ_NLU
3	21113285	Ngô Chánh	Tâm	15/12/2003	Nữ	3.16	Khá	2241 /2025/DHCQ_NLU
4	21113302	Đổng Thị	Thịnh	30/11/2003	Nữ	2.80	Khá	2244 /2025/DHCQ_NLU
5	21113311	Trình Ngọc Anh	Thy	06/09/2003	Nữ	3.14	Khá	2245 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
6	21113322	Nguyễn Thị Thùy	Trang	27/09/2003	Nữ	3.26	Giỏi	2246 /2025/DHCQ_NLU
7	21113340	Ngô Thị Thanh	Tuyền	16/07/2003	Nữ	2.83	Khá	2243 /2025/DHCQ_NLU
8	21113341	Nguyễn Ngọc Sơn	Tuyền	21/03/2003	Nữ	2.92	Khá	2242 /2025/DHCQ_NLU
9	21113344	Trương Thị Cẩm	Vân	28/06/2003	Nữ	3.25	Giỏi	2247 /2025/DHCQ_NLU
10	21113346	Phạm Quốc	Việt	25/02/2003	Nam	3.17	Khá	2248 /2025/DHCQ_NLU
DH21NHNT								
1	21113361	Phan Thị Thùy	Dương	22/12/2001	Nữ	3.08	Khá	2249 /2025/DHCQ_NLU
Ngoại ngữ - Sư phạm								
DH18AV								
1	18128016	Hoàng Trần Quỳnh	Chi	30/05/2000	Nữ	2.56	Khá	2096 /2025/DHCQ_NLU
2	18128029	Võ Trần Mạnh	Đông	18/11/1996	Nam	2.09	Trung bình	2097 /2025/DHCQ_NLU
3	18128192	Trần Phúc	Trí	19/07/2000	Nam	2.67	Khá	2098 /2025/DHCQ_NLU
DH18SP								
1	18132009	Trần Thị	Dương	08/08/2000	Nữ	2.63	Khá	2099 /2025/DHCQ_NLU
DH19AV								
1	19128003	Mai Phạm Hoàng	Ân	21/10/2001	Nam	2.28	Trung bình	2100 /2025/DHCQ_NLU
2	19128021	Đỗ Thị Kiều	Diễm	20/12/2001	Nữ	2.58	Khá	2101 /2025/DHCQ_NLU
3	19128059	Nguyễn Mai	Huyền	28/10/2000	Nữ	2.19	Trung bình	2102 /2025/DHCQ_NLU
4	19128086	Võ Thành	Long	07/09/2001	Nam	2.62	Khá	2103 /2025/DHCQ_NLU
5	19128090	Lê Nguyễn Khánh	Ly	18/08/2001	Nữ	2.31	Trung bình	2104 /2025/DHCQ_NLU
6	19128108	Võ Hoàng Đông	Nghi	02/11/2001	Nữ	3.03	Khá	2105 /2025/DHCQ_NLU
7	19128135	Lê Hoàng	Phúc	16/09/2001	Nam	2.50	Khá	2106 /2025/DHCQ_NLU
8	19128184	Lang Minh	Trang	05/11/2000	Nữ	2.44	Trung bình	2107 /2025/DHCQ_NLU
9	19128218	Trần Khánh	Vy	29/08/2001	Nữ	2.34	Trung bình	2108 /2025/DHCQ_NLU
DH19AVGL								
1	19128239	Nguyễn Thị Phương	Trang	28/01/2001	Nữ	2.24	Trung bình	2109 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20AV								
1	20128159	Nguyễn Thế	Chuyên	06/07/2002	Nam	2.51	Khá	2110 /2025/DHCQ_NLU
2	20128161	Vũ Thị Cẩm	Đào	11/11/2002	Nữ	2.30	Trung bình	2112 /2025/DHCQ_NLU
3	20128170	Nguyễn Phan Kỳ	Duyên	19/01/2002	Nữ	2.79	Khá	2111 /2025/DHCQ_NLU
4	20128188	Trần Quang	Huy	12/09/2002	Nam	2.77	Khá	2113 /2025/DHCQ_NLU
5	20128205	Nguyễn Hồng	Minh	20/02/2002	Nữ	3.36	Giỏi	2114 /2025/DHCQ_NLU
6	20128240	Lê Ngọc Hồng	Phúc	01/08/2002	Nữ	2.61	Khá	2115 /2025/DHCQ_NLU
7	20128246	Nguyễn Nhật	Phương	09/12/2002	Nam	2.58	Khá	2117 /2025/DHCQ_NLU
8	20128260	Nguyễn Đức Minh	Tâm	05/12/2002	Nam	2.62	Khá	2118 /2025/DHCQ_NLU
9	20128265	Đỗ Thị Thanh	Thảo	15/10/2002	Nữ	3.10	Khá	2120 /2025/DHCQ_NLU
10	20128279	Đoàn Nguyễn Hoài	Thương	20/07/2002	Nữ	2.77	Khá	2121 /2025/DHCQ_NLU
11	20128285	Hoàng Ngọc Hương	Trà	07/12/2002	Nữ	2.24	Trung bình	2122 /2025/DHCQ_NLU
12	20128293	Nguyễn Minh	Trí	11/10/2002	Nam	2.63	Khá	2123 /2025/DHCQ_NLU
13	20128304	Đỗ Nguyễn Cát	Tường	19/01/2002	Nữ	2.57	Khá	2119 /2025/DHCQ_NLU
14	20128323	Nguyễn Thụy Trúc	Vy	16/09/2002	Nữ	2.55	Khá	2124 /2025/DHCQ_NLU
15	20128900	Nguyễn Thị Kim	Phụng	14/01/2001	Nữ	2.53	Khá	2116 /2025/DHCQ_NLU
DH21AV								
1	21128009	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	06/04/2003	Nữ	2.99	Khá	2125 /2025/DHCQ_NLU
2	21128037	Lê Thị Ngọc	Hân	26/01/2003	Nữ	3.04	Khá	2130 /2025/DHCQ_NLU
3	21128038	Nguyễn Thị Gia	Hân	28/03/2003	Nữ	3.50	Giỏi	2131 /2025/DHCQ_NLU
4	21128049	Nguyễn Ngọc Như	Hoàng	08/10/2003	Nữ	2.59	Khá	2133 /2025/DHCQ_NLU
5	21128077	Đào Ngọc Trang	My	28/02/2003	Nữ	2.69	Khá	2137 /2025/DHCQ_NLU
6	21128080	Nguyễn Thị Hoàn	Mỹ	09/05/2003	Nữ	2.95	Khá	2138 /2025/DHCQ_NLU
7	21128087	Nguyễn Phùng Kim	Ngân	23/04/2003	Nữ	2.86	Khá	2139 /2025/DHCQ_NLU
8	21128091	Đào Hồng	Ngọc	14/09/2003	Nữ	2.98	Khá	2141 /2025/DHCQ_NLU
9	21128092	Mai Thị	Ngọc	16/02/2003	Nữ	2.85	Khá	2140 /2025/DHCQ_NLU
10	21128113	Đặng Thị Mỹ	Phương	01/05/2003	Nữ	3.14	Khá	2146 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
11	21128114	Hà Lê Anh	Phương	12/02/2003	Nữ	2.88	Khá	2145 /2025/DHCQ_NLU
12	21128116	Nguyễn Ái Khánh	Phương	01/04/2003	Nữ	2.64	Khá	2144 /2025/DHCQ_NLU
13	21128132	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/01/2003	Nữ	2.77	Khá	2152 /2025/DHCQ_NLU
14	21128163	Nguyễn Võ Văn	Tuyên	19/02/2003	Nam	3.12	Khá	2150 /2025/DHCQ_NLU
15	21128181	Nguyễn Đỗ Tường	Vy	09/08/2003	Nữ	2.42	Trung bình	2159 /2025/DHCQ_NLU
16	21128183	Hoàng Như	Ý	03/01/2003	Nữ	3.07	Khá	2162 /2025/DHCQ_NLU
17	21128214	Trần Quốc	Bình	05/11/2003	Nam	2.97	Khá	2126 /2025/DHCQ_NLU
18	21128218	Thái Nguyễn Thành	Đạt	02/05/2003	Nam	3.02	Khá	2128 /2025/DHCQ_NLU
19	21128220	Lâm Phương	Du	18/08/2003	Nữ	2.56	Khá	2127 /2025/DHCQ_NLU
20	21128223	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	14/09/2003	Nữ	3.35	Giỏi	2129 /2025/DHCQ_NLU
21	21128226	Nguyễn Trung	Hiếu	05/05/2003	Nam	2.65	Khá	2132 /2025/DHCQ_NLU
22	21128237	Ngô Thị Trúc	Linh	29/07/2003	Nữ	3.02	Khá	2134 /2025/DHCQ_NLU
23	21128238	Trương Khánh	Linh	30/06/2003	Nữ	3.10	Khá	2135 /2025/DHCQ_NLU
24	21128240	Bùi Võ Nhật	Minh	12/11/2003	Nam	3.11	Khá	2136 /2025/DHCQ_NLU
25	21128248	Hoàng Thị Ái	Nhi	07/06/2003	Nữ	3.04	Khá	2142 /2025/DHCQ_NLU
26	21128252	Nguyễn Quỳnh	Như	01/07/2003	Nữ	3.12	Khá	2143 /2025/DHCQ_NLU
27	21128255	Lê Thị Hồng	Phượng	12/06/2003	Nữ	2.77	Khá	2147 /2025/DHCQ_NLU
28	21128256	Bùi Thị	Quý	02/08/2003	Nữ	3.20	Giỏi	2148 /2025/DHCQ_NLU
29	21128259	Đỗ Văn	Thái	03/10/2003	Nam	2.75	Khá	2151 /2025/DHCQ_NLU
30	21128261	Lê Thị Phương	Thảo	08/10/2003	Nữ	2.73	Khá	2153 /2025/DHCQ_NLU
31	21128263	Nguyễn Ngọc Yến	Thu	15/02/2003	Nữ	3.10	Khá	2154 /2025/DHCQ_NLU
32	21128265	Hồ Ngọc Anh	Thư	13/04/2003	Nữ	2.71	Khá	2156 /2025/DHCQ_NLU
33	21128266	Lý Thị Anh	Thư	04/11/2003	Nữ	2.61	Khá	2155 /2025/DHCQ_NLU
34	21128268	Trần Lương Khánh	Tiên	21/11/2003	Nữ	2.94	Khá	2149 /2025/DHCQ_NLU
35	21128269	Nguyễn Thị Thanh	Trang	22/07/2003	Nữ	2.43	Trung bình	2157 /2025/DHCQ_NLU
36	21128272	Huỳnh Thị Thảo	Vy	07/12/2003	Nữ	2.56	Khá	2158 /2025/DHCQ_NLU
37	21128273	Lê Vũ Hạ	Vy	04/06/2003	Nữ	3.43	Giỏi	2160 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
38	21128275	Huỳnh Thị Như Ý		07/07/2003	Nữ	3.12	Khá	2161 /2025/DHCQ_NLU
DH21SP								
1	21132041	Nguyễn Thị Thùy Linh		29/07/2003	Nữ	3.10	Khá	2163 /2025/DHCQ_NLU
2	21132063	Phạm Quang Trường		21/07/2003	Nam	2.94	Khá	2164 /2025/DHCQ_NLU
Phân hiệu Ninh Thuận								
CD22MNNT								
1	22374005	Dương Thị Hồng Di		17/03/2004	Nữ	6.67	Trung bình khá	2250 /2025/CDCQ_NLU
2	22374007	Hứa Thị Thu Hiền		15/08/2004	Nữ	6.83	Trung bình khá	2251 /2025/CDCQ_NLU
3	22374011	Dương Lê Ngọc Hoa		08/01/2004	Nữ	7.80	Khá	2252 /2025/CDCQ_NLU
4	22374015	Lưu Thị Kim Lan		17/11/2002	Nữ	7.68	Khá	2253 /2025/CDCQ_NLU
5	22374019	Nguyễn Thị Bích My		20/01/2003	Nữ	8.07	Khá	2254 /2025/CDCQ_NLU
6	22374021	Nguyễn Thị Yến Nhi		30/03/2002	Nữ	7.74	Khá	2255 /2025/CDCQ_NLU
7	22374031	Nguyễn Lê Bảo Trâm		19/10/2004	Nữ	6.45	Trung bình khá	2257 /2025/CDCQ_NLU
8	22374032	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		17/08/2004	Nữ	7.07	Khá	2256 /2025/CDCQ_NLU
9	22374033	Nguyễn Võ Mỹ Trân		05/06/2003	Nữ	7.90	Khá	2258 /2025/CDCQ_NLU
10	22374039	Dương Nữ Hoài Uyên		17/11/2004	Nữ	6.83	Trung bình khá	2259 /2025/CDCQ_NLU
11	22374042	Phạm Thị Yến		06/10/2001	Nữ	6.99	Trung bình khá	2260 /2025/CDCQ_NLU
Quản lý đất đai và Bất động sản								
DH14QLNT								
1	14124474	Mai Thị Xuân Thu		10/05/1996	Nữ	3.03	Khá	2262 /2025/DHCQ_NLU
2	14124587	Nguyễn Trọng Tấn		16/07/1995	Nam	2.50	Khá	2261 /2025/DHCQ_NLU
DH15QLA								
1	15124141	Huỳnh Thị Mỹ Linh		27/02/1997	Nữ	2.42	Trung bình	2263 /2025/DHCQ_NLU
DH17QL								
1	17124025	Võ Bình Dương		08/07/1999	Nam	2.20	Trung bình	2264 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19QL								
1	19124013	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	14/09/2001	Nữ	2.55	Khá	2265 /2025/DHCQ_NLU
DH20QD								
1	20124269	Trần Văn	Bảo	12/04/2002	Nam	2.64	Khá	2266 /2025/DHCQ_NLU
2	20124310	Hồ Sĩ	Hào	15/06/2002	Nam	2.38	Trung bình	2267 /2025/DHCQ_NLU
3	20124536	Trần Võ Thành	Trúc	29/04/2002	Nam	2.89	Khá	2268 /2025/DHCQ_NLU
4	20124539	Trần Minh	Trường	28/04/2002	Nam	2.90	Khá	2269 /2025/DHCQ_NLU
DH20QL								
1	20124012	Võ Thị Bé	Ba	17/02/2002	Nữ	2.59	Khá	2270 /2025/DHCQ_NLU
2	20124067	Nguyễn Quốc	Khang	28/11/2002	Nam	2.26	Trung bình	2275 /2025/DHCQ_NLU
3	20124151	Huỳnh Đại	Phú	26/11/2002	Nam	2.40	Trung bình	2282 /2025/DHCQ_NLU
4	20124167	Trần Như	Sang	30/05/2002	Nữ	2.60	Khá	2284 /2025/DHCQ_NLU
5	20124268	Lê Nguyễn Gia	Bảo	26/03/2002	Nam	2.64	Khá	2271 /2025/DHCQ_NLU
6	20124275	Đỗ Chí	Công	22/02/2002	Nam	2.51	Khá	2272 /2025/DHCQ_NLU
7	20124294	Bùi Đặng Hương	Giang	10/05/2002	Nữ	2.82	Khá	2273 /2025/DHCQ_NLU
8	20124326	Châu Gia	Hưng	29/04/2002	Nam	2.71	Khá	2274 /2025/DHCQ_NLU
9	20124400	Võ Minh	Nghĩa	26/09/2002	Nam	2.60	Khá	2276 /2025/DHCQ_NLU
10	20124414	Phan Thị Phương	Nguyên	05/08/2002	Nữ	2.56	Khá	2277 /2025/DHCQ_NLU
11	20124416	Nguyễn Thị	Nguyệt	25/08/2002	Nữ	2.66	Khá	2278 /2025/DHCQ_NLU
12	20124432	Mai Huỳnh Tổ	Như	06/10/2002	Nữ	2.50	Khá	2279 /2025/DHCQ_NLU
13	20124438	Võ Thị Kiều	Oanh	08/09/2002	Nữ	2.66	Khá	2280 /2025/DHCQ_NLU
14	20124441	Triệu Trường	Phi	19/04/2002	Nam	2.52	Khá	2281 /2025/DHCQ_NLU
15	20124446	Đinh Văn	Phúc	09/12/2002	Nam	2.42	Trung bình	2283 /2025/DHCQ_NLU
16	20124492	Nguyễn Thị Minh	Thư	16/09/2002	Nữ	2.59	Khá	2286 /2025/DHCQ_NLU
17	20124500	Trần Thị Thu	Thùy	05/12/2002	Nữ	2.56	Khá	2285 /2025/DHCQ_NLU
18	20124515	Võ Dương Minh	Trâm	12/10/2002	Nữ	2.65	Khá	2287 /2025/DHCQ_NLU
19	20124565	Lê Thị Hoàng	Yến	08/04/2002	Nữ	2.69	Khá	2288 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20TB								
1	20130464	Lê Hoàng	Việt	15/03/2002	Nam	3.08	Khá	2292 /2025/DHCQ_NLU
2	20135080	Phạm Thị Hồng	My	07/05/2002	Nữ	3.08	Khá	2289 /2025/DHCQ_NLU
3	20135100	Lê Minh	Thuận	03/10/2002	Nam	2.66	Khá	2290 /2025/DHCQ_NLU
4	20135111	Đỗ Hữu	Trọng	25/04/2002	Nam	3.05	Khá	2291 /2025/DHCQ_NLU
DH21DC								
1	21124348	Võ Sơn	Hào	11/10/2003	Nam	3.52	Giỏi	2293 /2025/DHCQ_NLU
DH21QD								
1	21124044	Lưu Ngọc	Duyên	07/11/2003	Nữ	2.92	Khá	2295 /2025/DHCQ_NLU
2	21124141	Trần Thắm Bảo	Ngọc	27/02/2003	Nữ	2.65	Khá	2300 /2025/DHCQ_NLU
3	21124239	Phạm Lê Xuân	Trúc	24/01/2003	Nữ	2.85	Khá	2302 /2025/DHCQ_NLU
4	21124321	Trần Thị Phương	Dung	07/06/2003	Nữ	3.40	Giỏi	2294 /2025/DHCQ_NLU
5	21124328	Lâm Thị Hồng	Duyên	23/12/2003	Nữ	3.44	Giỏi	2296 /2025/DHCQ_NLU
6	21124334	Lê Thị Hoàng	Hà	16/06/2003	Nữ	2.92	Khá	2297 /2025/DHCQ_NLU
7	21124346	Huỳnh Lê Minh	Hạnh	20/04/2003	Nữ	2.87	Khá	2298 /2025/DHCQ_NLU
8	21124367	Hồ Quang	Huy	17/09/2003	Nam	2.95	Khá	2299 /2025/DHCQ_NLU
9	21124458	Bùi Thị Mai	Phương	09/08/2003	Nữ	3.13	Khá	2301 /2025/DHCQ_NLU
DH21QL								
1	21124006	Lê Thuý	Anh	27/02/2003	Nữ	2.88	Khá	2303 /2025/DHCQ_NLU
2	21124008	Nguyễn Ngọc	Anh	25/06/2003	Nữ	2.56	Khá	2304 /2025/DHCQ_NLU
3	21124023	Nguyễn Đại Huy	Cường	22/07/2003	Nam	3.15	Khá	2307 /2025/DHCQ_NLU
4	21124028	Mã Tuấn	Đạt	23/12/2003	Nam	2.89	Khá	2310 /2025/DHCQ_NLU
5	21124082	Lương Tuấn	Huy	01/10/2003	Nam	3.27	Giỏi	2319 /2025/DHCQ_NLU
6	21124083	Mai Hoàng Gia	Huy	21/05/2003	Nam	2.68	Khá	2318 /2025/DHCQ_NLU
7	21124101	Trần Thị Thảo	Khuyên	09/06/2003	Nữ	2.81	Khá	2323 /2025/DHCQ_NLU
8	21124102	Phạm Lê Trung	Kiên	22/08/2003	Nam	2.98	Khá	2320 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
9	21124112	Phạm Nguyễn Mỹ	Liên	23/07/2003	Nữ	2.79	Khá	2325 /2025/DHCQ_NLU
10	21124114	Nguyễn Thị Thúy	Liều	22/12/2003	Nữ	2.91	Khá	2326 /2025/DHCQ_NLU
11	21124120	Nguyễn Thị Trúc	Linh	17/12/2003	Nữ	2.71	Khá	2327 /2025/DHCQ_NLU
12	21124124	Lê Hoàng	Linh	10/11/2003	Nam	2.80	Khá	2328 /2025/DHCQ_NLU
13	21124151	Huỳnh Thành	Nhân	30/09/2003	Nam	2.99	Khá	2334 /2025/DHCQ_NLU
14	21124166	Trần Thị Quỳnh	Như	15/09/2003	Nữ	2.81	Khá	2339 /2025/DHCQ_NLU
15	21124177	Nguyễn Lương	Quân	23/10/2003	Nam	2.98	Khá	2341 /2025/DHCQ_NLU
16	21124199	Nguyễn Mai	Thảo	16/10/2003	Nữ	2.94	Khá	2348 /2025/DHCQ_NLU
17	21124215	Trần Thị Quí	Tiên	28/08/2003	Nữ	2.92	Khá	2343 /2025/DHCQ_NLU
18	21124227	Ngô Thị Quế	Trân	29/12/2003	Nữ	2.93	Khá	2356 /2025/DHCQ_NLU
19	21124240	Trần Thị Xuân	Trúc	04/10/2003	Nữ	2.81	Khá	2358 /2025/DHCQ_NLU
20	21124244	Hồ Thị Cẩm	Tú	13/02/2003	Nữ	2.62	Khá	2345 /2025/DHCQ_NLU
21	21124248	Nguyễn Trọng	Tuấn	27/05/2003	Nam	2.65	Khá	2346 /2025/DHCQ_NLU
22	21124265	Phan Thị Hồng	Vy	02/02/2003	Nữ	2.58	Khá	2360 /2025/DHCQ_NLU
23	21124274	Trương Tiểu	Yến	15/06/2003	Nữ	3.27	Giỏi	2364 /2025/DHCQ_NLU
24	21124291	Lê Hoàng	Anh	21/10/2003	Nam	3.24	Giỏi	2305 /2025/DHCQ_NLU
25	21124295	Phạm Lê Duy	Anh	21/10/2003	Nam	2.90	Khá	2306 /2025/DHCQ_NLU
26	21124309	Phan Quốc	Chí	11/05/2003	Nam	2.60	Khá	2308 /2025/DHCQ_NLU
27	21124314	Phan Xuân	Danh	01/01/2003	Nam	2.66	Khá	2309 /2025/DHCQ_NLU
28	21124317	Mai Hoàng Văn	Đạt	23/06/2003	Nam	2.76	Khá	2311 /2025/DHCQ_NLU
29	21124342	Ôn Gia	Hân	27/11/2003	Nữ	2.66	Khá	2313 /2025/DHCQ_NLU
30	21124345	Phạm Thị Kim	Hằng	25/10/2003	Nữ	3.13	Khá	2312 /2025/DHCQ_NLU
31	21124349	Võ Trung	Hậu	16/03/2003	Nam	2.80	Khá	2314 /2025/DHCQ_NLU
32	21124353	Bùi Thị Thanh	Hiếu	10/09/2003	Nữ	3.36	Giỏi	2315 /2025/DHCQ_NLU
33	21124359	Nguyễn Huy	Hoàng	04/03/2003	Nam	2.97	Khá	2316 /2025/DHCQ_NLU
34	21124373	Trần Thanh	Huy	11/02/2003	Nam	2.72	Khá	2317 /2025/DHCQ_NLU
35	21124378	Lê Nguyên	Khải	22/07/2003	Nam	2.79	Khá	2321 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
36	21124381	Nguyễn Quốc	Khánh	03/09/2003	Nam	3.08	Khá	2322 /2025/DHCQ_NLU
37	21124390	Bùi Thanh	Lâm	19/03/2003	Nam	3.01	Khá	2324 /2025/DHCQ_NLU
38	21124418	Nguyễn Phương Trà	My	12/04/2003	Nữ	2.83	Khá	2329 /2025/DHCQ_NLU
39	21124423	Dương Kim	Ngân	16/10/2003	Nữ	3.05	Khá	2330 /2025/DHCQ_NLU
40	21124427	Trần Thị Thu	Ngân	18/06/2003	Nữ	3.40	Giỏi	2331 /2025/DHCQ_NLU
41	21124431	Trương Bảo	Ngọc	26/11/2003	Nữ	2.90	Khá	2332 /2025/DHCQ_NLU
42	21124432	Trương Yến	Ngọc	03/11/2003	Nữ	3.00	Khá	2333 /2025/DHCQ_NLU
43	21124435	Chí Trần Trọng	Nhân	28/10/2003	Nam	2.83	Khá	2336 /2025/DHCQ_NLU
44	21124438	Nguyễn Hoài	Nhân	06/05/2003	Nam	2.64	Khá	2335 /2025/DHCQ_NLU
45	21124441	Cao Ngọc Yến	Nhi	23/01/2003	Nữ	2.87	Khá	2337 /2025/DHCQ_NLU
46	21124449	Trần Thị Tuyết	Như	05/03/2003	Nữ	3.18	Khá	2338 /2025/DHCQ_NLU
47	21124454	Nguyễn Tiến	Phát	14/05/2003	Nam	3.03	Khá	2340 /2025/DHCQ_NLU
48	21124469	Lạc Ngọc	Quý	19/12/2003	Nữ	3.01	Khá	2342 /2025/DHCQ_NLU
49	21124490	Hoàng Thị	Thảo	26/04/2003	Nữ	2.91	Khá	2347 /2025/DHCQ_NLU
50	21124499	Nguyễn Đình	Thoa	07/08/2003	Nữ	3.04	Khá	2349 /2025/DHCQ_NLU
51	21124503	Nguyễn Thị Anh	Thư	10/01/2003	Nữ	2.88	Khá	2351 /2025/DHCQ_NLU
52	21124505	Trần Minh	Thư	29/09/2003	Nữ	2.99	Khá	2350 /2025/DHCQ_NLU
53	21124517	Trương Đức Vạn	Toàn	28/12/2003	Nữ	3.13	Khá	2344 /2025/DHCQ_NLU
54	21124519	Đặng Ngọc Bích	Trâm	05/06/2003	Nữ	3.14	Khá	2354 /2025/DHCQ_NLU
55	21124525	Phan Võ Bảo	Trân	06/02/2003	Nữ	2.94	Khá	2355 /2025/DHCQ_NLU
56	21124528	Nguyễn Thị Kim	Trang	18/04/2003	Nữ	2.72	Khá	2353 /2025/DHCQ_NLU
57	21124529	Trương Thị Thùy	Trang	13/05/2003	Nữ	2.82	Khá	2352 /2025/DHCQ_NLU
58	21124530	Hồ Ngô Huệ	Trình	03/01/2003	Nữ	3.07	Khá	2357 /2025/DHCQ_NLU
59	21124545	Bùi Ngọc Hoàng	Vân	21/02/2003	Nữ	3.02	Khá	2359 /2025/DHCQ_NLU
60	21124551	Hoàng Thúy	Vy	03/03/2003	Nữ	3.15	Khá	2361 /2025/DHCQ_NLU
61	21124557	Phạm Thị	Xưa	14/01/2003	Nữ	3.27	Giỏi	2363 /2025/DHCQ_NLU
62	21124558	Võ Thị Kim	Xuyến	15/02/2003	Nữ	3.16	Khá	2362 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21QLNT								
1	21124278	Lê Ngọc	Yến	19/11/2003	Nữ	2.89	Khá	2365 /2025/DHCQ_NLU
DH21TB								
1	21135014	Hồ Trương	Biển	18/12/2003	Nam	2.80	Khá	2367 /2025/DHCQ_NLU
2	21135098	Cao Hiếu	Nghĩa	04/06/2003	Nam	2.77	Khá	2380 /2025/DHCQ_NLU
3	21135131	Nguyễn Thị Khánh	Ny	21/11/2003	Nữ	3.20	Giỏi	2377 /2025/DHCQ_NLU
4	21135196	Phạm Mai	Trang	27/08/2003	Nữ	2.95	Khá	2389 /2025/DHCQ_NLU
5	21135226	Nguyễn Hoàng Mỹ	Vy	26/03/2003	Nữ	2.80	Khá	2393 /2025/DHCQ_NLU
6	21135237	Dương Thị Thanh	Nga	09/02/2003	Nữ	2.72	Khá	2378 /2025/DHCQ_NLU
7	21135243	Nguyễn Quốc	Anh	28/09/2003	Nam	3.38	Giỏi	2366 /2025/DHCQ_NLU
8	21135256	Nguyễn Thị Hồng	Đào	29/05/2002	Nữ	3.50	Giỏi	2369 /2025/DHCQ_NLU
9	21135258	Cao Thị Hồng	Diệu	22/11/2003	Nữ	3.08	Khá	2368 /2025/DHCQ_NLU
10	21135269	Trần Ngọc Bảo	Hân	02/11/2003	Nữ	3.36	Giỏi	2371 /2025/DHCQ_NLU
11	21135272	Nguyễn Trần Anh	Hào	02/02/2003	Nam	2.92	Khá	2370 /2025/DHCQ_NLU
12	21135284	Phạm Như	Huỳnh	26/07/2003	Nữ	3.28	Giỏi	2372 /2025/DHCQ_NLU
13	21135289	Đinh Nguyễn Hoàng	Khuyên	13/02/2003	Nữ	3.13	Khá	2373 /2025/DHCQ_NLU
14	21135293	Bùi Thị	Lành	18/02/2003	Nữ	3.10	Khá	2374 /2025/DHCQ_NLU
15	21135304	Phạm Thị Ngọc	Luyến	13/07/2003	Nữ	3.36	Giỏi	2375 /2025/DHCQ_NLU
16	21135309	Trần Yến	My	29/04/2003	Nữ	3.47	Giỏi	2376 /2025/DHCQ_NLU
17	21135314	Trần Nguyễn Phương	Ngân	18/02/2003	Nữ	3.51	Giỏi	2379 /2025/DHCQ_NLU
18	21135316	Đặng Thị Hồng	Ngọc	10/10/2003	Nữ	3.06	Khá	2381 /2025/DHCQ_NLU
19	21135321	Trần Thị Thanh	Nhã	18/08/2003	Nữ	3.44	Giỏi	2382 /2025/DHCQ_NLU
20	21135323	Lê Quế	Nhi	25/08/2003	Nữ	2.78	Khá	2383 /2025/DHCQ_NLU
21	21135344	Trương Nhật	Quỳnh	16/04/2003	Nữ	2.89	Khá	2384 /2025/DHCQ_NLU
22	21135348	Nguyễn Thị Thu	Sang	25/07/2003	Nữ	2.76	Khá	2385 /2025/DHCQ_NLU
23	21135382	Nguyễn Thị Việt	Tú	05/11/2003	Nữ	3.16	Khá	2387 /2025/DHCQ_NLU
24	21135383	Phùng Thị Cẩm	Tú	02/05/2003	Nữ	3.07	Khá	2386 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
25	21135385	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	19/09/2003	Nữ	3.34	Giỏi	2388 /2025/DHCQ_NLU
26	21135386	Phạm Lê Phương	Uyên	01/04/2003	Nữ	3.25	Giỏi	2390 /2025/DHCQ_NLU
27	21135388	Phan Thị Tường	Vi	25/02/2003	Nữ	2.91	Khá	2391 /2025/DHCQ_NLU
28	21135390	Nguyễn Phước Thiên	Vũ	02/12/2003	Nam	2.80	Khá	2392 /2025/DHCQ_NLU
29	21135391	Bùi Bảo	Vy	14/09/2003	Nữ	2.83	Khá	2394 /2025/DHCQ_NLU
LT18QL								
1	18424003	Nguyễn Thị Kim	Đan	05/01/1995	Nữ	2.42	Trung bình	2395 /2025/DHCQ_NLU
Khoa học sinh học								
DH18SHD								
1	18126157	Nguyễn Bá	Thi	24/05/2000	Nữ	2.73	Khá	2396 /2025/DHCQ_NLU
2	18126189	Trần Thị Thanh	Trang	11/10/2000	Nữ	2.99	Khá	2397 /2025/DHCQ_NLU
DH18SM								
1	18126173	Nguyễn Thị Bích	Thủy	19/09/2000	Nữ	3.11	Khá	2398 /2025/DHCQ_NLU
DH19SHB								
1	19126065	Nguyễn Tấn	Huy	18/08/2001	Nam	2.93	Khá	2399 /2025/DHCQ_NLU
2	19126079	Ngô Tuấn	Kiệt	06/03/2001	Nam	2.95	Khá	2400 /2025/DHCQ_NLU
3	19126109	Nguyễn Ngọc Tú	Ngân	09/05/2001	Nữ	2.81	Khá	2401 /2025/DHCQ_NLU
DH19SHC								
1	19126260	Lê Hoàng Minh	Tiến	07/05/2001	Nam	2.61	Khá	2402 /2025/DHCQ_NLU
DH19SHD								
1	19126112	Nguyễn Tấn	Nghiệp	02/08/2001	Nam	3.19	Khá	2403 /2025/DHCQ_NLU
2	19126120	Nguyễn Hồ Ý	Nhi	26/08/2001	Nữ	3.41	Giỏi	2404 /2025/DHCQ_NLU
DH19SM								
1	19126064	Nguyễn Quang	Huy	31/05/2000	Nam	2.94	Khá	2405 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20SHA								
1	20126006	Nguyễn Thị Hồng	Diệu	09/04/2002	Nữ	3.29	Giỏi	2406 /2025/DHCQ_NLU
2	20126167	Thị Minh	Thư	29/01/2001	Nữ	2.62	Khá	2410 /2025/DHCQ_NLU
3	20126262	Lê Mỹ	Huyền	21/07/2002	Nữ	3.01	Khá	2407 /2025/DHCQ_NLU
4	20126350	Vũ Thị Mỹ	Tâm	04/05/2002	Nữ	3.22	Giỏi	2408 /2025/DHCQ_NLU
5	20126377	Đào Thị Thủy	Tiên	18/10/2002	Nữ	3.12	Khá	2409 /2025/DHCQ_NLU
6	20126390	Đỗ Kiều	Trình	15/05/2002	Nữ	2.64	Khá	2411 /2025/DHCQ_NLU
7	20126393	Phạm Phương	Trình	05/07/2002	Nữ	3.13	Khá	2412 /2025/DHCQ_NLU
DH20SHB								
1	19126001	Lê Thế	An	14/09/2001	Nam	3.24	Giỏi	2413 /2025/DHCQ_NLU
2	20126182	Nguyễn Thị Vân	Anh	26/09/2002	Nữ	2.94	Khá	2414 /2025/DHCQ_NLU
3	20126188	Đặng Nhật	Bằng	24/09/2002	Nam	2.88	Khá	2415 /2025/DHCQ_NLU
4	20126232	Nguyễn Quỳnh	Giang	05/10/2002	Nữ	2.88	Khá	2416 /2025/DHCQ_NLU
5	20126283	Trần Thị Thanh	Lịch	07/08/2002	Nữ	2.71	Khá	2417 /2025/DHCQ_NLU
6	20126286	Ngô Khánh	Linh	15/07/2002	Nữ	3.27	Giỏi	2418 /2025/DHCQ_NLU
7	20126337	Trần Phi	Phổ	23/08/2002	Nam	3.08	Khá	2419 /2025/DHCQ_NLU
8	20126348	Huỳnh Công	Tâm	13/05/2002	Nam	2.59	Khá	2420 /2025/DHCQ_NLU
DH20SHC								
1	20126165	Nguyễn Xuân Quỳnh	Như	07/12/2002	Nữ	3.01	Khá	2421 /2025/DHCQ_NLU
DH20SHD								
1	20126105	Nguyễn Hoàng Anh	Tiến	07/10/2002	Nam	2.78	Khá	2429 /2025/DHCQ_NLU
2	20126168	Lê Thị Thanh	Thùy	25/04/2001	Nữ	2.80	Khá	2432 /2025/DHCQ_NLU
3	20126233	Nguyễn Xuân Hoài	Giang	31/10/2002	Nữ	3.11	Khá	2422 /2025/DHCQ_NLU
4	20126243	Trần Phước	Hên	14/05/2002	Nam	2.85	Khá	2423 /2025/DHCQ_NLU
5	20126250	Huỳnh Ngọc Kim	Hoàng	21/03/2002	Nữ	3.24	Giỏi	2424 /2025/DHCQ_NLU
6	20126256	Đoàn Gia	Huy	23/09/2002	Nam	2.90	Khá	2425 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
7	20126293	Lê Quang	Linh	30/03/2002	Nam	2.83	Khá	2426 /2025/DHCQ_NLU
8	20126335	Voòng Thế	Phát	03/02/2002	Nam	3.16	Khá	2427 /2025/DHCQ_NLU
9	20126344	Phạm Thị Thúy	Quyên	15/02/2002	Nữ	3.05	Khá	2428 /2025/DHCQ_NLU
10	20126355	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	17/01/2002	Nữ	3.00	Khá	2430 /2025/DHCQ_NLU
11	20126374	Trương Nguyễn Phương	Thùy	15/06/2002	Nữ	3.00	Khá	2431 /2025/DHCQ_NLU
12	20126388	K'	Trăng	16/01/2001	Nữ	3.16	Khá	2433 /2025/DHCQ_NLU
13	20126411	Vũ Hoàng	Việt	20/08/2002	Nam	3.64	Xuất sắc	2434 /2025/DHCQ_NLU
DH20SM								
1	20126217	Lê Thanh	Đĩnh	26/07/2002	Nam	3.28	Giỏi	2436 /2025/DHCQ_NLU
2	20126225	Tăng Trương Khánh	Duy	18/06/2002	Nam	3.07	Khá	2435 /2025/DHCQ_NLU
3	20126240	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	02/11/2002	Nữ	3.07	Khá	2438 /2025/DHCQ_NLU
4	20126242	Phan Thị Mỹ	Hạnh	07/01/2002	Nữ	3.28	Giỏi	2437 /2025/DHCQ_NLU
5	20126354	Lê Duy	Thanh	15/01/2002	Nam	3.08	Khá	2440 /2025/DHCQ_NLU
6	20126404	Nguyễn Hữu	Tuyên	22/11/2002	Nam	3.51	Giỏi	2439 /2025/DHCQ_NLU
DH21SHA								
1	21126057	Phan Trung	Hậu	04/05/2003	Nam	3.25	Giỏi	2442 /2025/DHCQ_NLU
2	21126148	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	23/05/2003	Nữ	3.60	Xuất sắc	2448 /2025/DHCQ_NLU
3	21126230	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	02/09/2003	Nữ	3.25	Giỏi	2450 /2025/DHCQ_NLU
4	21126295	Nguyễn Hùng	Cường	04/11/2003	Nam	3.25	Giỏi	2441 /2025/DHCQ_NLU
5	21126390	Lê Thị Trúc	Linh	02/11/2003	Nữ	3.36	Giỏi	2443 /2025/DHCQ_NLU
6	21126428	Dương Phạm Phương	Nguyễn	06/07/2003	Nữ	3.51	Giỏi	2444 /2025/DHCQ_NLU
7	21126435	Tạ Thanh	Nhân	08/07/2003	Nam	3.44	Giỏi	2445 /2025/DHCQ_NLU
8	21126441	Nguyễn Lương Thảo	Nhi	22/11/2003	Nữ	3.25	Giỏi	2446 /2025/DHCQ_NLU
9	21126443	Nguyễn Phương Lan	Nhi	23/10/2003	Nữ	3.11	Khá	2447 /2025/DHCQ_NLU
10	21126458	Nguyễn Hồng Phương	Oanh	11/02/2003	Nữ	3.35	Giỏi	2449 /2025/DHCQ_NLU
11	21126567	Huỳnh Thị Kim	Tuyền	03/02/2003	Nữ	3.43	Giỏi	2451 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21SHB								
1	21126009	Nguyễn Lan	Anh	21/02/2003	Nữ	3.13	Khá	2453 /2025/DHCQ_NLU
2	21126014	Nguyễn Thị Lan	Anh	24/11/2003	Nữ	3.00	Khá	2452 /2025/DHCQ_NLU
3	21126037	Huỳnh Ngọc Thuỳ	Dương	06/07/2003	Nữ	3.33	Giỏi	2454 /2025/DHCQ_NLU
4	21126162	Lê Hoàng	Phúc	16/04/2003	Nam	3.37	Giỏi	2457 /2025/DHCQ_NLU
5	21126305	Nguyễn Minh	Đức	23/10/2003	Nam	3.58	Giỏi	2455 /2025/DHCQ_NLU
6	21126413	Dương Võ Phương	Ngân	14/06/2003	Nữ	3.26	Giỏi	2456 /2025/DHCQ_NLU
7	21126482	Đặng Thị Bảo	Quyên	25/06/2003	Nữ	3.33	Giỏi	2458 /2025/DHCQ_NLU
8	21126548	Nguyễn Thị Bảo	Trần	21/04/2003	Nữ	3.14	Khá	2460 /2025/DHCQ_NLU
9	21126549	Bùi Thùy	Trang	04/09/2003	Nữ	3.29	Giỏi	2459 /2025/DHCQ_NLU
10	21126562	Phạm Nhật	Trường	23/03/2003	Nam	3.02	Khá	2461 /2025/DHCQ_NLU
11	21126592	Quách Như	Ý	10/10/2003	Nữ	3.38	Giỏi	2462 /2025/DHCQ_NLU
DH21SHC								
1	21126584	Nguyễn Lê Xuân	Vy	06/03/2003	Nữ	2.85	Khá	2463 /2025/DHCQ_NLU
DH21SHD								
1	21126060	Nguyễn Ngọc	Hiếu	26/04/2003	Nữ	3.21	Giỏi	2468 /2025/DHCQ_NLU
2	21126063	Trương Lệ	Hoài	17/04/2003	Nữ	3.40	Giỏi	2469 /2025/DHCQ_NLU
3	21126190	Đỗ Tấn	Thành	10/04/2003	Nam	3.35	Giỏi	2471 /2025/DHCQ_NLU
4	21126265	Huỳnh Tấn	An	12/05/2003	Nam	3.07	Khá	2464 /2025/DHCQ_NLU
5	21126288	Trần Ngọc Bảo	Châu	29/08/2003	Nữ	3.39	Giỏi	2465 /2025/DHCQ_NLU
6	21126298	Võ Thị Bích	Đào	10/01/2003	Nữ	3.31	Giỏi	2466 /2025/DHCQ_NLU
7	21126321	Trần Thị Thu	Hà	12/06/2003	Nữ	3.12	Khá	2467 /2025/DHCQ_NLU
8	21126391	Nguyễn Nhã	Linh	21/11/2003	Nữ	3.30	Giỏi	2470 /2025/DHCQ_NLU
9	21126520	Nguyễn Hồ Minh	Thư	02/07/2003	Nữ	3.45	Giỏi	2472 /2025/DHCQ_NLU
10	21126580	Lê Duy	Vũ	07/02/2003	Nam	3.48	Giỏi	2473 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21SM								
1	21126327	Trần Ngọc	Hân	08/03/2003	Nữ	3.00	Khá	2474 /2025/DHCQ_NLU
2	21126364	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	19/09/2003	Nữ	3.56	Giỏi	2475 /2025/DHCQ_NLU
3	21126415	Ngô Thị Thu	Ngân	05/10/2003	Nữ	3.75	Xuất sắc	2476 /2025/DHCQ_NLU
4	21126502	Đỗ Xuân	Thảo	22/10/2003	Nữ	3.01	Khá	2477 /2025/DHCQ_NLU
5	21126541	Nguyễn Ngọc Minh	Trâm	04/03/2003	Nữ	3.00	Khá	2478 /2025/DHCQ_NLU
Công nghệ thông tin								
DH17DTA								
1	17130025	Trần Quang	Diễm	10/06/1999	Nam	2.75	Khá	2802 /2025/DHCQ_NLU
2	17130119	Ngô Nhật	Ly	20/10/1999	Nữ	2.48	Trung bình	2803 /2025/DHCQ_NLU
DH17DTC								
1	17130198	Bùi Văn	Tài	17/05/1999	Nam	2.38	Trung bình	2804 /2025/DHCQ_NLU
DH18DTA								
1	18130184	Hoàng Quang	Phường	13/03/2000	Nam	2.52	Khá	2805 /2025/DHCQ_NLU
2	18130232	Huỳnh Chí	Thuần	17/11/2000	Nam	2.62	Khá	2807 /2025/DHCQ_NLU
3	18130272	Ninh Anh	Tuấn	19/08/2000	Nam	2.36	Trung bình	2806 /2025/DHCQ_NLU
DH18DTB								
1	18130086	Phạm Đình	Học	25/09/2000	Nam	2.13	Trung bình	2808 /2025/DHCQ_NLU
DH19DTA								
1	19130089	Nguyễn Trịnh Khánh	Huy	23/09/2001	Nam	2.24	Trung bình	2809 /2025/DHCQ_NLU
2	19130241	Trần Ngọc Bảo	Trân	30/01/2001	Nữ	2.08	Trung bình	2810 /2025/DHCQ_NLU
DH19DTB								
1	19130155	Trần Tú	Nguyệt	10/05/2001	Nữ	2.02	Trung bình	2811 /2025/DHCQ_NLU
DH19DTC								
1	19130007	Đieu Đình Huy	Anh	18/09/2001	Nam	2.09	Trung bình	2812 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	19130077	Hồ Như	Hoan	13/05/2001	Nam	2.52	Khá	2813 /2025/DHCQ_NLU
3	19130083	Lê Võ Khánh	Hưng	23/07/2001	Nam	2.50	Khá	2814 /2025/DHCQ_NLU
4	19130095	Châu Vĩ	Khang	19/07/2001	Nam	2.20	Trung bình	2815 /2025/DHCQ_NLU
DH20DTA								
1	20130118	Đỗ Chí	Thành	10/10/2002	Nam	2.56	Khá	2823 /2025/DHCQ_NLU
2	20130120	Nguyễn Ngọc Mai	Thi	22/11/2002	Nữ	2.16	Trung bình	2824 /2025/DHCQ_NLU
3	20130181	Phan Trường	Thịnh	19/10/2002	Nam	2.59	Khá	2825 /2025/DHCQ_NLU
4	20130224	Nguyễn Hữu	Đạt	19/12/2002	Nam	2.27	Trung bình	2817 /2025/DHCQ_NLU
5	20130226	Võ Minh	Đạt	09/01/2002	Nam	2.15	Trung bình	2818 /2025/DHCQ_NLU
6	20130238	Hoàng Nhựt	Duy	03/04/2002	Nam	2.40	Trung bình	2816 /2025/DHCQ_NLU
7	20130334	Lê Thành	Nghĩa	02/05/2002	Nam	2.22	Trung bình	2819 /2025/DHCQ_NLU
8	20130348	Trương Đoàn	Nhất	29/03/2002	Nam	2.24	Trung bình	2820 /2025/DHCQ_NLU
9	20130369	Lê Hữu	Phước	06/02/2002	Nam	2.38	Trung bình	2821 /2025/DHCQ_NLU
10	20130452	Nguyễn Xuân Thành	Trung	04/02/2002	Nam	2.14	Trung bình	2826 /2025/DHCQ_NLU
11	20130457	Trần Quốc	Tuấn	29/03/2002	Nam	2.07	Trung bình	2822 /2025/DHCQ_NLU
12	20130462	Lê Khánh	Văn	06/08/2002	Nam	2.37	Trung bình	2827 /2025/DHCQ_NLU
DH20DTB								
1	20130005	Phạm Gia	Bảo	09/08/2002	Nam	2.97	Khá	2828 /2025/DHCQ_NLU
2	20130090	Huỳnh Khắc	Nhuận	14/10/2002	Nam	2.54	Khá	2830 /2025/DHCQ_NLU
3	20130336	Lương Nhật Hồng	Ngọc	27/12/2002	Nữ	2.07	Trung bình	2829 /2025/DHCQ_NLU
4	20130410	Phạm Nguyễn Đức	Thiện	07/12/2001	Nam	2.55	Khá	2831 /2025/DHCQ_NLU
5	20130416	Doãn Việt	Thông	20/10/2002	Nam	3.12	Khá	2832 /2025/DHCQ_NLU
6	20130421	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	12/08/2002	Nữ	2.02	Trung bình	2833 /2025/DHCQ_NLU
DH20DTC								
1	20130166	Nguyễn Hoàng	Hải	05/11/2002	Nam	2.83	Khá	2834 /2025/DHCQ_NLU
2	20130255	Nguyễn Thị	Hậu	03/10/2002	Nữ	2.46	Trung bình	2835 /2025/DHCQ_NLU
3	20130374	Phan Triệu	Quân	12/04/2002	Nam	2.17	Trung bình	2836 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
4	20130377	Trần Tỳ Phú	Quý	19/05/2002	Nam	2.49	Trung bình	2837 /2025/DHCQ_NLU
5	20130444	Huỳnh Ngọc	Trần	01/09/2002	Nam	2.07	Trung bình	2839 /2025/DHCQ_NLU
6	20130459	Trần Minh	Tuyên	09/08/2002	Nam	2.92	Khá	2838 /2025/DHCQ_NLU
DH21DTA								
1	21130010	Bùi Minh	Chiến	09/08/2003	Nam	2.41	Trung bình	2844 /2025/DHCQ_NLU
2	21130014	Đoàn Quốc	Đăng	31/10/2003	Nam	2.93	Khá	2847 /2025/DHCQ_NLU
3	21130022	Phạm Lê	Đạt	22/02/2003	Nam	2.96	Khá	2846 /2025/DHCQ_NLU
4	21130035	Nguyễn Ngọc Khánh	Duy	15/10/2003	Nam	3.37	Giỏi	2845 /2025/DHCQ_NLU
5	21130047	Võ Nam Ngân	Hà	06/11/2003	Nam	3.11	Khá	2848 /2025/DHCQ_NLU
6	21130091	Đoàn Nhất	Linh	19/07/2003	Nam	2.90	Khá	2849 /2025/DHCQ_NLU
7	21130149	Huỳnh Thị Mai	Phương	13/03/2003	Nữ	3.07	Khá	2850 /2025/DHCQ_NLU
8	21130168	Võ Vũ Minh	Tâm	15/09/2003	Nam	2.83	Khá	2851 /2025/DHCQ_NLU
9	21130171	Đặng Minh	Tấn	25/06/2003	Nam	3.79	Xuất sắc	2852 /2025/DHCQ_NLU
10	21130187	Đỗ Công	Thịnh	12/11/2003	Nam	3.33	Giỏi	2855 /2025/DHCQ_NLU
11	21130202	Nguyễn Hữu	Tính	24/12/2003	Nam	3.00	Khá	2853 /2025/DHCQ_NLU
12	21130207	Nguyễn Việt	Toàn	13/12/2003	Nam	2.68	Khá	2854 /2025/DHCQ_NLU
13	21130268	Thái Tường	An	07/07/2003	Nữ	2.88	Khá	2840 /2025/DHCQ_NLU
14	21130273	Nguyễn Kim	Anh	20/01/2003	Nữ	2.15	Trung bình	2841 /2025/DHCQ_NLU
15	21130279	Trần Quý	Bằng	23/09/2003	Nam	3.65	Xuất sắc	2842 /2025/DHCQ_NLU
16	21130287	An Thái	Bình	06/07/2003	Nam	3.70	Xuất sắc	2843 /2025/DHCQ_NLU
DH21DTB								
1	21130292	Phan Thanh	Bình	16/12/2003	Nam	2.65	Khá	2856 /2025/DHCQ_NLU
2	21130309	Lê Ngọc Thanh	Đào	24/09/2003	Nữ	2.44	Trung bình	2861 /2025/DHCQ_NLU
3	21130314	Trần Ngọc Tấn	Đạt	12/12/2003	Nam	2.40	Trung bình	2862 /2025/DHCQ_NLU
4	21130315	Lê Thị Ngọc	Diệp	08/03/2003	Nữ	2.42	Trung bình	2857 /2025/DHCQ_NLU
5	21130318	Nguyễn Duy	Đông	08/06/2003	Nam	3.12	Khá	2863 /2025/DHCQ_NLU
6	21130320	Lê Anh	Đức	15/08/2003	Nam	3.46	Giỏi	2864 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
7	21130326	Phạm Minh	Dũng	23/05/2003	Nam	3.10	Khá	2858 /2025/DHCQ_NLU
8	21130331	Phan Thị Thùy	Dương	29/01/2003	Nữ	2.81	Khá	2860 /2025/DHCQ_NLU
9	21130336	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	23/03/2003	Nữ	2.60	Khá	2859 /2025/DHCQ_NLU
10	21130340	Lê Ngọc	Hà	08/10/2003	Nữ	3.21	Giỏi	2865 /2025/DHCQ_NLU
11	21130354	Lê Minh	Hiếu	29/05/2003	Nam	3.41	Giỏi	2866 /2025/DHCQ_NLU
12	21130359	Phạm Thị Ngọc	Hòa	20/05/2003	Nữ	2.79	Khá	2867 /2025/DHCQ_NLU
13	21130360	Nguyễn Thanh	Hoài	13/09/2003	Nam	2.57	Khá	2868 /2025/DHCQ_NLU
14	21130363	Võ Phi	Hoàng	02/05/2003	Nam	3.57	Giỏi	2869 /2025/DHCQ_NLU
15	21130367	Nguyễn Trần Khánh	Hưng	20/05/2003	Nam	2.75	Khá	2872 /2025/DHCQ_NLU
16	21130374	Đoàn Quốc	Huy	02/12/2003	Nam	2.87	Khá	2871 /2025/DHCQ_NLU
17	21130376	Lê Quang	Huy	20/10/2003	Nam	3.16	Khá	2870 /2025/DHCQ_NLU
DH21DTC								
1	21130408	Nguyễn Trung	Kiên	19/02/2003	Nam	3.22	Giỏi	2873 /2025/DHCQ_NLU
2	21130416	Nguyễn Đình	Lam	13/05/2003	Nam	3.54	Giỏi	2874 /2025/DHCQ_NLU
3	21130429	Phạm Tiến	Lộc	16/05/2003	Nam	2.71	Khá	2876 /2025/DHCQ_NLU
4	21130436	Lê Phi	Long	19/02/2003	Nam	2.95	Khá	2875 /2025/DHCQ_NLU
5	21130444	Dư Thành	Minh	19/06/2003	Nam	3.45	Giỏi	2877 /2025/DHCQ_NLU
6	21130448	Cao Thành	Nam	05/12/2003	Nam	3.37	Giỏi	2879 /2025/DHCQ_NLU
7	21130450	Trần Hoài	Nam	09/07/2003	Nam	2.17	Trung bình	2878 /2025/DHCQ_NLU
8	21130452	Nguyễn Trọng	Nghĩa	25/11/2003	Nam	3.15	Khá	2880 /2025/DHCQ_NLU
9	21130453	Huỳnh Bảo Huyền	Ngọc	06/11/2003	Nữ	2.62	Khá	2881 /2025/DHCQ_NLU
10	21130456	Dương Trí	Nguyễn	05/07/2003	Nam	2.93	Khá	2882 /2025/DHCQ_NLU
11	21130461	Trần Thị Thiện	Nhân	28/05/2003	Nữ	2.95	Khá	2883 /2025/DHCQ_NLU
12	21130463	Tô Minh	Nhật	04/10/2003	Nam	2.92	Khá	2884 /2025/DHCQ_NLU
13	21130469	Nguyễn Đỗ Thanh	Phát	11/12/2003	Nam	3.13	Khá	2885 /2025/DHCQ_NLU
14	21130482	Lê Bá	Phụng	07/07/2003	Nam	2.93	Khá	2886 /2025/DHCQ_NLU
15	21130484	Nguyễn Toàn	Phước	26/11/2003	Nam	3.24	Giỏi	2887 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
16	21130488	Lại Thị Bích	Phượng	06/03/2003	Nữ	2.84	Khá	2888 /2025/DHCQ_NLU
17	21130491	Lê Minh	Quân	28/02/2003	Nam	3.28	Giỏi	2889 /2025/DHCQ_NLU
18	21130501	Nguyễn Ngọc Minh	Quốc	09/07/2003	Nam	2.30	Trung bình	2890 /2025/DHCQ_NLU
19	21130502	Thái Bình Thiên	Quốc	26/01/2003	Nam	2.46	Trung bình	2891 /2025/DHCQ_NLU
20	21130506	Nguyễn Ngọc	Quý	03/11/2003	Nam	3.42	Giỏi	2892 /2025/DHCQ_NLU
DH21DTD								
1	21130513	Trần Hoàng	Sơn	04/08/2003	Nam	2.67	Khá	2893 /2025/DHCQ_NLU
2	21130516	Mai Thị	Sương	01/10/2003	Nữ	3.01	Khá	2894 /2025/DHCQ_NLU
3	21130541	Nguyễn Trần Phúc	Thành	21/04/2003	Nam	2.76	Khá	2900 /2025/DHCQ_NLU
4	21130542	Võ Thị Ngọc	Thảo	05/08/2003	Nữ	2.84	Khá	2901 /2025/DHCQ_NLU
5	21130543	Đỗ Đức	Thiện	06/08/2003	Nam	2.58	Khá	2902 /2025/DHCQ_NLU
6	21130545	Nguyễn Kim	Thịnh	23/01/2003	Nam	2.42	Trung bình	2905 /2025/DHCQ_NLU
7	21130547	Nguyễn Trường	Thịnh	01/08/2003	Nam	2.30	Trung bình	2906 /2025/DHCQ_NLU
8	21130548	Phan Thế	Thịnh	26/04/2003	Nam	2.50	Khá	2903 /2025/DHCQ_NLU
9	21130549	Võ Minh	Thịnh	30/11/2003	Nam	2.76	Khá	2904 /2025/DHCQ_NLU
10	21130551	Nguyễn Minh	Thông	02/06/2003	Nam	2.97	Khá	2907 /2025/DHCQ_NLU
11	21130555	Trần Thụy Minh	Thư	06/11/2003	Nữ	3.34	Giỏi	2910 /2025/DHCQ_NLU
12	21130556	Đặng Nam	Thuận	23/04/2003	Nam	3.36	Giỏi	2908 /2025/DHCQ_NLU
13	21130558	Mai Xuân	Thức	25/04/2003	Nam	2.58	Khá	2911 /2025/DHCQ_NLU
14	21130560	Nguyễn Thị Thúy	Thúy	28/03/2003	Nữ	3.00	Khá	2909 /2025/DHCQ_NLU
15	21130564	Đào Trung	Tín	23/10/2003	Nam	2.56	Khá	2896 /2025/DHCQ_NLU
16	21130565	Phạm Trung	Tín	27/09/2003	Nam	2.95	Khá	2895 /2025/DHCQ_NLU
17	21130568	Nguyễn Như	Toàn	07/02/2003	Nam	3.29	Giỏi	2897 /2025/DHCQ_NLU
18	21130573	Mai Thị Thu	Trang	01/04/2003	Nữ	3.20	Giỏi	2912 /2025/DHCQ_NLU
19	21130574	Ngô Thùy	Trang	13/12/2003	Nữ	3.47	Giỏi	2913 /2025/DHCQ_NLU
20	21130582	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	21/09/2003	Nữ	2.76	Khá	2914 /2025/DHCQ_NLU
21	21130587	Nguyễn Quốc	Trung	23/01/2003	Nam	2.86	Khá	2915 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
22	21130590	Trần Quốc	Trung	21/01/2003	Nam	2.53	Khá	2916 /2025/DHCQ_NLU
23	21130599	Đặng Cao Hoàng	Tuấn	13/04/2003	Nam	3.25	Giỏi	2898 /2025/DHCQ_NLU
24	21130604	Trần Minh	Tường	30/06/2003	Nam	2.86	Khá	2899 /2025/DHCQ_NLU
25	21130617	Nguyễn Duy	Vụ	26/10/2003	Nam	3.33	Giỏi	2917 /2025/DHCQ_NLU
Công nghệ Hóa học và Thực phẩm								
DH15BQNT								
1	15116204	Huỳnh Thị	Yến	02/04/1997	Nữ	2.91	Khá	2479 /2025/DHCQ_NLU
DH15VT								
1	15125101	Trần Thị Mỹ	Lin	24/10/1996	Nữ	2.74	Khá	2480 /2025/DHCQ_NLU
DH17TP								
1	16125354	Tài Thị Ngọc	Nguyên	14/12/1998	Nữ	2.78	Khá	2481 /2025/DHCQ_NLU
DH18BQ								
1	18125043	Lê Trần Thành	Đạt	19/10/2000	Nam	2.93	Khá	2482 /2025/DHCQ_NLU
2	18125283	Lý Tài	Quang	02/07/2000	Nam	3.06	Khá	2483 /2025/DHCQ_NLU
DH18DD								
1	18125022	Thái Quốc	Bảo	27/10/2000	Nam	2.44	Trung bình	2484 /2025/DHCQ_NLU
DH18HD								
1	18139063	Phạm Văn	Hưng	12/08/2000	Nam	2.67	Khá	2485 /2025/DHCQ_NLU
DH18HS								
1	18139085	Dur Hiền	Long	20/08/2000	Nam	2.48	Trung bình	2487 /2025/DHCQ_NLU
2	18139087	Nguyễn Trần	Long	08/12/2000	Nam	2.70	Khá	2486 /2025/DHCQ_NLU
DH19BQ								
1	19125110	Ngô Thanh	Hoài	02/06/2001	Nữ	2.70	Khá	2488 /2025/DHCQ_NLU
DH19BQC								
1	19125484	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	25/10/2001	Nữ	2.80	Khá	2489 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19DD								
1	19125132	Nguyễn Kì Gia	Khang	26/12/2001	Nam	2.49	Trung bình	2490 /2025/DHCQ_NLU
2	19125370	Tôn Thị Thanh	Thúy	04/12/2001	Nữ	2.95	Khá	2491 /2025/DHCQ_NLU
DH19HS								
1	19139127	Phạm Thị	Phiếu	10/06/2001	Nữ	2.69	Khá	2492 /2025/DHCQ_NLU
DH19TP								
1	19125520	Lê Mai Thảo	Nhi	26/10/2001	Nữ	2.78	Khá	2493 /2025/DHCQ_NLU
DH19VT								
1	19125092	Nguyễn Thị Bích	Hậu	17/05/2001	Nữ	3.02	Khá	2494 /2025/DHCQ_NLU
DH20BQ								
1	20125306	Lê Công	Tuấn	14/07/2002	Nam	2.91	Khá	2500 /2025/DHCQ_NLU
2	20125361	Nguyễn Minh	Đức	10/06/2002	Nam	2.91	Khá	2495 /2025/DHCQ_NLU
3	20125430	Hoàng Gia	Huy	17/04/2002	Nam	2.14	Trung bình	2496 /2025/DHCQ_NLU
4	20125522	Nguyễn Văn	Minh	29/10/2002	Nam	2.63	Khá	2497 /2025/DHCQ_NLU
5	20125552	Hoàng Gia	Nghi	14/11/2002	Nữ	2.63	Khá	2498 /2025/DHCQ_NLU
6	20125626	Lê Hoàng	Phúc	21/03/2002	Nam	2.41	Trung bình	2499 /2025/DHCQ_NLU
7	20125673	Phạm Lưu Ngọc	Thạch	26/02/2002	Nam	2.43	Trung bình	2501 /2025/DHCQ_NLU
DH20BQC								
1	20125346	Ngô Tiến	Đại	27/10/2002	Nam	2.88	Khá	2502 /2025/DHCQ_NLU
2	20125479	Lưu Thị Mỹ	Linh	15/02/2002	Nữ	3.25	Giỏi	2503 /2025/DHCQ_NLU
3	20125493	Nguyễn Thanh	Loan	29/09/2002	Nữ	2.49	Trung bình	2504 /2025/DHCQ_NLU
4	20125565	Trần Thanh	Ngọc	25/11/2002	Nữ	2.68	Khá	2505 /2025/DHCQ_NLU
5	20125762	Đỗ Mạnh	Trí	12/06/2002	Nam	2.75	Khá	2506 /2025/DHCQ_NLU
6	20125793	Dương Thị Hoàng	Uyên	12/09/2001	Nữ	2.79	Khá	2507 /2025/DHCQ_NLU
DH20DD								
1	20125100	Nguyen Khiem Phuong Hoàn	Như	22/06/2002	Nữ	3.40	Giỏi	2516 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	20125314	Trần Long	Ẩn	07/05/2002	Nam	3.36	Giỏi	2509 /2025/DHCQ_NLU
3	20125315	Hà Mỹ	Anh	25/04/2002	Nữ	2.72	Khá	2508 /2025/DHCQ_NLU
4	20125344	Lâm Tuấn	Cường	26/12/2002	Nam	3.13	Khá	2510 /2025/DHCQ_NLU
5	20125376	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên	19/01/2002	Nữ	2.76	Khá	2511 /2025/DHCQ_NLU
6	20125387	Trần Thị Thanh	Hà	04/04/2002	Nữ	2.80	Khá	2512 /2025/DHCQ_NLU
7	20125428	Phạm Thu	Hương	13/03/2002	Nữ	3.16	Khá	2513 /2025/DHCQ_NLU
8	20125508	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	08/04/2002	Nữ	2.46	Trung bình	2514 /2025/DHCQ_NLU
9	20125512	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	25/06/2002	Nữ	2.73	Khá	2515 /2025/DHCQ_NLU
DH20HD								
1	20139006	Nguyễn Hoàng	Anh	18/10/2002	Nữ	2.52	Khá	2517 /2025/DHCQ_NLU
2	20139181	Nguyễn Minh	Chiến	11/11/2002	Nam	2.46	Trung bình	2518 /2025/DHCQ_NLU
3	20139206	Võ Ngọc Bảo	Hân	08/01/2002	Nữ	2.91	Khá	2519 /2025/DHCQ_NLU
4	20139222	Trần Thị Mỹ	Hợp	18/05/2002	Nữ	2.63	Khá	2520 /2025/DHCQ_NLU
5	20139254	Nguyễn Quang	Luân	10/03/2002	Nam	2.46	Trung bình	2521 /2025/DHCQ_NLU
6	20139275	Võ Nguyễn Thảo	Nguyên	17/09/2002	Nữ	3.11	Khá	2522 /2025/DHCQ_NLU
7	20139278	Trần Phương	Nhân	16/09/2001	Nữ	2.71	Khá	2523 /2025/DHCQ_NLU
8	20139301	Võ Hoàng Trúc	Phương	28/05/2002	Nữ	2.55	Khá	2524 /2025/DHCQ_NLU
9	20139318	Đặng Thị Bích	Thanh	25/10/2002	Nữ	2.70	Khá	2525 /2025/DHCQ_NLU
DH20HS								
1	20139167	Đồng Ngọc Băng	Thuy	05/04/2001	Nữ	2.55	Khá	2527 /2025/DHCQ_NLU
2	20139199	Nguyễn Thanh	Duy	21/12/2002	Nam	2.52	Khá	2526 /2025/DHCQ_NLU
3	20139347	Lê Thị Ngọc	Trâm	13/08/2002	Nữ	2.25	Trung bình	2528 /2025/DHCQ_NLU
DH20HT								
1	20139386	Lưu Hải	Yến	05/05/2002	Nữ	2.48	Trung bình	2529 /2025/DHCQ_NLU
DH20VT								
1	20125091	Nguyễn Võ Ý	Nhi	24/05/2002	Nữ	3.18	Khá	2535 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	20125395	Trần Nguyệt Thu	Hằng	02/09/2002	Nữ	2.55	Khá	2530 /2025/DHCQ_NLU
3	20125403	Trần Thị	Hậu	19/05/2002	Nữ	3.50	Giỏi	2531 /2025/DHCQ_NLU
4	20125424	Trần Công	Huân	18/01/2002	Nam	3.13	Khá	2532 /2025/DHCQ_NLU
5	20125472	Huỳnh Thị Mỹ	Lệ	19/10/2002	Nữ	3.49	Giỏi	2533 /2025/DHCQ_NLU
6	20125509	Hồ Thị	Lý	16/10/2002	Nữ	3.05	Khá	2534 /2025/DHCQ_NLU
7	20125627	Bùi Thị	Phương	14/02/2002	Nữ	3.04	Khá	2536 /2025/DHCQ_NLU
DH21BQ								
1	21125001	Nguyễn Đặng Đức	An	20/11/2003	Nam	3.17	Khá	2537 /2025/DHCQ_NLU
2	21125051	Võ Minh	Đăng	08/06/2003	Nam	2.61	Khá	2544 /2025/DHCQ_NLU
3	21125073	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/01/2003	Nữ	3.08	Khá	2542 /2025/DHCQ_NLU
4	21125083	Trần Phước	Giàu	28/12/2003	Nam	3.15	Khá	2546 /2025/DHCQ_NLU
5	21125091	Huỳnh Ngọc	Hân	22/05/2003	Nữ	2.71	Khá	2547 /2025/DHCQ_NLU
6	21125092	Huỳnh Ngọc	Hân	10/11/2003	Nữ	3.39	Giỏi	2548 /2025/DHCQ_NLU
7	21125161	Trần Nguyễn Thu	Kỳ	14/09/2003	Nữ	3.46	Giỏi	2551 /2025/DHCQ_NLU
8	21125221	Huỳnh Ngọc Thúy	Ngân	10/12/2003	Nữ	3.34	Giỏi	2559 /2025/DHCQ_NLU
9	21125243	Nguyễn Như	Ngọc	06/01/2003	Nữ	2.66	Khá	2560 /2025/DHCQ_NLU
10	21125257	Lê Thị Thảo	Nhi	25/03/2003	Nữ	3.34	Giỏi	2562 /2025/DHCQ_NLU
11	21125261	Nguyễn Ngọc	Nhi	03/07/2003	Nữ	2.91	Khá	2563 /2025/DHCQ_NLU
12	21125283	Ngô Thị Ngọc	Nữ	19/06/2003	Nữ	3.44	Giỏi	2557 /2025/DHCQ_NLU
13	21125288	Nguyễn Hoài	Phong	15/05/2003	Nam	2.94	Khá	2565 /2025/DHCQ_NLU
14	21125302	Lê Hồng Đức	Phương	11/05/2003	Nam	2.94	Khá	2567 /2025/DHCQ_NLU
15	21125319	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	15/02/2003	Nữ	2.85	Khá	2568 /2025/DHCQ_NLU
16	21125440	Nguyễn Thị Huỳnh	Trang	16/11/2003	Nữ	3.53	Giỏi	2578 /2025/DHCQ_NLU
17	21125484	Nguyễn Trần Mỹ	Uyên	18/03/2003	Nữ	2.93	Khá	2580 /2025/DHCQ_NLU
18	21125510	Lê Như	Ý	09/03/2002	Nữ	2.98	Khá	2582 /2025/DHCQ_NLU
19	21129562	Lê Ngọc	Bích	06/01/2003	Nữ	3.04	Khá	2538 /2025/DHCQ_NLU
20	21129577	Huỳnh Huy	Cường	11/07/2003	Nam	3.56	Giỏi	2539 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
21	21129582	Cao Tiến	Đạt	04/12/2003	Nam	2.93	Khá	2543 /2025/DHCQ_NLU
22	21129588	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	12/02/2003	Nữ	3.34	Giỏi	2540 /2025/DHCQ_NLU
23	21129591	Võ Thị Thúy	Diệu	24/06/2003	Nữ	3.35	Giỏi	2541 /2025/DHCQ_NLU
24	21129614	Trịnh Thị Phương	Giang	11/06/2003	Nữ	3.24	Giỏi	2545 /2025/DHCQ_NLU
25	21129654	Trần Minh	Hiền	19/11/2003	Nam	3.35	Giỏi	2549 /2025/DHCQ_NLU
26	21129706	Lê Trung	Kiên	25/05/2003	Nam	2.53	Khá	2550 /2025/DHCQ_NLU
27	21129718	Nguyễn Thu	Liệu	22/03/2003	Nữ	3.16	Khá	2552 /2025/DHCQ_NLU
28	21129723	Nguyễn Thị Ánh	Tuyệt	04/10/2003	Nữ	3.05	Khá	2571 /2025/DHCQ_NLU
29	21129737	Nguyễn Phúc	Lộc	25/09/2003	Nam	3.12	Khá	2553 /2025/DHCQ_NLU
30	21129744	Nguyễn Thị	Luyến	11/03/2003	Nữ	2.72	Khá	2554 /2025/DHCQ_NLU
31	21129746	Trần Thị Trà	Ly	21/11/2003	Nữ	2.81	Khá	2555 /2025/DHCQ_NLU
32	21129754	Huỳnh Thế	Mạnh	02/12/2003	Nam	2.72	Khá	2556 /2025/DHCQ_NLU
33	21129784	Lê Thị Thúy	Ngân	28/04/2003	Nữ	2.71	Khá	2558 /2025/DHCQ_NLU
34	21129822	Danh Đức	Nhi	01/01/2003	Nam	3.00	Khá	2561 /2025/DHCQ_NLU
35	21129841	Lê Ngọc Tâm	Như	30/09/2003	Nữ	3.14	Khá	2564 /2025/DHCQ_NLU
36	21129847	Phạm Như	Ý	28/09/2003	Nữ	2.58	Khá	2581 /2025/DHCQ_NLU
37	21129863	Nguyễn Thành	Phúc	23/11/2003	Nam	2.82	Khá	2566 /2025/DHCQ_NLU
38	21129866	Huỳnh Thị Kim	Yến	15/12/2003	Nữ	2.89	Khá	2584 /2025/DHCQ_NLU
39	21129874	Nguyễn Thị Hải	Yến	10/07/2002	Nữ	2.72	Khá	2583 /2025/DHCQ_NLU
40	21129880	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	14/10/2003	Nữ	2.66	Khá	2585 /2025/DHCQ_NLU
41	21129887	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	16/12/2003	Nữ	3.22	Giỏi	2569 /2025/DHCQ_NLU
42	21129892	Võ Tây	Son	02/03/2003	Nam	3.11	Khá	2570 /2025/DHCQ_NLU
43	21129917	Võ Thị	Thành	20/02/2003	Nữ	2.78	Khá	2572 /2025/DHCQ_NLU
44	21129928	Nguyễn Thị Thu	Thảo	01/07/2003	Nữ	2.78	Khá	2573 /2025/DHCQ_NLU
45	21129931	Vương Thị	Thảo	14/04/2003	Nữ	3.14	Khá	2574 /2025/DHCQ_NLU
46	21129934	Bùi Quốc	Thịnh	21/06/2003	Nam	3.35	Giỏi	2575 /2025/DHCQ_NLU
47	21129973	Phạm Đào Ngọc	Thy	25/10/2003	Nữ	2.98	Khá	2576 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
48	21129992	Bùi Thị Thu	Trang	15/08/2003	Nữ	3.49	Giỏi	2579 /2025/DHCQ_NLU
49	21129993	Lý Thị Ngọc	Trang	19/01/2003	Nữ	3.06	Khá	2577 /2025/DHCQ_NLU
DH21DD								
1	21125043	Mai Thị Kim	Chi	26/11/2003	Nữ	3.24	Giỏi	2591 /2025/DHCQ_NLU
2	21125048	Võ Thị Trương	Chi	06/10/2003	Nữ	2.74	Khá	2590 /2025/DHCQ_NLU
3	21125049	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	22/06/2003	Nữ	3.57	Giỏi	2592 /2025/DHCQ_NLU
4	21125060	Nguyễn Kim	Diệu	28/01/2003	Nữ	3.25	Giỏi	2593 /2025/DHCQ_NLU
5	21125080	Trần Thị Trúc	Giang	26/01/2003	Nữ	3.52	Giỏi	2598 /2025/DHCQ_NLU
6	21125090	Huỳnh Lê Trúc	Hân	14/12/2003	Nữ	3.15	Khá	2600 /2025/DHCQ_NLU
7	21125109	Nguyễn Thanh	Hiếu	07/04/2003	Nam	3.16	Khá	2604 /2025/DHCQ_NLU
8	21125128	Lê Thị Diệu	Hương	27/06/2003	Nữ	2.87	Khá	2611 /2025/DHCQ_NLU
9	21125138	Lê Thị Ngọc	Huyền	21/06/2003	Nữ	3.17	Khá	2608 /2025/DHCQ_NLU
10	21125178	Trần Thị Mỹ	Linh	07/12/2003	Nữ	3.38	Giỏi	2617 /2025/DHCQ_NLU
11	21125204	Lê Giáng	My	06/02/2003	Nữ	2.79	Khá	2627 /2025/DHCQ_NLU
12	21125213	Hồ Thị Minh	Mỹ	22/10/2003	Nữ	2.99	Khá	2632 /2025/DHCQ_NLU
13	21125214	Lê Huyền Ái	Mỹ	24/05/2003	Nữ	3.35	Giỏi	2629 /2025/DHCQ_NLU
14	21125264	Trần Thị Thiên	Nhi	16/09/2003	Nữ	3.37	Giỏi	2646 /2025/DHCQ_NLU
15	21125274	Phạm Ngọc	Như	02/01/2003	Nữ	3.13	Khá	2651 /2025/DHCQ_NLU
16	21125276	Phùng Thị Quỳnh	Như	20/09/2003	Nữ	3.16	Khá	2650 /2025/DHCQ_NLU
17	21125280	Trần Thị Cẩm	Nhung	15/07/2003	Nữ	3.27	Giỏi	2649 /2025/DHCQ_NLU
18	21125294	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/11/2003	Nam	3.23	Giỏi	2654 /2025/DHCQ_NLU
19	21125295	Nguyễn Hữu Tấn	Phúc	26/11/2002	Nam	3.17	Khá	2655 /2025/DHCQ_NLU
20	21125306	Trần Tú	Phương	01/05/2003	Nữ	3.73	Xuất sắc	2656 /2025/DHCQ_NLU
21	21125349	Điền Ngọc	Thảo	11/07/2003	Nữ	3.13	Khá	2670 /2025/DHCQ_NLU
22	21125361	Lương Vĩnh	Thi	15/09/2003	Nam	3.33	Giỏi	2672 /2025/DHCQ_NLU
23	21125399	Phan Minh	Thuận	20/09/2003	Nam	2.84	Khá	2673 /2025/DHCQ_NLU
24	21125415	Lê Cẩm	Tiên	05/08/2003	Nữ	2.86	Khá	2664 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
25	21125433	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	19/07/2003	Nữ	3.39	Giỏi	2689 /2025/DHCQ_NLU
26	21125442	Nguyễn Thị Thùy	Trang	24/04/2003	Nữ	2.99	Khá	2683 /2025/DHCQ_NLU
27	21125443	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10/06/2003	Nữ	3.00	Khá	2682 /2025/DHCQ_NLU
28	21125446	Huỳnh Hữu	Trí	17/03/2003	Nam	3.05	Khá	2690 /2025/DHCQ_NLU
29	21125475	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	24/12/2003	Nữ	2.67	Khá	2666 /2025/DHCQ_NLU
30	21125477	Ngô Ánh	Tuyết	02/08/2003	Nữ	3.58	Giỏi	2667 /2025/DHCQ_NLU
31	21125487	Nguyễn Yến	Vân	08/09/2003	Nữ	2.72	Khá	2691 /2025/DHCQ_NLU
32	21125497	Đoàn Mai Hạ	Vy	23/10/2003	Nữ	3.12	Khá	2693 /2025/DHCQ_NLU
33	21125511	Lưu Võ Duy	Ý	12/02/2003	Nữ	2.90	Khá	2698 /2025/DHCQ_NLU
34	21125521	Tăng Khả	Quy	19/05/2002	Nữ	2.82	Khá	2657 /2025/DHCQ_NLU
35	21129531	Phan Nguyễn Duy	An	23/05/2003	Nam	3.15	Khá	2586 /2025/DHCQ_NLU
36	21129558	Phạm Trần Thiện	Bảo	07/03/2003	Nam	3.13	Khá	2588 /2025/DHCQ_NLU
37	21129560	Trương Chí	Bảo	13/03/2003	Nam	2.83	Khá	2587 /2025/DHCQ_NLU
38	21129573	Phạm Thị Minh	Châu	08/02/2003	Nữ	2.51	Khá	2589 /2025/DHCQ_NLU
39	21129580	Huỳnh Hải	Đặng	19/01/2003	Nam	2.60	Khá	2597 /2025/DHCQ_NLU
40	21129605	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	16/11/2003	Nữ	2.95	Khá	2594 /2025/DHCQ_NLU
41	21129606	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	26/07/2003	Nữ	2.95	Khá	2595 /2025/DHCQ_NLU
42	21129608	Trần Thị Cẩm	Duyên	22/07/2003	Nữ	2.88	Khá	2596 /2025/DHCQ_NLU
43	21129628	Ngô Thái Bảo	Hân	02/01/2003	Nữ	2.67	Khá	2601 /2025/DHCQ_NLU
44	21129629	Nguyễn Ngọc	Hân	15/12/2003	Nữ	2.68	Khá	2603 /2025/DHCQ_NLU
45	21129630	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	15/12/2003	Nữ	3.45	Giỏi	2602 /2025/DHCQ_NLU
46	21129643	Bùi Như	Hào	08/10/2003	Nữ	2.88	Khá	2599 /2025/DHCQ_NLU
47	21129662	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	11/09/2003	Nữ	2.66	Khá	2605 /2025/DHCQ_NLU
48	21129666	Vũ Trần Minh	Hoàng	30/08/2003	Nam	2.58	Khá	2606 /2025/DHCQ_NLU
49	21129669	Nguyễn Thị Thu	Hồng	01/01/2003	Nữ	3.10	Khá	2607 /2025/DHCQ_NLU
50	21129673	Nguyễn Thành	Hưng	05/05/2003	Nam	3.63	Xuất sắc	2609 /2025/DHCQ_NLU
51	21129678	Phan Thị Quỳnh	Hương	12/11/2003	Nữ	3.66	Xuất sắc	2610 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
52	21129710	Trương Thanh	Kỳ	20/06/2003	Nam	3.09	Khá	2612 /2025/DHCQ_NLU
53	21129713	Dương Thị Ngọc	Lan	25/09/2003	Nữ	3.35	Giỏi	2613 /2025/DHCQ_NLU
54	21129714	Lê Thị Mỹ	Lệ	01/12/2003	Nữ	2.76	Khá	2614 /2025/DHCQ_NLU
55	21129722	Lê Đỗ Yến	Linh	09/04/2003	Nữ	3.10	Khá	2615 /2025/DHCQ_NLU
56	21129727	Phan Thu	Linh	20/12/2003	Nữ	3.38	Giỏi	2616 /2025/DHCQ_NLU
57	21129733	Đặng Thị Thủy	Loan	05/01/2003	Nữ	3.41	Giỏi	2618 /2025/DHCQ_NLU
58	21129736	Lê Tấn	Lộc	31/03/2003	Nam	2.48	Trung bình	2619 /2025/DHCQ_NLU
59	21129739	Võ Cao Tiến	Lợi	22/08/2003	Nam	3.18	Khá	2620 /2025/DHCQ_NLU
60	21129745	Huỳnh Thị Kiều	Luyện	10/11/2003	Nữ	3.43	Giỏi	2621 /2025/DHCQ_NLU
61	21129750	Nguyễn Thị	Mai	03/08/2003	Nữ	2.84	Khá	2623 /2025/DHCQ_NLU
62	21129753	Vũ Thị	Mai	21/05/2003	Nữ	3.30	Giỏi	2622 /2025/DHCQ_NLU
63	21129756	Đào Thụy Trà	Mi	02/12/2003	Nữ	2.76	Khá	2624 /2025/DHCQ_NLU
64	21129760	Đặng Phan Trà	My	15/08/2003	Nữ	2.77	Khá	2628 /2025/DHCQ_NLU
65	21129762	Ngô Thị Hồng	My	12/09/2003	Nữ	2.95	Khá	2626 /2025/DHCQ_NLU
66	21129765	Phan Thị Diễm	My	11/10/2003	Nữ	3.07	Khá	2625 /2025/DHCQ_NLU
67	21129768	Đỗ Thị Thúy	Mỹ	19/10/2003	Nữ	2.95	Khá	2630 /2025/DHCQ_NLU
68	21129771	Lê Thị Bích	Mỹ	04/01/2003	Nữ	3.09	Khá	2631 /2025/DHCQ_NLU
69	21129775	Trần Thị Thúy	Nga	01/10/2003	Nữ	2.80	Khá	2633 /2025/DHCQ_NLU
70	21129780	Chu Văn	Vui	28/09/2003	Nam	2.94	Khá	2692 /2025/DHCQ_NLU
71	21129781	Huỳnh Thị Thúy	Ngân	09/12/2003	Nữ	3.11	Khá	2635 /2025/DHCQ_NLU
72	21129782	Lê Hải Yến	Ngân	21/07/2003	Nữ	2.87	Khá	2637 /2025/DHCQ_NLU
73	21129783	Lê Thị Kim	Ngân	19/09/2003	Nữ	3.50	Giỏi	2636 /2025/DHCQ_NLU
74	21129790	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	09/03/2003	Nữ	3.19	Khá	2634 /2025/DHCQ_NLU
75	21129796	Đinh Thị Hồng	Ngọc	17/04/2003	Nữ	3.47	Giỏi	2639 /2025/DHCQ_NLU
76	21129801	Nguyễn Ánh	Ngọc	04/07/2003	Nữ	3.03	Khá	2638 /2025/DHCQ_NLU
77	21129807	Phan Bích	Ngọc	13/01/2003	Nữ	2.93	Khá	2640 /2025/DHCQ_NLU
78	21129813	Võ Tường	Vy	13/05/2003	Nữ	3.05	Khá	2694 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
79	21129817	Võ Thị Mỹ	Nhàn	17/11/2003	Nữ	3.55	Giỏi	2641 /2025/DHCQ_NLU
80	21129819	Nguyễn Thành	Nhân	13/04/2003	Nam	3.07	Khá	2642 /2025/DHCQ_NLU
81	21129820	Phạm Bảo	Nhật	15/08/2003	Nữ	3.13	Khá	2643 /2025/DHCQ_NLU
82	21129821	Đặng Thị Tú	Nhi	09/08/2003	Nữ	3.26	Giỏi	2644 /2025/DHCQ_NLU
83	21129824	Lê Hoàng Uyên	Nhi	30/10/2003	Nữ	3.35	Giỏi	2647 /2025/DHCQ_NLU
84	21129825	Lê Hoàng Yến	Nhi	12/06/2002	Nữ	3.17	Khá	2648 /2025/DHCQ_NLU
85	21129828	Lê Thị Hoài	Xinh	22/09/2003	Nữ	3.05	Khá	2695 /2025/DHCQ_NLU
86	21129829	Nguyễn Thị	Xuân	27/11/2003	Nữ	2.81	Khá	2696 /2025/DHCQ_NLU
87	21129832	Hồ Thị Như	Ý	07/03/2003	Nữ	2.97	Khá	2697 /2025/DHCQ_NLU
88	21129833	Nguyễn Thị Yến	Nhi	08/08/2003	Nữ	2.94	Khá	2645 /2025/DHCQ_NLU
89	21129842	Nguyễn Thị Như	Ý	03/11/2003	Nữ	3.42	Giỏi	2699 /2025/DHCQ_NLU
90	21129856	Nguyễn Thị Tú	Oanh	25/08/2003	Nữ	2.90	Khá	2652 /2025/DHCQ_NLU
91	21129861	Lê Đỗ	Phi	22/01/2003	Nam	3.40	Giỏi	2653 /2025/DHCQ_NLU
92	21129867	Lê Thị	Yến	24/09/2003	Nữ	2.99	Khá	2700 /2025/DHCQ_NLU
93	21129878	Nguyễn Văn	Quý	06/09/2003	Nam	2.60	Khá	2658 /2025/DHCQ_NLU
94	21129881	Trần Mỹ	Quỳnh	21/11/2003	Nữ	3.11	Khá	2659 /2025/DHCQ_NLU
95	21129888	Phạm Thị Thu	Quỳnh	02/10/2003	Nữ	3.08	Khá	2660 /2025/DHCQ_NLU
96	21129890	Khấu Hồng	Rảnh	11/09/2003	Nữ	2.98	Khá	2661 /2025/DHCQ_NLU
97	21129900	Trần Thanh	Tâm	28/10/2002	Nam	3.56	Giỏi	2662 /2025/DHCQ_NLU
98	21129902	Huỳnh Nhật	Tân	26/01/2003	Nam	3.63	Xuất sắc	2663 /2025/DHCQ_NLU
99	21129911	Phạm	Thắng	24/08/2003	Nam	3.28	Giỏi	2671 /2025/DHCQ_NLU
100	21129912	Đoàn Ngọc Kim	Thanh	09/09/2003	Nữ	2.78	Khá	2668 /2025/DHCQ_NLU
101	21129914	Phan Quốc	Thanh	01/07/2003	Nam	2.95	Khá	2669 /2025/DHCQ_NLU
102	21129944	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	14/09/2003	Nữ	3.38	Giỏi	2677 /2025/DHCQ_NLU
103	21129946	Phạm Phương	Thư	30/07/2003	Nữ	3.19	Khá	2680 /2025/DHCQ_NLU
104	21129948	Phạm Thị Anh	Thư	13/04/2002	Nữ	3.39	Giỏi	2676 /2025/DHCQ_NLU
105	21129949	Phạm Thị Minh	Thư	29/09/2003	Nữ	2.96	Khá	2678 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
106	21129950	Phạm Vũ Minh	Thư	09/11/2003	Nữ	2.89	Khá	2679 /2025/DHCQ_NLU
107	21129957	Đặng Văn	Thương	14/06/2003	Nam	2.76	Khá	2681 /2025/DHCQ_NLU
108	21129966	Nguyễn Thị Thu	Thùy	11/08/2003	Nữ	2.93	Khá	2674 /2025/DHCQ_NLU
109	21129969	Lê Thị Thanh	Thuyền	21/04/2003	Nữ	3.06	Khá	2675 /2025/DHCQ_NLU
110	21129978	Nguyễn Thanh	Toàn	03/10/2003	Nam	3.04	Khá	2665 /2025/DHCQ_NLU
111	21129979	Cao Hoàng Ngọc	Trâm	13/01/2003	Nữ	2.56	Khá	2685 /2025/DHCQ_NLU
112	21129983	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	31/10/2003	Nữ	2.77	Khá	2686 /2025/DHCQ_NLU
113	21129988	Nguyễn Thị Quế	Trân	15/12/2003	Nữ	2.81	Khá	2688 /2025/DHCQ_NLU
114	21129990	Phạm Quế	Trân	16/07/2003	Nữ	2.93	Khá	2687 /2025/DHCQ_NLU
115	21129998	Nguyễn Thị Thùy	Trang	27/04/2003	Nữ	3.04	Khá	2684 /2025/DHCQ_NLU

DH21HD

1	21139006	Lê Thị Kim	Anh	30/05/2002	Nữ	3.41	Giỏi	2701 /2025/DHCQ_NLU
2	21139036	Nguyễn Khánh Thùy	Dương	28/01/2003	Nữ	2.98	Khá	2703 /2025/DHCQ_NLU
3	21139120	Trần Thị Huỳnh	Nhi	12/07/2003	Nữ	3.07	Khá	2706 /2025/DHCQ_NLU
4	21139124	Nhâm Hải	Như	09/05/2003	Nữ	2.79	Khá	2707 /2025/DHCQ_NLU
5	21139154	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	01/07/2003	Nữ	2.83	Khá	2709 /2025/DHCQ_NLU
6	21139237	Nguyễn Thị Băng	Băng	16/09/2003	Nữ	2.71	Khá	2702 /2025/DHCQ_NLU
7	21139258	Châu Nguyễn Hoài	Đức	15/07/2003	Nam	3.06	Khá	2704 /2025/DHCQ_NLU
8	21139356	Nguyễn Thị Kim	Ngân	26/02/2003	Nữ	2.69	Khá	2705 /2025/DHCQ_NLU
9	21139407	Đinh Thị Uyên	Phương	07/05/2003	Nữ	2.69	Khá	2708 /2025/DHCQ_NLU
10	21139475	Cao Quốc	Trị	09/10/2003	Nam	3.24	Giỏi	2710 /2025/DHCQ_NLU
11	21139500	Mai Tường	Vy	25/08/2003	Nữ	2.69	Khá	2711 /2025/DHCQ_NLU

DH21HS

1	21139382	Trần Thị Yến	Nhi	01/09/2003	Nữ	2.94	Khá	2712 /2025/DHCQ_NLU
2	21139461	Nguyễn Bích	Trâm	20/03/2003	Nữ	2.87	Khá	2713 /2025/DHCQ_NLU
3	21139467	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	15/11/2003	Nữ	2.96	Khá	2714 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21HT								
1	21139015	Trần Duy	Bi	04/03/2003	Nam	3.52	Giỏi	2715 /2025/DHCQ_NLU
2	21139196	Trịnh Xuân	Trúc	02/12/2003	Nữ	3.21	Giỏi	2723 /2025/DHCQ_NLU
3	21139253	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	01/09/2003	Nữ	3.42	Giỏi	2716 /2025/DHCQ_NLU
4	21139332	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	19/04/2001	Nữ	2.97	Khá	2717 /2025/DHCQ_NLU
5	21139335	Trần Võ Trúc	Mai	08/04/2003	Nữ	3.05	Khá	2718 /2025/DHCQ_NLU
6	21139342	Trần Thị Diễm	My	12/10/2003	Nữ	3.27	Giỏi	2719 /2025/DHCQ_NLU
7	21139386	Nguyễn Lý Quỳnh	Như	11/11/2003	Nữ	3.39	Giỏi	2720 /2025/DHCQ_NLU
8	21139435	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	07/09/2003	Nữ	2.89	Khá	2721 /2025/DHCQ_NLU
9	21139462	Nguyễn Ngọc	Trâm	14/07/2003	Nữ	2.96	Khá	2722 /2025/DHCQ_NLU
10	21139509	Lê Thị Hải	Yến	30/05/2003	Nữ	3.22	Giỏi	2724 /2025/DHCQ_NLU
DH21VT								
1	21125037	Đoàn Thị Anh	Châu	23/08/2003	Nữ	3.58	Giỏi	2725 /2025/DHCQ_NLU
2	21125042	Dương Thị Kim	Chi	04/04/2003	Nữ	2.79	Khá	2727 /2025/DHCQ_NLU
3	21125089	Bùi Mai Bảo	Hân	26/03/2003	Nữ	2.74	Khá	2731 /2025/DHCQ_NLU
4	21125094	Tô Gia	Hân	03/02/2003	Nữ	2.70	Khá	2730 /2025/DHCQ_NLU
5	21125113	Nguyễn Thị	Hoa	10/01/2003	Nữ	3.30	Giỏi	2733 /2025/DHCQ_NLU
6	21125262	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	29/07/2003	Nữ	3.01	Khá	2742 /2025/DHCQ_NLU
7	21125325	Trương Thị Tuyết	Quỳnh	09/11/2003	Nữ	2.99	Khá	2745 /2025/DHCQ_NLU
8	21125352	Huỳnh Thị Thu	Thảo	21/08/2003	Nữ	3.51	Giỏi	2752 /2025/DHCQ_NLU
9	21125368	Đỗ Tấn	Thịnh	02/01/2003	Nam	3.13	Khá	2754 /2025/DHCQ_NLU
10	21125392	Thái Minh	Thư	02/02/2003	Nữ	3.37	Giỏi	2755 /2025/DHCQ_NLU
11	21125417	Nguyễn Thủy	Tiên	29/04/2003	Nữ	2.56	Khá	2746 /2025/DHCQ_NLU
12	21125469	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	05/08/2003	Nữ	3.45	Giỏi	2748 /2025/DHCQ_NLU
13	21129571	Nguyễn Thị Minh	Châu	18/04/2002	Nữ	3.32	Giỏi	2726 /2025/DHCQ_NLU
14	21129596	Lê Thị	Dung	03/03/2003	Nữ	3.50	Giỏi	2728 /2025/DHCQ_NLU
15	21129624	Đoàn Thị Mai	Hân	04/11/2003	Nữ	2.92	Khá	2732 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

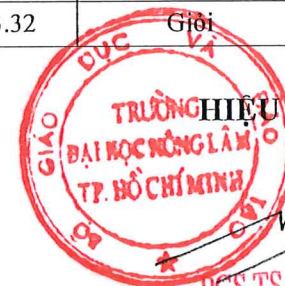
STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
16	21129637	Nguyễn Thị	Hằng	02/08/2003	Nữ	3.02	Khá	2729 /2025/DHCQ_NLU
17	21129659	Lê Long	Hồ	23/11/2003	Nam	2.85	Khá	2735 /2025/DHCQ_NLU
18	21129663	Nguyễn Thái	Hòa	04/10/2003	Nam	2.76	Khá	2734 /2025/DHCQ_NLU
19	21129672	Trần Ngọc	Tuấn	26/08/2003	Nam	2.84	Khá	2749 /2025/DHCQ_NLU
20	21129677	Trương Thanh	Tuấn	19/05/2003	Nam	2.76	Khá	2750 /2025/DHCQ_NLU
21	21129693	Trần Duy	Khang	18/06/2003	Nam	2.83	Khá	2736 /2025/DHCQ_NLU
22	21129717	Huỳnh Thúy	Liều	13/06/2003	Nữ	3.48	Giỏi	2737 /2025/DHCQ_NLU
23	21129721	La Thị Tuyết	Linh	03/09/2003	Nữ	3.04	Khá	2738 /2025/DHCQ_NLU
24	21129773	Nguyễn Thị	Nga	02/08/2003	Nữ	3.10	Khá	2739 /2025/DHCQ_NLU
25	21129786	Nguyễn Thanh	Ngân	06/05/2003	Nữ	2.95	Khá	2740 /2025/DHCQ_NLU
26	21129787	Nguyễn Thị Ái	Ngân	01/11/2003	Nữ	3.14	Khá	2741 /2025/DHCQ_NLU
27	21129839	Nguyễn Thị	Nhiên	14/11/2003	Nữ	2.97	Khá	2743 /2025/DHCQ_NLU
28	21129879	Huỳnh Ngọc Mỹ	Quyên	02/04/2003	Nữ	3.20	Giỏi	2744 /2025/DHCQ_NLU
29	21129913	Lê Thị Kim	Thanh	14/01/2003	Nữ	3.09	Khá	2751 /2025/DHCQ_NLU
30	21129921	Hoàng Thanh	Thảo	05/09/2003	Nữ	2.93	Khá	2753 /2025/DHCQ_NLU
31	21129977	Đặng Thị Kim	Tiến	31/12/2003	Nữ	2.95	Khá	2747 /2025/DHCQ_NLU
Thủy sản								
DH18NTNT								
1	18116111	Nguyễn Thị	Quỳnh	20/01/2000	Nữ	2.60	Khá	2756 /2025/DHCQ_NLU
DH18NY								
1	18116084	Huỳnh Hữu	Thoại	16/02/2000	Nam	2.06	Trung bình	2757 /2025/DHCQ_NLU
DH20CT								
1	20117005	Nguyễn Thị Trúc	Duyên	17/07/2002	Nữ	2.90	Khá	2759 /2025/DHCQ_NLU
2	20117007	Tô Tiểu	Hân	19/11/2002	Nữ	2.73	Khá	2760 /2025/DHCQ_NLU
3	20117056	Nguyễn Hoàng Kim	Thanh	06/04/2002	Nữ	2.88	Khá	2766 /2025/DHCQ_NLU
4	20117088	Đặng Thị Thu	Duyên	21/07/2002	Nữ	3.22	Giỏi	2758 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
5	20117095	Nguyễn Thị	Hoa	22/11/2002	Nữ	2.75	Khá	2761 /2025/DHCQ_NLU
6	20117102	Hồ Ngọc Thanh	Ngân	18/11/2002	Nữ	2.57	Khá	2762 /2025/DHCQ_NLU
7	20117118	Đào Nguyên	Tây	02/02/2002	Nam	2.84	Khá	2763 /2025/DHCQ_NLU
8	20117131	Trần Hữu	Tính	16/11/2001	Nam	3.39	Giỏi	2764 /2025/DHCQ_NLU
9	20117137	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	28/10/2002	Nữ	2.62	Khá	2765 /2025/DHCQ_NLU
DH20KS								
1	20116108	Phạm Thu	Thảo	18/09/2002	Nữ	2.29	Trung bình	2769 /2025/DHCQ_NLU
2	20116121	Trần Thị Hiền	Thục	25/10/2002	Nữ	2.58	Khá	2770 /2025/DHCQ_NLU
3	20116219	Lục Thái	Minh	10/08/2002	Nam	2.41	Trung bình	2767 /2025/DHCQ_NLU
4	20116286	Nguyễn Quang	Tuyền	22/07/2002	Nam	2.62	Khá	2768 /2025/DHCQ_NLU
DH20NT								
1	20116015	Trịnh Văn	Cường	14/09/2002	Nam	2.73	Khá	2772 /2025/DHCQ_NLU
2	20116017	Thị Tấn	Đạt	27/11/2002	Nam	2.89	Khá	2773 /2025/DHCQ_NLU
3	20116042	Bùi Văn	Khang	09/09/2002	Nam	2.93	Khá	2774 /2025/DHCQ_NLU
4	20116090	Nguyễn Thúy	Oanh	27/07/2002	Nữ	2.64	Khá	2777 /2025/DHCQ_NLU
5	20116097	Nguyễn Triệu Anh	Quân	04/04/2002	Nam	2.18	Trung bình	2778 /2025/DHCQ_NLU
6	20116174	Hứa Văn	Bảnh	08/01/2002	Nam	2.35	Trung bình	2771 /2025/DHCQ_NLU
7	20116217	Trần Thanh	Luân	16/03/2002	Nam	2.44	Trung bình	2775 /2025/DHCQ_NLU
8	20116225	Trần Trọng	Nguyễn	22/08/2002	Nam	2.88	Khá	2776 /2025/DHCQ_NLU
9	20116249	Nguyễn Hoàng	Tất	20/05/2002	Nam	2.10	Trung bình	2779 /2025/DHCQ_NLU
DH20NTNT								
1	20116303	Võ Hồ Anh	Thy	21/08/2002	Nữ	2.57	Khá	2780 /2025/DHCQ_NLU
2	20116305	Huỳnh Trọng	Triều	04/04/2001	Nam	2.48	Trung bình	2781 /2025/DHCQ_NLU
DH20NY								
1	20116068	Lê Thị Thu	Ngân	08/03/2002	Nữ	2.63	Khá	2783 /2025/DHCQ_NLU
2	20116130	Cao Thị Quế	Trân	17/10/2002	Nữ	2.32	Trung bình	2785 /2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	20116169	Dương Quốc	Anh	15/11/2002	Nam	2.50	Khá	2782 /2025/DHCQ_NLU
4	20116236	Nguyễn Tấn	Phát	29/06/2002	Nam	2.88	Khá	2784 /2025/DHCQ_NLU
5	20116283	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	03/02/2002	Nữ	2.21	Trung bình	2786 /2025/DHCQ_NLU
6	20116289	Nguyễn Thị Thu	Uyên	23/03/2002	Nữ	2.17	Trung bình	2787 /2025/DHCQ_NLU
DH21CT								
1	21117021	Lê Thị Triều	Mến	26/12/2003	Nữ	3.00	Khá	2790 /2025/DHCQ_NLU
2	21117058	Lê Hoàng	Anh	07/05/2003	Nam	3.09	Khá	2788 /2025/DHCQ_NLU
3	21117059	Lê Thị Kim	Anh	21/11/2003	Nữ	3.15	Khá	2789 /2025/DHCQ_NLU
4	21117116	Lê Thị Huyền	Trần	01/01/2003	Nữ	3.28	Giỏi	2791 /2025/DHCQ_NLU
DH21KS								
1	21116122	Trần Trọng	Chánh	06/04/2003	Nam	3.04	Khá	2792 /2025/DHCQ_NLU
2	21116203	Ngô Thị Mai	Quỳnh	14/10/2003	Nữ	2.51	Khá	2793 /2025/DHCQ_NLU
DH21NT								
1	21116050	Huỳnh Thị Thu	Ngọc	21/05/2003	Nữ	2.85	Khá	2796 /2025/DHCQ_NLU
2	21116079	Lê Thị Sỹ	Thị	18/07/2003	Nữ	2.29	Trung bình	2800 /2025/DHCQ_NLU
3	21116088	Nguyễn Thị Thảo	Trần	24/10/2003	Nữ	3.34	Giỏi	2801 /2025/DHCQ_NLU
4	21116109	Nguyễn Đoàn Kiều	An	24/11/2003	Nữ	2.66	Khá	2794 /2025/DHCQ_NLU
5	21116166	Phan Thị Phương	Lam	09/03/2003	Nữ	2.50	Khá	2795 /2025/DHCQ_NLU
6	21116186	Nguyễn Lam Kim	Như	27/02/2003	Nữ	3.00	Khá	2797 /2025/DHCQ_NLU
7	21116190	Phạm Thị Kiều	Oanh	10/05/2003	Nữ	2.72	Khá	2798 /2025/DHCQ_NLU
8	21116229	Lê Đức	Tính	01/10/2003	Nam	3.32	Giỏi	2799 /2025/DHCQ_NLU



PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn